

BAC A BANK



NGÂN HÀNG
TMCP BẮC Á

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2013



MỤC LỤC

1.	TỔNG QUAN.....	1
1.1.	Thông tin chung về BAC A BANK	1
1.2.	Quá trình hình thành - phát triển	3
1.3.	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	6
1.4.	Mô hình tổ chức quản lý.....	13
1.5.	Định hướng phát triển	15
1.6.	Các rủi ro trong hoạt động kinh doanh.....	16
2.	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2013	17
2.1.	Hoạt động kinh doanh năm 2013	17
2.2.	Tổ chức và nhân sự	19
2.3.	Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án.....	20
2.4.	Các chỉ tiêu tài chính	21
2.5.	Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn chủ sở hữu	22
3.	BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	22
3.1.	Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013	22
3.2.	Tình hình tài chính	25
3.3.	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	27
3.4.	Kế hoạch phát triển	28
4.	ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	29
4.1.	Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của BAC A BANK	29
4.2.	Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Điều hành	31
4.3.	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị	32
5.	QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	33
5.1.	Hội đồng Quản trị	33
5.2.	Ban Kiểm soát.....	35
5.3.	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.....	37
6.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN.....	38

1. TỔNG QUAN

1.1. Thông tin chung về BAC A BANK

1.1.1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch:
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á
- Tên tiếng Anh:
BAC A COMMERCIAL JOINT STOCK BANK
- Tên viết tắt:
BAC A BANK
- Giấy chứng nhận ĐKKD số:
2900325526 do Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Nghệ An cấp
- Vốn điều lệ:
3.000.000.000.000 VND (Ba nghìn tỷ đồng)
- Giấy phép thành lập:
004924 GP/TLDN-03
- Địa chỉ:
Số 117 Quang Trung, P. Quang Trung, TP. Vinh, Nghệ An
- Số điện thoại:
(84-38) 3844277
- Số fax:
(84-38) 3841757
- Website:
<http://www.baca-bank.vn>

1.1.2. Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi

- **Tầm nhìn**

Ngân hàng TMCP Bắc Á kiên trì phấn đấu để luôn là một ngân hàng tận tâm, tạo ra một thể hệ khách hàng phát triển bền vững, đầu tư vào các lĩnh vực công nghệ cao, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và an sinh xã hội như nông - lâm - ngư nghiệp, dược liệu sạch, y tế và giáo dục... Với tư duy vượt trội, tính tiên phong, chuyên nghiệp, cải tiến không ngừng, vì hạnh phúc đích thực của mỗi con người với quyết tâm làm giàu chính đáng: BAC A BANK hướng tới giá trị bền vững cho các nhà đầu tư và ảm no hạnh phúc cho cộng đồng.

Từ nay đến năm 2015, BAC A BANK sẽ hoàn thành chuẩn mực hóa các tiêu chí của một ngân hàng có quy mô vừa phục vụ tư vấn các doanh nghiệp trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp, nông thôn và các ngành phụ trợ cho nông nghiệp, thực hiện mục tiêu đưa thể hệ các nhà đầu tư này lên một tầm cao mới, hòa nhập với quốc tế trong giai đoạn 2015 - 2020.

- **Sứ mệnh**

Ngân hàng TMCP Bắc Á tư vấn và phục vụ cho một thể hệ các doanh nghiệp phát triển bền vững, tạo ra giá trị cốt lõi, mang lại giá trị đích thực cho cuộc sống cộng đồng và thân thiện với môi trường.

- **Giá trị cốt lõi**

- ***Tiên phong***
- ***Chuyên nghiệp***
- ***Đáng tin cậy***
- ***Cải tiến không ngừng***
- ***Vì hạnh phúc đích thực***

1.2. Quá trình hình thành - phát triển

1.2.1. Lịch sử hình thành

01/09/1994	Ngân hàng TMCP Bắc Á (BAC A BANK) chính thức được thành lập với Trụ sở chính tại TP.Vinh, tỉnh Nghệ An.
10/08/1995	Khai trương chi nhánh đầu tiên: Chi nhánh Hà Nội, khởi đầu sự phát triển nhanh chóng về mạng lưới hoạt động của BAC A BANK.
03/06/2004	Chính thức đánh dấu sự có mặt tại khu vực kinh tế trọng điểm miền Nam với Lễ khai trương Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh.
2009-2010	Trang bị hệ thống giải pháp ngân hàng lõi (Core Banking), thiết lập nền tảng công nghệ mạnh mẽ để BAC A BANK tạo ra các sản phẩm dịch vụ ngân hàng hiện đại, tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường tài chính tiền tệ trong nước.
21/12/2011	Công bố sự kiện ra mắt hệ thống nhận diện thương hiệu mới: Biểu trưng mang hình ảnh hoa sen cách điệu, tượng trưng cho tâm sáng, cho trí tuệ, cho triết lý nhân sinh, sự tận tụy, khát khao vươn lên và lạc quan về tương lai tươi sáng. Việc thay đổi nhận diện thương hiệu BAC A BANK không đơn thuần là thay đổi chiếc áo mới bên ngoài mà nó đi kèm với chiến lược thay đổi về chất lượng dịch vụ và hướng đi của Ngân hàng.

Các đợt tăng vốn điều lệ

20 tỷ đồng	70 tỷ đồng	110 tỷ đồng	320 tỷ đồng	400 tỷ đồng	940 tỷ đồng	1.016 tỷ đồng	1.314,8 tỷ đồng	3.000 tỷ đồng
<u>9/1994</u>	<u>3/2002</u>	<u>12/2004</u>	<u>6/2006</u>	<u>6/2007</u>	<u>12/2007</u>	<u>10/2008</u>	<u>12/2008</u>	<u>12/2010</u>

1.2.2. Các mốc sự kiện quan trọng

- 1999** UBND tỉnh Nghệ An tặng Bằng khen về thành tích thi đua thời kỳ đổi mới 1990 - 1999; thành tích BVANTQ 1998 - 1999; thành tích xuất sắc nhiệm kỳ 1994 - 1999.
- 2000** Liên minh HTX Việt Nam tặng Bằng khen về thành tích xây dựng và phát triển HTX.
- 2001** Tổng LĐLĐ Việt Nam tặng bằng khen về thành tích trong phong trào văn hoá TDTT.
- 2002** UBND tỉnh Nghệ An tặng cờ Đơn vị thi đua xuất sắc hai năm liên tiếp 2001, 2002. BHXH Việt Nam tặng Bằng khen về thành tích thực hiện chính sách BHXH.
- 2003** Chính phủ tặng Bằng khen về thành tích trong công tác.
UBND tỉnh Nghệ An tặng Bằng khen về thành tích thực hiện Luật Doanh nghiệp bốn năm 2000 - 2003.
- 2004** Chính phủ tặng cờ Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua hai năm liên tiếp 2003, 2004.
UBND tỉnh Nghệ An tặng Bằng khen về thành tích BVANTQ 1999 - 2004.
Bảo hiểm xã hội tỉnh Nghệ An tặng Giấy khen về thành tích trong phong trào thực hiện nhiệm vụ công tác BHXH giai đoạn 2000 - 2003.
Bộ Tài chính tặng Bằng khen về thành tích chấp hành tốt chính sách thuế.
Công đoàn Ngân hàng Việt Nam tặng Bằng khen về thành tích Công đoàn cơ sở vững mạnh năm năm 2000 - 2004.
- 2005** UBND tỉnh Nghệ An tặng cờ Đơn vị thi đua xuất sắc.
UBND tỉnh Nghệ An tặng Bằng khen về thành tích thi đua năm năm; thành tích vận động giúp đỡ trẻ em khuyết tật; thành tích mua công trái.
Được Ngân hàng Nhà nước tỉnh Nghệ An xếp loại A về kết quả hoạt động kinh doanh giai đoạn 1999 - 2005.
- 2006** Bộ Tài chính tặng Bằng khen về thành tích chấp hành tốt chính sách thuế.
- 2008** Chính phủ tặng Bằng khen về thành tích Chấp hành tốt chính sách thuế ba năm liên tục từ 2005 - 2007, góp phần xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội cả nước.
Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam tặng Bằng khen về thành tích đóng góp xây dựng, phát triển Hiệp hội.
BAC A BANK được xếp hạng 388 trong Top 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam (VNR500) năm 2008.

2009

Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen về thành tích trong công tác sưu tầm và giới thiệu kỷ vật kháng chiến, góp phần vào sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc.

BAC A BANK được xếp hạng 110 trong Top 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam (VNR500) năm 2009.

BAC A BANK được xếp hạng 409 trong Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR500) năm 2009.

2010

Chính phủ tặng cờ Đơn vị thi đua xuất sắc.

UBND tỉnh Nghệ An tặng cờ Đơn vị thi đua xuất sắc, Bằng khen về nhiều thành tích giai đoạn 2006 - 2010; công nhận danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc năm năm liên tiếp 2006 - 2010.

Công đoàn Ngân hàng Việt nam tặng Bằng khen về thành tích Công đoàn cơ sở vững mạnh năm năm liên tiếp 2006 - 2010.

Công an tỉnh Nghệ An tặng Bằng khen về thành tích Bảo vệ An ninh Tổ quốc giai đoạn 2005 - 2010.

BAC A BANK được xếp hạng 186 trong Top 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam (VNR500) năm 2010.

2012

BAC A BANK nhận giải thưởng Top 100 sản phẩm dịch vụ Tin & Dùng 2012 do Thời báo kinh tế Việt Nam tổ chức.

BAC A BANK được xếp hạng 56 trong Top 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam (VNR500) năm 2012.

BAC A BANK được xếp hạng 173 trong Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR500) năm 2012.

2013

Ngân hàng Nhà nước xếp loại BAC A BANK trong những ngân hàng thuộc Nhóm 1 - được phép tăng trưởng tín dụng ở mức cao nhất.

Ngân hàng TMCP Bắc Á được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận cho phép tăng vốn điều lệ lên 3.700 tỷ đồng.

Bà Thái Hương - Tổng Giám đốc BAC A BANK vinh dự nhận danh hiệu “Doanh nhân Việt Nam tiêu biểu” 2013 vì thành tích xuất sắc trong quá trình xây dựng, phát triển doanh nghiệp, đóng góp cho kinh tế xã hội của đất nước và nâng cao đời sống người lao động.

Nhận giải thưởng Doanh nghiệp Thương mại Dịch vụ Xuất sắc năm 2013 do Bộ Công thương trao tặng.

BAC A BANK được xếp hạng 116 trong Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam (FAST500) năm 2013.

BAC A BANK được xếp hạng 54 trong Top 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam (VNR500) năm 2013.

BAC A BANK được xếp hạng 181 trong Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR500) năm 2013.

1.3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

1.3.1. Ngành nghề kinh doanh

- **Tài chính - Ngân hàng**

Ngân hàng TMCP Bắc Á (BAC A BANK) cung cấp đầy đủ và toàn diện các dịch vụ tài chính - ngân hàng như: Dịch vụ tài khoản nội tệ và ngoại tệ, Dịch vụ thanh toán trong và ngoài nước, Dịch vụ tiền gửi - tiết kiệm, Dịch vụ tín dụng - cho vay, Dịch vụ thẻ và ngân hàng điện tử, Dịch vụ bảo lãnh thanh toán và tài trợ thương mại, Dịch vụ kinh doanh ngoại hối... Chất lượng và hiệu quả hoạt động của BAC A BANK luôn được khẳng định và phát triển theo hướng ngày càng hiện đại, bền vững với hệ thống mạng lưới được củng cố và mở rộng trên quy mô toàn quốc.

- **Tư vấn đầu tư**

Kiên trì theo đuổi chiến lược phát triển bền vững, bên cạnh việc cung cấp các dịch vụ tài chính, BAC A BANK đặc biệt chú trọng hoạt động tư vấn đầu tư với các dự án mang tính an sinh xã hội. Với tiêu chí đặt lợi ích của mình bên cạnh lợi ích quốc gia, các dự án do BAC A BANK tư vấn đầu tư đều hướng tới mục tiêu cải thiện chất lượng sống như chế biến thực phẩm sạch hay các bệnh viện và trường học đạt tiêu chuẩn hàng đầu quốc tế ngay tại Việt Nam, đây là những lĩnh vực tạo ra giá trị cốt lõi, thân thiện với môi trường, đồng thời giúp chúng tôi gửi gắm thông điệp về một tương lai bền vững.

1.3.2. Mạng lưới hoạt động

Trong năm 2013, toàn bộ mạng lưới điểm giao dịch của BAC A BANK trên toàn quốc đã được chuyển đổi theo mô hình nhận diện thương hiệu mới, được tư vấn bởi Công ty Allen International - Vương quốc Anh. Sự thay đổi này đem đến cho các điểm giao dịch của Ngân hàng một hình ảnh mới sang trọng, với không gian giao dịch tiện nghi theo tiêu chuẩn quốc tế nhằm thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Bên cạnh đó, mạng lưới ATM và POS tiếp tục được đầu tư tăng về số lượng và mở độ phủ đến hầu hết các tỉnh, thành phố lớn trên toàn quốc.

Mạng lưới giao dịch của BAC A BANK (tính đến hết năm 2013):

- 01 Hội sở, 18 Chi nhánh tại 12 tỉnh, thành trọng điểm.
- 84 điểm giao dịch.

Địa bàn Tỉnh Nghệ An

Trụ sở chính

Số 117 Quang Trung, Phường Quang Trung, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An
ĐT: 038.3844277 Fax: 038.3841757

Phòng Giao dịch Chợ Ga Vinh

Lô số 30,31 Chợ Ga Vinh, Phường Lê Lợi, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An
ĐT: 038.3853128 Fax: 038.3853128

Phòng Giao dịch Nghĩa Đàn

Xã Nghĩa Sơn, Huyện Nghĩa Đàn, Tỉnh Nghệ An
ĐT: 038.3963108 Fax: 038.3963107

Phòng Giao dịch Nghi Phú

Số 32 Đại Lộ V.I. Lê Nin, Xã Nghi Phú, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An
ĐT: 038.3574576 Fax: 038.3574576

Phòng Giao dịch Hà Huy Tập

Số 26 Hà Huy Tập, P. Hà Huy Tập, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An
ĐT: 038.3574577 Fax: 038.3574577

Phòng Giao dịch Nguyễn Thị Minh Khai

Số 108 Nguyễn Thị Minh Khai, P. Hưng Bình, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An
ĐT: 038.3574578 Fax: 038.3574578

Phòng Giao dịch Chợ Vinh

Số 3 Trần Phú, P. Quang Trung, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An
ĐT: 038.3574579 Fax: 038.3574579

Phòng Giao dịch Thái Hòa

Khối 250, Phường Quang Tiến, Thị xã Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An
ĐT: 038.3811899 Fax: 038.3811899

Phòng Giao dịch Đô Lương

Khối 3 thị trấn Đô Lương, Huyện Đô Lương, Tỉnh Nghệ An
ĐT: 038.3715888 Fax: 038.3871039

Điểm giao dịch Quỳnh Hợp

Khối 20 Thị trấn Quỳnh Hợp, Huyện Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An

Điểm giao dịch Diễn Châu

Tòa nhà TTTM Mường Thanh, Huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An

Điểm giao dịch Quỳnh Lưu

Khối 3 Thị trấn Cầu Giát, Huyện Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An

Điểm giao dịch Yên Thành

Khối 2 Thị trấn Yên Thành, Huyện Yên Thành, Tỉnh Nghệ An

Địa bàn TP.Hà Nội

1. Chi nhánh Thái Hà

Số 80 Nguyễn Chí Thanh, P. Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP.Hà Nội
ĐT: 04.37759012 Fax: 04.37759013

Phòng Giao dịch Số 8

Số 61 Thái Hà, P. Trung Liệt, Quận Đống Đa, TP.Hà Nội
ĐT: 04.38570016 Fax: 04.38571355

Phòng Giao dịch Khâm Thiên

Số 203 Khâm Thiên, Quận Đống Đa, TP.Hà Nội
ĐT: 04.35132825 Fax: 04.35132826

Phòng Giao dịch Số 24

Số 30A Trần Diên, P. Định Công, Quận Hoàng Mai, TP.Hà Nội.
ĐT: 04.36400445 Fax: 04.36400448

2. Chi nhánh Hà Nội

Số 46 Trần Hưng Đạo, P. Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội
ĐT: 04.39331846 Fax: 04.39331845

Phòng Giao dịch Phương Mai

Số 101E9 Phương Mai, Quận Đống Đa, TP.Hà Nội
ĐT: 04.35762722 Fax: 04.35762723

Phòng Giao dịch Số 22

Số 136-138 Kim Ngưu, Quận Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội
ĐT: 043.9728142 Fax: 043.9728249

Phòng Giao dịch Tây Sơn

Số 115 Tây Sơn, Quận Đống Đa, TP.Hà Nội
ĐT: 04.35332227 Fax: 04.35332228

Phòng Giao dịch Bạch Mai

Số 64 Bạch Mai, Quận Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội
ĐT: 04.36276747 Fax: 04.36275524

Phòng Giao dịch Đội Cấn

Số 80 Đội Cấn, Quận Ba Đình, TP.Hà Nội
ĐT: 04.37226145 Fax: 04.37226143

Phòng Giao dịch Bà Triệu

163 Bà Triệu, P. Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội
ĐT: 04.39749678 Fax: 04.39749677

Phòng Giao dịch Hàng Bông

Số 133 Hàng Bông, Quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội
ĐT: 04.39288826 Fax: 04.39288827

3. Chi nhánh Hà Thành

Số 11 Nguyễn Thị Định, P. Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, TP.Hà Nội
ĐT: 04.35561615 Fax: 04.35561619

Phòng Giao dịch Số 9

Số 52 Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội
ĐT: 04.39448131 Fax: 04.39448132

Phòng Giao dịch Số 23

Số 32 Trần Phú, Quận Hà Đông, TP.Hà Nội
ĐT: 04.35683414 Fax: 04.35683416

Phòng Giao dịch Số 18

Số 43 Tuệ Tĩnh, Quận Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội
ĐT: 04.39742591 Fax: 04.39742590

Phòng Giao dịch Số 26

Nhà A4 - Tổ 54 Trung Kính, P. Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, TP.Hà Nội
ĐT: 04.37823496 Fax: 04.37823497

Quỹ tiết kiệm Thái Thịnh

Số 61A Thái Thịnh 2, Quận Đống Đa, TP.Hà Nội
ĐT: 04.35627408 Fax: 04.35627407

4. Chi nhánh Hàng Đậu

Số 27 Hàng Đậu, P. Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội
ĐT: 04.38281922 Fax: 04.39272385

Phòng Giao dịch Số 20

Số 533 đường Âu Cơ, Quận Tây Hồ, TP.Hà Nội
ĐT: 04.37100494 Fax: 04.37100495

Phòng Giao dịch Số 21

Số 531 đường Hoàng Hoa Thám, Quận Ba Đình, TP.Hà Nội
ĐT: 04.37618731 Fax: 04.37618730

Phòng Giao dịch Số 15

Số 31 Hàng Bún, P. Nguyễn Trung Trực, Quận Ba Đình, TP.Hà Nội
ĐT: 04.37153264 Fax: 04.37153214

Quỹ tiết kiệm Ngọc Lâm

Số 4 Nguyễn Sơn, P. Ngọc Lâm, Quận Long Biên, TP.Hà Nội
ĐT: 04.38737974 Fax: 04.38737975

5. Chi nhánh Kim Liên

Số 9 Đào Duy Anh, P. Phương Liên, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

ĐT: 04.62761526 Fax: 04.62761528

Phòng Giao dịch Số 12

Số 6 Tràng Tiền, P. Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

ĐT: 04.39368776 Fax: 04.39368531

Phòng Giao dịch Số 10

Số 12 Lý Nam Đế, P. Hàng Mã, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

ĐT: 04.39381818 Fax: 04.39381056

Phòng Giao dịch Số 25

Số 64 Nguyễn Viết Xuân, P. Khương Mai, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

ĐT: 04.35667521 Fax: 04.35667520

Quỹ tiết kiệm Tràng Tiền

Số 57 Tràng Tiền, P. Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

ĐT: 04.39612999 Fax: 04.39387762

6. Chi nhánh Thăng Long

Số 337 Trường Chinh, P. Khương Trung, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

ĐT: 04.35682665 Fax: 04.35682667

Phòng Giao dịch Cát Linh

Số 10A Cát Linh, P. Cát Linh, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

ĐT: 04.37344011 Fax: 04.37344012

Phòng Giao dịch Số 16

Số 139 Hào Nam, P. Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

ĐT: 04.35123219 Fax: 04.35123220

Quỹ tiết kiệm Trường Chinh

Số 22 Trường Chinh, P. Phương Mai, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

ĐT: 04.36285725 Fax: 04.36285726

Quỹ tiết kiệm Đền Lừ

Số 382 tổ 45A, P. Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội
ĐT: 04.36343695 Fax: 04.36343696

7. Chi nhánh Cầu Giấy

Số 96 Hoàng Quốc Việt, P. Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

ĐT: 04.37481518 Fax: 04.37545492

Phòng Giao dịch Số 17

Số 22 Trần Quốc Hoàn, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

ĐT: 04.37932057 Fax: 04.37932056

Phòng Giao dịch Số 19

Số 198A Lò Đúc, P. Đồng Mác, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

ĐT: 04.39727834 Fax: 04.39727837

Phòng Giao dịch Số 27

Số 376 Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

ĐT: 043.7958600 Fax: 043.7958601

Địa bàn Tỉnh Hưng Yên

8. Chi nhánh Hưng Yên

Số 7 đường Điện Biên I, P. Lê Lợi, TP. Hưng Yên

ĐT: 0321.3888986 Fax: 0321.3888966

Phòng giao dịch Khoái Châu

TT Bách hóa tổng hợp, Thị trấn Khoái Châu, Huyện Khoái Châu,
Tỉnh Hưng Yên

ĐT: 0321.3916556 Fax: 0321.3916559

Địa bàn TP.Hải Phòng

9. Chi nhánh Hải Phòng

Thửa đất số 17, khu B1, Lô 7B Lê Hồng Phong, P. Đông Khê, Quận
Ngô Quyền, TP.Hải Phòng

ĐT: 0313.3556166 Fax: 0313.556366

Địa bàn Tỉnh Thanh Hóa

10. Chi nhánh Thanh Hóa

Lô 55,56 Nguyễn Trãi, P. Ba Đình, TP.Thanh Hóa

ĐT: 037.3720669 Fax: 037.3855407

Phòng Giao dịch Lê Hữu Lập

Số 19 Lê Hữu Lập, P. Lam Sơn, TP.Thanh Hóa

ĐT: 037.3726454 Fax: 037.3726454

Phòng Giao dịch Trường Thi

Số 128 Trường Thi, P. Trường Thi, TP.Thanh Hóa

ĐT: 037.3727656 Fax: 037.3729208

Phòng Giao dịch Đình Công Tráng

Số 159 Đình Công Tráng, P. Ba Đình, TP.Thanh Hoá

ĐT: 037.3712688 Fax: 037.3755797

Phòng Giao dịch số 5

Số 699-701-703 Bà Triệu, P. Trường Thi, TP.Thanh Hóa

ĐT: 037.3750368 Fax: 037.3757335

Địa bàn Tỉnh Hà Tĩnh

11. Chi nhánh Hà Tĩnh

Số 86 đường Phan Đình Phùng, TP.Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh

ĐT: 039.3696127 Fax: 039.3696124

Địa bàn Tỉnh Quảng Bình

12. Chi nhánh Quảng Bình

Số 285 -287 Trần Hưng Đạo, P. Nam Lý, TP.Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

ĐT: 052.6255067 Fax: 052.6255068

Phòng giao dịch Đồng Phú

Số 20 Trần Hưng Đạo, P. Đồng Phú, TP.Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

ĐT: 052.6255777 Fax: 052.6250051

Địa bàn Tỉnh Thừa Thiên Huế

13. Chi nhánh

Thừa Thiên Huế

Số 86 Nguyễn Huệ, TP.Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

ĐT: 054.3941777 Fax: 054.3941776

Địa bàn TP.Đà Nẵng

14. Chi nhánh Đà Nẵng

Số 234 đường Nguyễn Văn Linh, Quận Thanh Khê, TP.Đà Nẵng

ĐT: 0511.3654707 Fax: 0511.3654737

Phòng giao dịch Điện Biên Phủ

Số 415 Điện Biên Phủ, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng
ĐT: 0511.3727050 Fax: 0511.3727090

Địa bàn TP.Cần Thơ

15. Chi nhánh Cần Thơ

Số 34 Trần Văn Khéo, P. Cái Khế, Quận Ninh Kiều, TP.Cần Thơ
ĐT: 0710.3826678/7678 Fax: 0710.3828678

Phòng Giao dịch Ninh Kiều

Số 168 Lý Tự Trọng, P. An Cư, Quận Ninh Kiều, TP.Cần Thơ
ĐT: 0710.3899696 Fax: 0710.3898456

Địa bàn Tỉnh Kiên Giang

16. Chi nhánh Kiên Giang

Số 201 Nguyễn Trung Trực, P. Vĩnh Bảo, TP.Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang
ĐT: 077.3943437 Fax: 077.3943434

Địa bàn TP.Hồ Chí Minh

17. Chi nhánh Phan Đăng Lưu

Số 36A Phan Đăng Lưu, P.5, Quận Phú Nhuận, TP.Hồ Chí Minh
ĐT: 08.35512119 Fax: 08.35109887

Quỹ tiết kiệm số 1

Số 382C1 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh
ĐT: 08.35267352 Fax: 08.35267353

Quỹ tiết kiệm số 2

Số 148 Tô Hiến Thành, P.15, Quận 10, TP.Hồ Chí Minh
ĐT: 08.38684580 Fax: 08.38684819

Phòng giao dịch Hai Bà Trưng

Số 230 Hai Bà Trưng, P.Tân Định, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh
ĐT: 08.38200556 Fax: 08.38209780

Phòng giao dịch Bạch Đằng

Số 4 Bạch Đằng, P.24, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh
ĐT: 08.35119186 Fax: 08.35119193

Phòng giao dịch Phan Xích Long

Số 317-319 Phan Xích Long, P.1, Quận Phú Nhuận, TP.Hồ Chí Minh
ĐT: 08.39901141 Fax: 08.39902912

Phòng giao dịch Nguyễn Thị Thập

Số 140 Nguyễn Thị Thập, P.Bình Thuận, Quận 7, TP.Hồ Chí Minh
ĐT: 08.37711490/91 Fax: 08.37711492

Phòng giao dịch An Dương Vương

Số 155 - 157 An Dương Vương, P.8, Quận 5, TP.Hồ Chí Minh
ĐT: 08.38559586/0587 Fax: 08.38554616

18. Chi nhánh Hồ Chí Minh

Số 125 Bà Huyện Thanh Quan, P.9, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh
ĐT: 08.35261022/1023 Fax: 08.35261024

Phòng giao dịch Cách Mạng Tháng Tám

Số 733 Cách Mạng Tháng 8, P.6, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh
ĐT: 08.39708761 Fax: 08.39708763

Phòng giao dịch Hoàng Văn Thụ

Số 467 Hoàng Văn Thụ, P.4, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh

ĐT: 08.39483821 Fax: 08.39483823

Phòng giao dịch Phạm Đình Hổ

Số 2 Phạm Đình Hổ, P.1, Quận 6, TP.Hồ Chí Minh

ĐT: 08.38546745 Fax: 08.38546737

Phòng giao dịch Triệu Quang Phục

Số 70 Triệu Quang Phục, P.10, Quận 5, TP.Hồ Chí Minh

ĐT: 08.38553371 Fax: 08.38553374

Phòng giao dịch Lữ Bán Bích

Số 175 Lữ Bán Bích, P.Hiệp Tân, Quận Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh

ĐT: 08.39641029 Fax: 08.39618915

Phòng giao dịch Trường Chinh

Số 475-477 Trường Chinh, P.14, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh

ĐT: 08.38126674 Fax: 08.38216701

Phòng giao dịch Nguyễn Chí Thanh

Số 810-812 Nguyễn Chí Thanh, P.4, Quận 11, TP.Hồ Chí Minh

ĐT: 08.39551684 Fax: 08.39551703

Quỹ tiết kiệm Trung Sơn

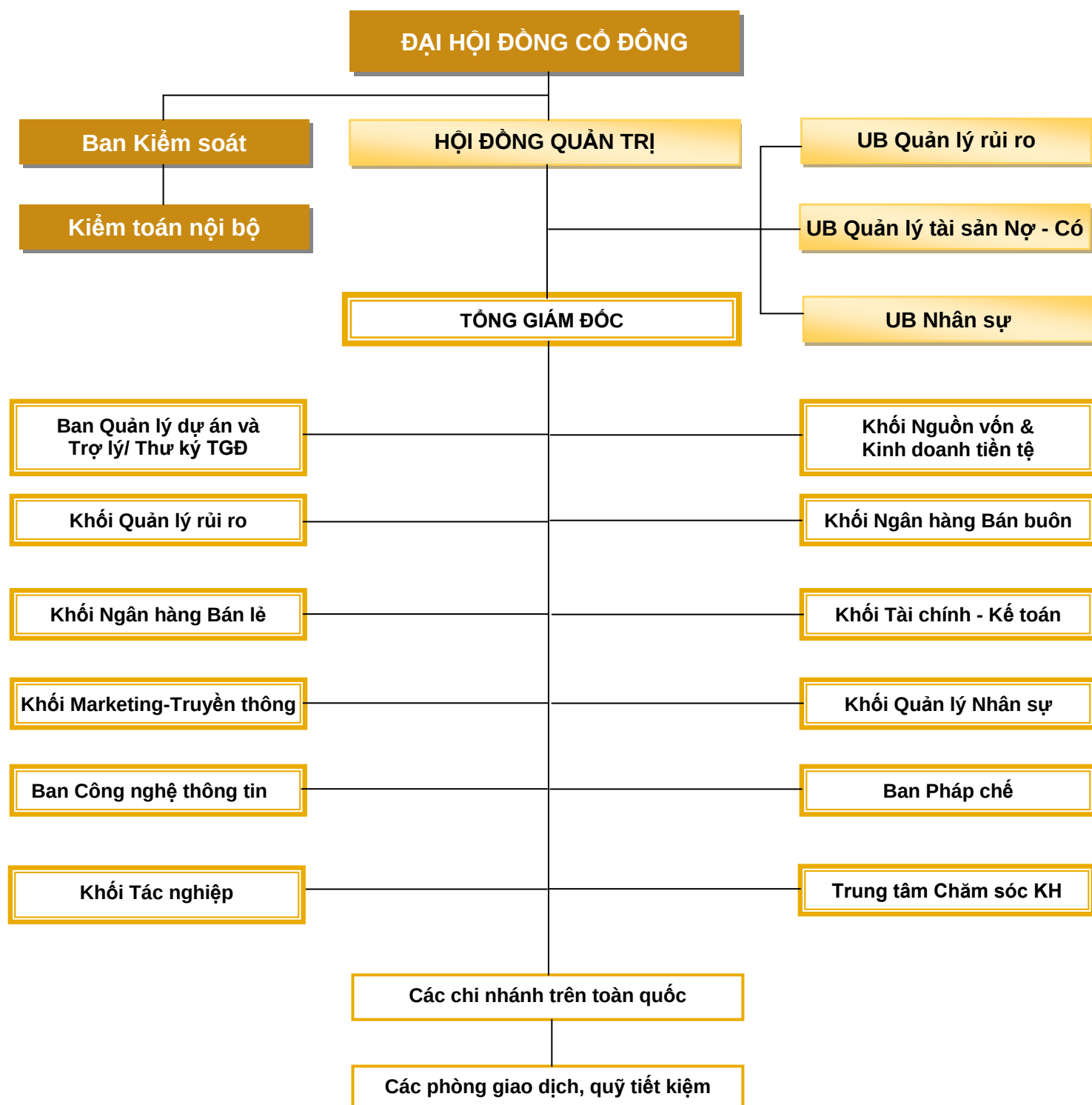
Số 101-103-105 Đường số 9A, Khu Dân Cư Trung Sơn, Ấp 4,
Xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: 08.54319602 Fax: 08.54319605

1.4. Mô hình tổ chức quản lý

1.4.1. Cơ cấu tổ chức

- Sơ đồ tổ chức



• Thông tin bổ nhiệm nhân sự chủ chốt

- Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Trần Thị Thoảng	Chủ tịch	Bổ nhiệm vào ngày 14 tháng 04 năm 2008 Tái bổ nhiệm vào ngày 23 tháng 04 năm 2013
Bà Thái Hương	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm vào ngày 14 tháng 04 năm 2008 Tái bổ nhiệm vào ngày 23 tháng 04 năm 2013
Ông Võ Văn Quang	Ủy viên	Bổ nhiệm vào ngày 18 tháng 05 năm 2011 Tái bổ nhiệm vào ngày 23 tháng 04 năm 2013
Ông Thái Duy Đô	Ủy viên	Bổ nhiệm vào ngày 14 tháng 04 năm 2008 Miễn nhiệm vào ngày 23 tháng 04 năm 2013
Ông Phạm Thanh Bình	Ủy viên	Bổ nhiệm vào ngày 18 tháng 05 năm 2011 Miễn nhiệm vào ngày 23 tháng 04 năm 2013
Ông Lê Thanh Nghị	Ủy viên	Bổ nhiệm vào ngày 23 tháng 04 năm 2013
Ông Đặng Thái Nguyên	Ủy viên	Bổ nhiệm vào ngày 23 tháng 04 năm 2013

- Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phạm Hồng Công	Trưởng Ban	Bổ nhiệm vào ngày 14 tháng 04 năm 2008 Tái bổ nhiệm vào ngày 23 tháng 04 năm 2013
Ông Thái Đình Long	Thành viên	Bổ nhiệm vào ngày 14 tháng 04 năm 2008 Tái bổ nhiệm vào ngày 23 tháng 04 năm 2013
Bà Trương Thị Kim Thư	Thành viên	Bổ nhiệm vào ngày 18 tháng 05 năm 2011 Tái bổ nhiệm vào ngày 23 tháng 04 năm 2013
Bà Phạm Thị Thúy Hường	Thành viên	Bổ nhiệm vào ngày 18 tháng 05 năm 2011 Tái bổ nhiệm vào ngày 23 tháng 04 năm 2013

- Ban Điều hành và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Thái Hương	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 14 tháng 04 năm 2008
Ông Nguyễn Trọng Trung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 15 tháng 05 năm 2003
Ông Chu Nguyên Bình	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 01 tháng 03 năm 2008
Ông Trương Vĩnh Lợi	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 31 tháng 05 năm 2008
Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 01 tháng 06 năm 2008 Miễn nhiệm vào ngày 08 tháng 11 năm 2013
Ông Võ Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 30 tháng 06 năm 2009
Bà Nguyễn Thị Hồng Yến	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm vào ngày 16 tháng 05 năm 2011

1.4.2. Công ty con

Tại ngày 31/12/2013, Ngân hàng TMCP Bắc Á có một (01) công ty con do Ngân hàng sở hữu 100% vốn là Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản - Ngân hàng TMCP Bắc Á với vốn điều lệ là 250 tỷ đồng, hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản bảo đảm nợ vay theo quyết định thành lập số 939/QĐ-HĐQT của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Bắc Á ngày 12/12/2009 và Quyết định số 330/QĐ-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ngày 11/02/2010.

1.5. Định hướng phát triển

1.5.1. Mục tiêu hoạt động

Mục tiêu của Ngân hàng TMCP Bắc Á là phát triển theo hướng hiện đại, hoạt động an toàn, hiệu quả vững chắc có khả năng cạnh tranh lớn dựa trên nền tảng công nghệ, quản trị ngân hàng tiên tiến phù hợp với thông lệ, chuẩn mực Việt Nam và quốc tế về hoạt động ngân hàng nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu về dịch vụ tài chính, ngân hàng của nền kinh tế.

Trong giai đoạn tới, Ngân hàng TMCP Bắc Á tập trung nâng cao năng lực tài chính và củng cố năng lực hoạt động, theo hướng an toàn và hiệu quả. Phấn đấu đến cuối năm 2015, Ngân hàng TMCP Bắc Á trở thành ngân hàng hàng đầu trong nước trong lĩnh vực cho vay nhóm các doanh nghiệp vừa và nhỏ áp dụng công nghệ cao trong sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp và các ngành sản xuất - chế biến và công nghiệp phụ trợ, y tế và giáo dục. Đây là định hướng căn bản và xuyên suốt cả giai đoạn, quyết định đến mọi chính sách hoạt động của Ngân hàng.

1.5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Ngân hàng TMCP Bắc Á thực hiện kế hoạch phát triển bền vững, ổn định, hiệu quả; tập trung nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua việc xây dựng và phát triển thương hiệu, khẳng định vị thế của Ngân hàng ở trong nước, hướng tới hội nhập khu vực và quốc tế. Xây dựng văn hóa kinh doanh thành nền tảng để đầu tư phát triển chiều sâu ngay từ ban đầu, trong đó xác định nguồn nhân lực chính là nòng cốt để phát triển bền vững, chọn và đào tạo đúng người, đúng việc, thực hiện chăm lo đời sống tinh thần, vật chất cho nhân viên.

Trong giai đoạn tới, Ngân hàng sẽ tăng cường công tác tiếp thị, quảng bá hình ảnh thương hiệu của Ngân hàng nhằm thiết lập và phát triển mối quan hệ bền vững lâu dài với khách hàng cá nhân và doanh nghiệp. Bên cạnh đó, BAC A BANK vẫn tiếp tục thúc đẩy tăng trưởng dư nợ phù hợp với mức tăng trưởng nguồn vốn, thực hiện kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng.

Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành quyết tâm xây dựng, phát triển Ngân hàng TMCP Bắc Á vững mạnh về mọi mặt, đủ sức cạnh tranh trong thời kỳ toàn cầu hóa, lấy chất lượng sản phẩm và dịch vụ khách hàng là tiêu chí phấn đấu. Xây dựng đề án phát triển và tầm nhìn trung - dài hạn; trong đó yêu cầu có những bước tăng trưởng mang tính đột phá, phù hợp với xu hướng phát triển thời đại để xây dựng một ngân hàng cổ phần đa năng hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, với sự có mặt của các cổ đông chiến lược trong và ngoài nước để hỗ trợ toàn diện năng lực hoạt động cũng như các mặt nghiệp vụ ngân hàng.

1.5.3. Định hướng trách nhiệm xã hội - cộng đồng

Ngân hàng TMCP Bắc Á tập trung đầu tư và tư vấn đầu tư vào các dự án liên quan đến ứng dụng công nghệ cao vào nông nghiệp, nông thôn, thực phẩm, y tế, dược liệu, giáo dục, và các lĩnh vực phục vụ an sinh xã hội... Những hoạt động này mang lại giá trị bền vững cho sự phát triển của Ngân hàng và góp phần vào sự đổi mới, thịnh vượng của đất nước.

BAC A BANK rất chú trọng tham gia các sự kiện hỗ trợ hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng như tài trợ các diễn đàn về thị trường vốn, các hội nghị về giám sát tài chính. Bên cạnh đó, Ngân hàng còn theo đuổi mục tiêu củng cố trí lực Việt Nam với việc đồng hành cùng Dự án Vì Tầm vóc

Việt do Tập đoàn TH chủ trì; tài trợ Hội nghị xúc tiến đầu tư và an sinh xã hội vùng Tây Bắc nhằm góp phần thúc đẩy một thể hệ các doanh nghiệp phát triển bền vững.

1.6. Các rủi ro trong hoạt động kinh doanh

1.6.1. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết.

BAC A BANK kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng bằng cách thiết lập hạn mức thanh toán tương ứng với mức độ rủi ro mà BAC A BANK có thể chấp nhận được đối với mỗi khách hàng và đối với mỗi lĩnh vực địa lý, ngành nghề.

BAC A BANK đã thiết lập quy trình soát xét chất lượng tín dụng cho phép dự báo sớm những thay đổi về tình hình tài chính, khả năng trả nợ của các bên đối tác dựa trên các yếu tố định tính, định lượng. Hạn mức tín dụng đối với mỗi khách hàng được thiết lập thông qua việc sử dụng hệ thống xếp hạng tín dụng, trong đó mỗi khách hàng được xếp loại ở một mức độ rủi ro. Mức độ rủi ro này có thể được sửa đổi, cập nhật thường xuyên.

1.6.2. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất phát sinh khi có chênh lệch về kỳ hạn tái định giá giữa tài sản nợ có của ngân hàng.

Dù trong bối cảnh kinh tế những năm vừa qua gặp nhiều khó khăn; việc quản lý rủi ro lãi suất tại BAC A BANK tuân theo nguyên tắc thận trọng, sử dụng nhiều công cụ quản lý rủi ro lãi suất.

1.6.3. Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi tỷ giá.

BAC A BANK được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VNĐ. Đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng cũng là VNĐ. Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng của Ngân hàng chủ yếu bằng VNĐ, một phần bằng đô la Mỹ. Tuy nhiên, một số tài sản khác của BAC A BANK lại bằng các đồng tiền khác ngoài VNĐ và đô la Mỹ. Ngân hàng đã đưa ra một hệ thống hạn mức để quản lý trạng thái của các đồng tiền. Trạng thái đồng tiền được quản lý trên cơ sở hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được BAC A BANK sử dụng để đảm bảo trạng thái của các đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

1.6.4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Ngân hàng gặp khó khăn trong việc thực hiện những nghĩa vụ cho các công nợ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Ngân hàng có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những công nợ này đến hạn ở những thời điểm bình thường hoặc khó khăn.

Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, BAC A BANK phải huy động từ nhiều nguồn đa dạng khác ngoài nguồn vốn cơ bản của Ngân hàng. Đồng thời, Ngân hàng áp dụng chính sách quản lý tài sản có tính thanh khoản linh hoạt, theo dõi dòng tiền tương lai và tính thanh khoản hàng ngày. Ngân hàng cũng đánh giá dòng tiền dự kiến và khả năng sẵn có của tài sản đảm bảo hiện tại trong trường hợp cần huy động thêm nguồn vốn.

Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời gian còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày lập báo cáo tài chính đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2013

2.1. Hoạt động kinh doanh năm 2013

Trong năm 2013, tình hình kinh tế trong nước cũng như thế giới còn nhiều khó khăn và biến động. Ở trong nước, sau những nỗ lực thực hiện các chính sách kinh tế vĩ mô, nền kinh tế đã đạt được những kết quả nhất định: “tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô, lạm phát thấp hơn, tăng trưởng cao hơn năm 2012” và vẫn “bảo đảm an sinh xã hội, phúc lợi xã hội”. Tuy nhiên, nền kinh tế còn đang đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức: Tổng cầu của nền kinh tế còn thấp; Nợ xấu của toàn bộ hệ thống ngân hàng thương mại vẫn cao; Hàng tồn kho lớn; Số doanh nghiệp thu hẹp sản xuất kinh doanh, tạm dừng hoặc giải thể còn cao; Thị trường chứng khoán chưa thực sự khởi sắc, thị trường bất động sản vẫn còn trầm lắng.

Đối với hoạt động tài chính ngân hàng, năm 2013 được đánh giá là năm có những bước tiến khá vững chắc. Bằng những chính sách đúng đắn, Ngân hàng Nhà nước đã thành công trong kiềm chế lạm phát, ổn định tỷ giá và thị trường vàng, từng bước giảm và ổn định lãi suất, đặc biệt là thanh khoản cơ bản đã được điều tiết thành công. Bên cạnh những kết quả đạt được, xét trên toàn hệ thống ngân hàng vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức do đặc thù của nền kinh tế Việt Nam. Vì vậy, công tác tái cơ cấu ngân hàng, nâng cao năng lực tài chính toàn hệ thống, xử lý nợ xấu... đã, đang và sẽ tiếp tục được Ngân hàng Nhà nước đẩy mạnh thực hiện.

Theo xu thế của nền kinh tế nói chung và ngành tài chính - ngân hàng nói riêng, BAC A BANK cũng đã đạt được kết quả kinh doanh 2013 khá khả quan.

BAC A BANK

Tổng tài sản năm 2013

50.308 tỷ đồng
(tăng 49,11%)

Xét về quy mô **Tổng tài sản** của Ngân hàng năm 2013 tăng trưởng 49,11% so với năm 2012, cao hơn nhiều so với mức tăng trưởng chung toàn ngành, đạt giá trị 50.308 tỷ đồng và vẫn luôn đảm bảo các tỷ lệ an toàn theo đúng quy định.

Hoạt động tín dụng luôn là lĩnh vực quan trọng của BAC A BANK và chiếm tỷ trọng lớn nhất trong Tổng tài sản (Năm 2012 chiếm 66,1% tổng tài sản và năm 2013 chiếm 58,67%). Do vậy, công tác tín dụng luôn được đặc biệt quan tâm, toàn hệ thống nhất quán thực hiện theo đúng định hướng và chỉ đạo đúng đắn của Ban lãnh đạo. Tín dụng tăng trưởng một cách bền vững đi liền với đó là chất lượng tín dụng được đảm bảo, tập trung tín dụng cho vay trong lĩnh vực nông - lâm - ngư nghiệp và các ngành sản xuất - chế biến và công nghiệp phụ trợ, y tế và giáo dục. Chính vì nỗ lực đó, BAC A BANK đã được Ngân hàng Nhà nước xếp vào Nhóm 1 - Nhóm các

BAC A BANK

Dư nợ tín dụng năm 2013

29.513 tỷ đồng

(tăng 32,21%)

ngân hàng được giao tăng trưởng tín dụng cao nhất ngay từ đầu năm và tiếp tục được điều chỉnh tăng vào giữa năm. Đồng thời, BAC A BANK cũng được NHNN phê duyệt thuộc nhóm những ngân hàng có tỷ trọng cho vay nông nghiệp nông thôn cao. Năm 2013, tăng trưởng tín dụng đạt 32,21%, nằm trong giới hạn cho phép của Ngân hàng Nhà nước (35%); đạt 29.513 tỷ đồng về giá trị. Trong đó cho vay lĩnh vực nông - lâm - ngư nghiệp chiếm 45,12%, tăng về tỷ trọng so với năm 2012 (42,49%). Chất lượng tín dụng được đảm bảo và tỷ lệ nợ xấu được giữ ở mức dưới 3% theo đúng kế hoạch và định hướng phát triển đã đề ra. Cụ thể, tỷ lệ nợ xấu 2013 là 2,32%, giảm đáng kể so với mức 5,66% cuối năm 2012.

BAC A BANK

Tổng mức đầu tư, góp vốn năm 2013

14.155 tỷ đồng

(tăng 403,11%)

Hoạt động đầu tư chứng khoán và đầu tư góp vốn của Ngân hàng TMCP Bắc Á năm 2013 được đẩy mạnh, linh hoạt nhưng vẫn đảm bảo thận trọng và hiệu quả. Năm 2013 tổng mức đầu tư và góp vốn đạt 14.115 tỷ đồng tăng 403,11% tương ứng tăng 11.342 tỷ đồng so với cuối năm 2012, đồng thời tăng về tỷ trọng trên tổng tài sản từ 8,34% năm 2012 lên 28,14% năm 2013. Trong đó, chủ yếu là đầu tư trái phiếu chính phủ, vừa đảm bảo tính thanh khoản cao, vừa tối ưu hóa lợi nhuận và giảm bớt sự phụ thuộc thu nhập từ tín dụng theo đúng hướng phát triển của các ngân hàng hiện đại.

BAC A BANK

Huy động vốn từ Thị trường 1

42.408 tỷ đồng

(tăng 46,09%)

Năm 2013 tiếp tục là một năm khả quan trong công tác **huy động vốn**; thương hiệu BAC A BANK ngày càng được biết đến rộng rãi và đến gần hơn với công chúng trên cả nước, điều này đặc biệt góp phần thu hút và tạo sự tin tưởng lớn đối với khách hàng gửi tiền. Cùng với công tác chăm sóc khách hàng chu đáo, dịch vụ ngân hàng không ngừng nâng cao, các sản phẩm dịch vụ đa dạng hóa, cũng như đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, tận tâm đã tạo niềm tin cho khách hàng. Do vậy, mặc dù mặt bằng lãi suất liên tục giảm, huy động vốn vẫn không ngừng tăng và phát triển một cách bền vững. Tổng tiền gửi của dân cư và tổ chức kinh tế tại thời điểm cuối năm 2013 đạt 42.408 tỷ đồng, tăng 46,09% so với cuối năm 2012 tương ứng 13.379 tỷ đồng, tiếp nối đà tăng trưởng cao từ năm 2012 (mức tăng trưởng huy động vốn dân cư & tổ chức kinh tế năm 2012 là 210,70%) và duy trì tỷ trọng cao trong cơ cấu Tổng nợ phải trả và Vốn chủ sở hữu (năm 2013 là 84,3%) từ đó luôn chủ động về nguồn vốn, không phụ thuộc vào Thị trường II, đảm bảo thanh khoản và các tỷ lệ an toàn.

Về **vốn điều lệ**, tính đến thời điểm 31/12/2013 vốn điều lệ của BAC A BANK là 3.000 tỷ đồng. Ngân hàng Bắc Á đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận tăng vốn điều lệ lên 3.700 tỷ đồng vào tháng 12 năm 2013 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2013. Việc tăng vốn điều lệ sẽ được hoàn thành ngay trong Quý 1/2014.

BAC A BANK**Lợi nhuận trước thuế năm 2013**

253 tỷ đồng
(tăng 454,82%)

Cùng với những kết quả đạt được ở trên, BAC A BANK đã đạt được mức **lợi nhuận** cải thiện đáng kể so với năm 2012. Lợi nhuận trước thuế năm 2013 đạt 253 tỷ đồng, đạt giá trị cũng như mức tăng trưởng cao nhất trong 3 năm trở lại đây. Có được kết quả này đầu tiên phải kể đến là định hướng và những chỉ đạo đúng đắn là kim chỉ nam xuyên suốt cho mọi hoạt động của Ngân hàng, tiếp theo là sự nhất quán đồng bộ trong việc triển khai thực hiện trên toàn hệ thống, từ đó từng bước phát triển bền vững, thực hiện tái cơ cấu sâu rộng và triệt để, với mục tiêu đưa Ngân hàng Bắc Á trở thành Ngân hàng hiện đại, hoạt động an toàn, hiệu quả, vững chắc có khả năng cạnh tranh tốt dựa trên nền tảng công nghệ, quản trị ngân hàng tiên tiến phù hợp với thông lệ, chuẩn mực Việt Nam và quốc tế về hoạt động ngân hàng nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu về dịch vụ tài chính, ngân hàng của nền kinh tế.

BAC A BANK

Mạng lưới: 84 điểm giao dịch
Nhân sự: 1.273 người

Mạng lưới hiện tại gồm Hội sở chính, 18 chi nhánh và 84 điểm giao dịch trên 12 tỉnh thành cả nước. Đến cuối năm 2013, tổng số cán bộ nhân viên của Ngân hàng là 1.273 người.

2.2. Tổ chức và nhân sự

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2013

STT	Họ và tên	Chức danh	Bằng cấp/chuyên ngành	Tỷ lệ sở hữu CP (%)
1	Thái Hương	TGĐ	Cử nhân	6,998
2	Nguyễn Trọng Trung	Phó TGĐ	Cử nhân	4,170
3	Chu Nguyên Bình	Phó TGĐ	Tiến sỹ Quản trị kinh doanh	-
4	Trương Vĩnh Lợi	Phó TGĐ	Thạc sỹ kinh tế	-
5	Võ Văn Quang	Phó TGĐ	Tiến sỹ Kinh tế	0,060
6	Nguyễn Thị Ngọc Anh (*)	Phó TGĐ	Thạc sỹ kinh tế	-

(*) Miễn nhiệm vào ngày 08 tháng 11 năm 2013

• Bà Thái Hương

Chức vụ : Tổng Giám đốc

Sinh ngày : 12/10/1958

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác :

1982 - 1985 Cán bộ Ban Vật giá Tài chính TP.Hải Phòng
1985 - 1989 Cán bộ Công ty Vật liệu Xây dựng Chất đốt tỉnh Nghệ An
1989 - 1994 Giám đốc Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng Hương Hà
1994 - nay Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bắc Á

• Ông Nguyễn Trọng Trung

Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc

Sinh ngày : 14/04/1966

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác :

1988 - 1993 Kế toán tại Công ty Vật Liệu chất đốt Nghệ An
1993 - 2002 Cán bộ Kế toán Ngân hàng TMCP Bắc Á
2002 - nay Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bắc Á

• Ông Chu Nguyên Bình

Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc

Sinh ngày : 02/01/1977

Trình độ chuyên môn : Tiến sỹ Quản trị KD

Quá trình công tác :

2001 Kiểm toán viên,
Công ty Kiểm toán KPMG

2001 - 2003 Trưởng Bộ phận Kiểm toán và Tư vấn,
Cty Kế toán Kiểm toán Tư vấn Việt Nam

2003 - 2008 Trưởng phòng Quản lý TS có - TS nợ,
Standard Chartered Bank Việt Nam

2008 - nay Phó Tổng Giám đốc
Ngân hàng TMCP Bắc Á

• Ông Trương Vĩnh Lợi

Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc

Sinh ngày : 30/10/1972

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ kinh tế

Quá trình công tác :

1994 - 1997 Làm việc tại Ngân hàng Công thương
Việt Nam, chi nhánh Thanh Hoá

1997 - 2008 Cán bộ Thanh tra Ngân hàng Nhà
nước Việt Nam

2008 - nay Phó Tổng Giám đốc
Ngân hàng TMCP Bắc Á

• Ông Võ Văn Quang

Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc

Sinh ngày : 12/07/1959

Trình độ chuyên môn : Tiến sỹ kinh tế

Quá trình công tác :

1988 - 1993 Phó giám đốc xí nghiệp xây lắp 71
Cty Xây dựng số 2, Sở Xây dựng Nghệ An

1993 - 1993 Phó phòng thẩm định kinh tế kỹ thuật,
Phó phòng tín dụng đầu tư
BIDV Chi nhánh tỉnh Nghệ An

1993 - 1997 Phó phòng Thanh tra
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1997 - 2009 Trưởng phòng Thanh tra giám sát,
Phó chánh văn phòng, Chánh văn phòng
Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

2009 - nay Phó Tổng Giám đốc
Ngân hàng TMCP Bắc Á

• Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh

Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc

Sinh ngày : 16/02/1962

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ kinh tế

Quá trình công tác :

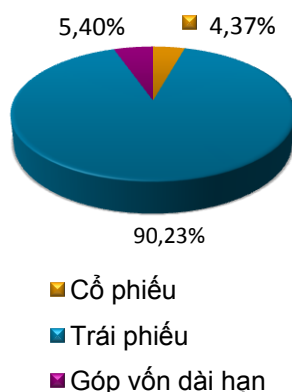
1984 - 2008 Làm việc tại
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam

2008 - 11/2013 Phó Tổng Giám đốc
Ngân hàng TMCP Bắc Á

Từ 08/11/2013 Đã miễn nhiệm chức vụ Phó TGD
Ngân hàng TMCP Bắc Á

2.3. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

Tổng khoản mục đầu tư và góp vốn 31/12/2013



Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, tổng các khoản mục đầu tư và góp vốn của Ngân hàng TMCP Bắc Á là hơn 14.155 tỷ đồng, tăng 403,11% so với năm 2012, và tăng về tỷ trọng trên tổng tài sản (từ 8,34% năm 2012 lên 28,14% năm 2013). Đầu tư trái phiếu đóng vai trò quan trọng nhất (chiếm 90,23% tổng giá trị khoản mục đầu tư, góp vốn năm 2013, chiếm 25,39% trên tổng tài sản; đạt giá trị là 12.773 tỷ đồng; tăng 545,48% so với năm 2012), trong đó đầu tư trái phiếu chính phủ là 5.178 tỷ đồng chiếm 36,58% trên tổng giá trị đầu tư và góp vốn, trái phiếu phát hành bởi các tổ chức tín dụng khác hơn 6.340 tỷ đồng chiếm 44,79% trên tổng giá trị đầu tư và góp vốn, trái phiếu phát hành bởi các doanh nghiệp là 1.254 tỷ đồng chiếm 8,86% trên tổng giá trị đầu tư và góp vốn. Với cơ cấu này, Ngân hàng vừa duy trì tính thanh khoản cao vừa mang lại hiệu quả giảm bớt sự phụ thuộc vào thu nhập từ tín dụng của Ngân hàng.

Tổng khoản mục chứng khoán kinh doanh tại thời điểm cuối năm 2013 là 618,05 tỷ đồng, tăng 452,17% so với năm 2012. Trong đó, 500 tỷ đồng là kỳ phiếu tự doanh của các tổ chức tín dụng khác, giá trị đầu tư cổ phiếu chỉ chiếm 118 tỷ đồng và đều là cổ phiếu của các tổ chức lớn đã niêm yết trên sàn giao dịch, có tính thanh khoản cao trên thị trường. Do đó, Ngân hàng không bị ảnh hưởng bởi những diễn biến bất lợi trên thị trường chứng khoán trong giai đoạn vừa qua.

Tổng các khoản góp vốn dài hạn của Ngân hàng không có biến động nhiều so với năm 2012 và chỉ tăng hơn 42 tỷ đồng tương ứng với 5,79%. Đây đều là các khoản góp vốn tăng thêm theo đúng lộ trình đã cam kết vào các đơn vị mà Ngân hàng đã thực hiện góp vốn từ lâu.

Tính đến thời điểm hiện tại, Ngân hàng chỉ có duy nhất một công ty con - Công ty TNHH Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Bắc Á - với vốn điều lệ là 250 tỷ đồng và do Ngân hàng sở hữu 100%.

2.4. Các chỉ tiêu tài chính

Năm 2013, nền kinh tế còn nhiều khó khăn, dấu hiệu thoát đáy chưa rõ ràng, ngành ngân hàng vẫn đối mặt với nhiều thách thức, tuy nhiên bức tranh toàn cảnh đã có những dấu hiệu tích cực và đạt được những kết quả khả quan. Năm trong xu thế đó, Ngân hàng đã có một năm hoạt động với kết quả đáng khích lệ. Hầu hết các chỉ tiêu tài chính như Tổng tài sản, Huy động vốn, Dư nợ, Lợi nhuận đều tăng trưởng ổn định ở mức cao, trong khi tỷ lệ nợ xấu giảm mạnh và nằm trong mức an toàn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

* Tình hình tài chính giai đoạn 2011 - 2013:

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Tăng trưởng năm 2012	Tăng trưởng năm 2013
Tổng tài sản	25.738	33.738	50.308	31,08%	49,11%
Tổng doanh thu	5.187	6.478	8.353	24,89%	28,96%
Lợi nhuận trước thuế	199	46	253	-77,10%	454,82%
Lợi nhuận sau thuế	152	35	192	-77,28%	456,07%
Thuế TNDN trong năm	47	11	61	-76,53%	450,92%
ROE (%)	5,06%	1,15%	6,39%		
ROA (%)	0,59%	0,10%	0,38%		

* Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu giai đoạn 2011 - 2013:

Đơn vị: tỷ đồng

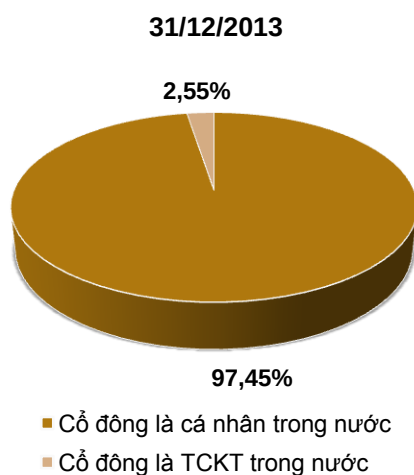
Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Tăng trưởng năm 2012	Tăng trưởng năm 2013
1. Quy mô vốn chủ sở hữu					
- Vốn điều lệ	3.000	3.000	3.000	0%	0%
- Tổng tài sản có rủi ro	17.208	22.607	30.051	31,38%	32,93%
- Tỷ lệ an toàn vốn (%)	16,04%	12,46%	10,00%		
2. Kết quả hoạt động KD					
- Tổng huy động tiền gửi	9.343	29.029	42.408	210,70%	46,09%
- Tổng dư nợ cho vay	16.864	22.323	29.513	32,37%	32,21%
- Hệ số sử dụng vốn (lần)	1,81	0,77	0,70		
- Tỷ lệ nợ xấu (%)	0,64%	5,66%	2,32%		
3. Khả năng thanh khoản					
Khả năng thanh toán ngay (%)	19,71%	18,20%	29,44%		

2.5. Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn chủ sở hữu

• Cổ phần

	31/12/2013	31/12/2012
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký phát hành	300.000.000	300.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	300.000.000	300.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	300.000.000	300.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
Số lượng cổ phiếu được mua lại	0	0
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	300.000.000	300.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	300.000.000	300.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng)	10.000	10.000

• Cơ cấu cổ đông



Tiêu chí phân loại	31/12/2013	31/12/2012
Cổ đông là cá nhân trong nước	97,45%	97,45%
Cổ đông là TCKT trong nước	2,55%	2,55%
Cổ đông là TCTD trong nước	0	0
Cổ đông là tổ chức/ cá nhân nước ngoài	0	0

3. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

3.1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013

❖ Kết quả kinh doanh khởi sắc

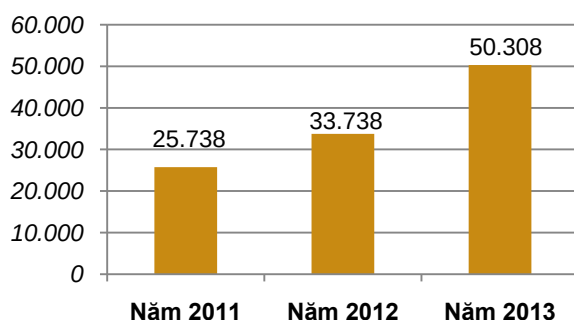
Trong điều kiện nền kinh tế nói chung cũng như ngành ngân hàng nói riêng vẫn còn nhiều khó khăn và thách thức, bằng định hướng và chỉ đạo đúng đắn của Ban lãnh đạo cùng với sự nỗ lực toàn hệ thống, Ngân hàng TMCP Bắc Á đã có kết quả kinh doanh khả quan trong năm 2013. Lợi nhuận trước thuế đạt giá trị và mức tăng trưởng cao nhất trong 3 năm trở lại đây. Cụ thể, năm 2013 đạt 253 tỷ, tăng 454,82% so với năm 2012; tăng 27,04% so với năm 2011 và đạt 63,31% so với kế hoạch. Mức tăng trưởng tín dụng cao, bền vững cùng với hoạt động đầu tư hiệu quả là nhân tố chính trong nguồn thu của Ngân hàng, bên cạnh đó, mặt bằng lãi suất giảm dần và ổn định đã làm giảm chi phí trả lãi đáng kể, góp phần làm tăng đáng kể lợi nhuận của Ngân hàng.

Chỉ tiêu lợi nhuận chưa đạt kế hoạch là do trong năm Ngân hàng đã thực hiện trích bổ sung Dự phòng rủi ro với tổng giá trị là 368 tỷ đồng, tuy nhiên có được mức tăng trưởng này trong bối cảnh chung của nền kinh tế cũng như toàn ngành cũng là một thành quả rất khả quan.

Năm 2013 cũng là năm mà chỉ số Lợi nhuận/Vốn chủ sở hữu (ROE) đạt mức cao nhất trong 3 năm vừa qua, đạt 6,39%.

❖ Tổng tài sản tăng trưởng ấn tượng

Tổng giá trị tài sản (tỷ đồng)



Tính đến hết năm 2013, Tổng tài sản đã tăng trưởng ấn tượng, đạt 50.308 tỷ đồng, tương ứng tăng 49,11% so với năm 2012, cao hơn nhiều so với mức tăng chung của toàn ngành ngân hàng và vượt 18,37% so với kế hoạch đề ra.

Hoạt động tư vấn đầu tư được đẩy mạnh

Bên cạnh việc kinh doanh các dịch vụ tài chính, Ngân hàng TMCP Bắc Á đặc biệt chú trọng tư vấn đầu tư các lĩnh vực mang tính an sinh xã hội và luôn theo đuổi chiến lược phát triển bền vững. Với tiêu chí đặt lợi ích của mình bên cạnh lợi ích quốc gia, Ngân hàng TMCP Bắc Á tập trung tư vấn đầu tư vào các dự án có mục tiêu cải thiện chất lượng sống như chế biến thực phẩm sạch, sữa sạch, dược liệu sạch hay các bệnh viện, trường học đạt tiêu chuẩn hàng đầu quốc tế ngay tại Việt Nam. Đây là những lĩnh vực tạo ra giá trị cốt lõi, thân thiện với môi trường, đồng thời giúp BAC A BANK gửi gắm thông điệp về một tương lai bền vững.

Dự án Sữa tươi sạch TH true MILK

Đây là một dự án tư vấn đầu tư theo xu hướng mới, với tư duy đột phá và sáng tạo. Từ cuối tháng 12/2010, thương hiệu sữa TH true MILK ra đời tạo thêm một điểm sáng cho ngành sữa Việt Nam. Sữa TH true MILK được sản xuất theo quy trình khép kín, đồng bộ theo tiêu chuẩn quốc tế từ khâu trồng cỏ, xây dựng chuồng trại, chế biến thức ăn cho bò đến quản lý thú y, chế biến, đóng gói và phân phối sản phẩm. Dự án này không chỉ đáp ứng nhu cầu tiêu dùng sữa trong nước, từng bước thay thế sữa nhập khẩu, mà còn tạo việc làm, tăng thu nhập cho nông dân, góp phần chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và hiện đại hóa kinh tế nông thôn. Với hương vị thiên nhiên thơm ngon, vẹn nguyên trong từng giọt sữa, sản phẩm sữa TH true MILK được đông đảo người tiêu dùng đón nhận; đồng thời dự án này của Ngân hàng TMCP Bắc Á cũng nhận được sự biểu dương và ủng hộ của các cấp lãnh đạo.

Dự án Khu đô thị sinh thái y học

Dự án khu đô thị sinh thái y học bao gồm Bệnh viện điện tử; Bệnh viện đa khoa 5 sao và Trung tâm điều dưỡng; Khu Spa nghỉ dưỡng, sinh thái cao cấp; Trường đại học tổng hợp Phủ Quỳ (gồm Khoa Y Dược, Khoa Công Nghệ cao và Khoa Nông Nghiệp) và Viện nghiên cứu bệnh ung thư.

Dự án dược liệu và xây dựng nhà máy chiết xuất tại chỗ tại Nghệ An

Dự án áp dụng quy trình khép kín để từ phát triển vùng nguyên liệu đến sản xuất, cung cấp thực phẩm chức năng, thuốc tân dược, spa và chăm sóc sức khỏe. Dự án này không chỉ giúp cải thiện đời sống nhân dân địa phương, bảo tồn được các cây thuốc quý hiếm, bảo vệ rừng và môi trường sống mà còn mang lại hiệu quả kinh tế bền vững cho ngân hàng tư vấn đầu tư.

Đây là các dự án mang tính an sinh xã hội và tạo ra các giá trị cốt lõi, bền vững. Hướng tư vấn đầu tư này sẽ giúp nâng cao năng lực cạnh tranh doanh nghiệp, mang lại lợi ích cho người tiêu dùng và đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Dự án đầu tư nhà máy sản xuất ván sợi tại huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An

Đây là dự án với tổng mức đầu tư lên tới 120 triệu EUR và là nhà máy sản xuất ván sợi với quy mô lớn, áp dụng công nghệ hiện đại để cung ứng ván nhân tạo chất lượng cao cho thị trường trong và ngoài nước. Dự án này góp phần gia tăng giá trị sản xuất các ngành liên quan: lâm nghiệp, hóa chất, điện...

❖ Phát triển mạng lưới rộng khắp, ưu tiên địa bàn sản xuất nông nghiệp

Trong suốt nhiều năm vừa qua, chiến lược phát triển mạng lưới và quảng bá hình ảnh của BAC A BANK luôn là một nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu. Ban lãnh đạo luôn định hướng đưa thương hiệu BAC A BANK đến nhiều tỉnh thành kinh tế trọng điểm, để phục vụ đông đảo người dân trong cả nước. Đặc biệt, Ngân hàng TMCP Bắc Á ưu tiên mở rộng, phát triển mạng lưới hướng tới khu vực nông thôn, vùng sâu vùng xa theo định hướng ưu tiên phát triển nông nghiệp và nông thôn của Ngân hàng Nhà nước và Chính phủ.

Ngân hàng đặt mục tiêu hoàn thành chuẩn mực hóa các tiêu chí của một ngân hàng có quy mô vừa phục vụ tư vấn các doanh nghiệp trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ cao và các ngành phụ trợ nông nghiệp, nông thôn. Ngân hàng TMCP Bắc Á mong muốn được Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan hữu quan ủng hộ, chấp thuận kế hoạch mở rộng mạng lưới hoạt động tại các huyện, xã ở các địa phương khác nhau để có thể phục vụ được nhóm đối tượng khách hàng này.

Vào thời điểm 31 tháng 12 năm 2013, Ngân hàng TMCP Bắc Á có một (01) Hội sở chính và mười tám (18) chi nhánh cấp một tại 12 tỉnh và thành phố trên cả nước.

❖ Phát triển và hoàn thiện hệ thống hạ tầng công nghệ

Từ cuối năm 2010, Ngân hàng Bắc Á đã đưa hệ thống ngân hàng Core-banking vào hoạt động để đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng và phức tạp của khách hàng. Đến nay hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hoạt động tương đối ổn định, đảm bảo tính sẵn sàng cao trong vận hành. Ngân hàng đã và đang đẩy mạnh việc tích hợp các phần mềm phụ trợ kèm theo, bên cạnh việc tăng cường bảo mật và an toàn hoạt động cho hệ thống công nghệ.

Với mục tiêu phát triển hệ thống hạ tầng công nghệ vào một trong những trọng tâm đem lại thế mạnh cạnh tranh cho mình, Ngân hàng TMCP Bắc Á đã tận dụng tối đa nguồn lực công nghệ để phục vụ khách hàng một cách nhanh chóng, an toàn và hiệu quả.

❖ Không ngừng sáng tạo, cải thiện và nâng cao sản phẩm dịch vụ

Trong thời gian qua, Ngân hàng TMCP Bắc Á đã thực hiện đa dạng hóa dịch vụ ngân hàng, trong đó tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ ngân hàng truyền thống và phát triển nhanh các dịch vụ ngân hàng hiện đại như dịch vụ thanh toán, kinh doanh ngoại hối, đầu tư, tư vấn đầu tư, quản lý tài sản, quản lý rủi ro cho khách hàng và các dịch vụ khác.

Trong năm 2013, Ngân hàng đã đưa ra nhiều sản phẩm mới, tiện ích và khuyến mại đã nhận được sự quan tâm chú ý của nhiều khách hàng. Trong đó, với hệ thống True Ecommerce, khách hàng có thể dùng thẻ ghi nợ nội địa BAC A BANK để thanh toán với 500 nhà cung cấp dịch vụ tốt nhất hiện nay trên thị trường. Việc mở rộng, liên kết với nhiều đối tác quan trọng cũng giúp Ngân hàng đưa ra nhiều chương trình khuyến mại hấp dẫn như giảm giá 5% hóa đơn mua sữa khi dùng thẻ đồng thương hiệu BAC A BANK - TH truemart. Hàng loạt các chương trình khuyến mại hấp dẫn như: “Năm mới đến nhà, Quà Xuân gõ cửa”, Chuỗi chương trình “19 năm - Vì hạnh phúc đích thực” bao gồm “Gửi tiền tiết kiệm, trải nghiệm quà hay”, “Lãi suất ưu đãi, thoải mái chi tiêu” với lãi suất cho vay hấp dẫn - 7%/ năm trong 4 tháng đầu tiên của khoản vay mới, “Mở thẻ nhanh tay, nhận ngay quà tặng”, “Hợp đồng thành công, cộng thêm ưu đãi” dành cho khách hàng tham gia mua bảo hiểm nhân thọ Manulife qua hệ thống BAC A BANK tại Hà Nội, Đà Nẵng và Tp Hồ Chí Minh...

❖ Hoạt động Marketing – Truyền thông

Tiếp nối những thành công sau khi ra mắt thương hiệu BAC A BANK vào đầu năm 2012, năm 2013 hệ thống nhận diện thương hiệu tiếp tục được hoàn thiện trên phạm vi toàn quốc. Để tiếp tục củng cố hình ảnh thương hiệu BAC A BANK và đưa những giá trị thương hiệu ngày càng đến gần khách hàng hơn, trong năm 2013 tất cả các địa điểm giao dịch đã được đào tạo về Quy chuẩn hình ảnh thương hiệu, triển khai mô hình 5S “Sàng lọc - Sắp xếp - Sạch sẽ - Sẵn sàng - Sẵn sàng” đến từng phòng ban và từng cán bộ nhân viên, đồng thời kiểm tra sát sao tính tuân thủ tại các Chi nhánh/PGD để đảm bảo thực hiện đúng theo quy định, đúng quy chuẩn về thương hiệu trên toàn hệ thống, góp phần nâng cao hình ảnh Ngân hàng và chất lượng chăm sóc khách hàng.

Trong năm 2013, các chương trình truyền thông cho sản phẩm mới đã tiếp cận hiệu quả hơn tới đông đảo khách hàng, đẩy mạnh công tác nghiên cứu thị trường để xác định phân khúc khách hàng và phát triển sản phẩm mới; hỗ trợ các chi nhánh có phương thức marketing đúng hướng để tiếp cận khách hàng tốt hơn.

Hoạt động truyền thông nội bộ năm 2013 diễn ra sôi nổi, rộng khắp. Với việc Bản tin nội bộ được xuất bản từ tháng 01/2013 đã là món ăn tinh thần và ý nghĩa đối với toàn thể cán bộ nhân viên. Ngoài ra, BAC A BANK thường xuyên tổ chức các hoạt động thể thao, hỗ trợ hoạt động của Chi bộ Đảng đã làm phong phú hơn đời sống chính trị, cũng như đời sống tinh thần của đội ngũ cán bộ nhân viên, tăng cường đoàn kết trong hệ thống.

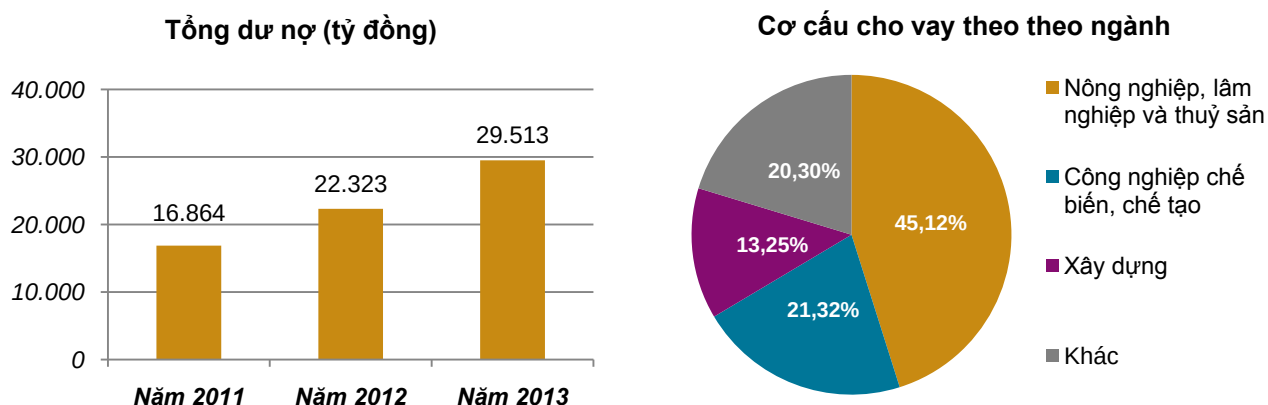
3.2. Tình hình tài chính

3.2.1. Tình hình tài sản

Cơ cấu tài sản có sự biến động khá lớn, do tăng trưởng mạnh mẽ từ hoạt động tín dụng và hoạt động đầu tư trái phiếu:

Tăng trưởng tín dụng cao và ổn định đi đôi với nâng cao chất lượng tín dụng

Trong suốt quá trình hoạt động của mình, Ngân hàng Bắc Á luôn luôn theo đúng định hướng đã đặt ra phát triển một cách bền vững, hoạt động an toàn, hiệu quả; phần đầu đến cuối năm 2015, Ngân hàng TMCP Bắc Á trở thành ngân hàng hàng đầu trong nước trong lĩnh vực cho vay nhóm các doanh nghiệp vừa và nhỏ áp dụng công nghệ cao trong sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp và các ngành sản xuất - chế biến và công nghiệp phụ trợ, y tế và giáo dục. Đây là định hướng căn bản và xuyên suốt cả giai đoạn, quyết định đến các chính sách tín dụng của Ngân hàng.



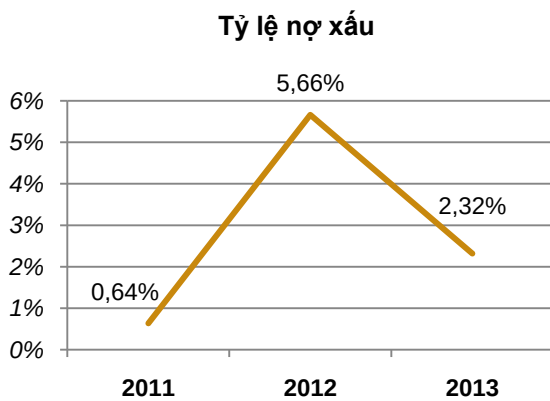
Trong năm 2013, Ngân hàng TMCP Bắc Á đã thực hiện tăng trưởng tín dụng trong giới hạn cho phép, theo mục tiêu đã đề ra và theo định hướng ưu tiên phát triển và chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước khi dư nợ hầu hết tập trung vào mục đích cho vay phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; công nghiệp chế biến và xây dựng. Dư nợ tại thời điểm 31/12/2013 đạt 29.513 tỷ đồng, tăng 32,21% so với cuối 2012 và hoàn

thành đúng kế hoạch đề ra. Trong đó, dư nợ cho vay nông - lâm - ngư nghiệp chiếm tỷ trọng 45,12% (năm 2012 tỷ trọng này là 42,49%), tăng 3.996,50 tỷ đồng về giá trị và tăng trưởng 42,88%.

Xét về tỷ trọng, dư nợ tín dụng chiếm tỷ trọng lớn và đóng vai trò quan trọng nhất trong cơ cấu tổng tài sản, tuy nhiên tỷ trọng này đã giảm 7,5% so với cuối năm 2012 (năm 2012: chiếm 66,17% trên tổng tài sản, năm 2013: chiếm 58,67% trên tổng tài sản).

Xét về kỳ hạn tín dụng, cho vay ngắn hạn vẫn luôn đóng vai trò chủ yếu trong tổng dư nợ tín dụng. Điều này giúp cân đối với kỳ hạn nguồn vốn khi tỷ trọng nguồn vốn ngắn hạn của Ngân hàng vẫn còn chiếm tỷ trọng cao đồng thời giảm thiểu rủi ro khi nền kinh tế còn nhiều biến động. Tuy nhiên, với định hướng hoạt động giai đoạn tới là giảm dần nguồn vốn huy động ngắn hạn, tăng dần tỷ trọng nguồn vốn có kỳ hạn dài thì hoạt động tín dụng cũng sẽ tăng dần hoạt động cho vay trung, dài hạn để tăng tính ổn định cũng như sự phát triển dài hạn. Theo định hướng đó, năm 2013, tỷ trọng dư nợ tín dụng ngắn hạn có xu hướng giảm nhẹ. Cụ thể: dư nợ cho vay ngắn hạn chiếm 75,99% tổng dư nợ năm 2013, giảm 0,36% so với đầu năm.

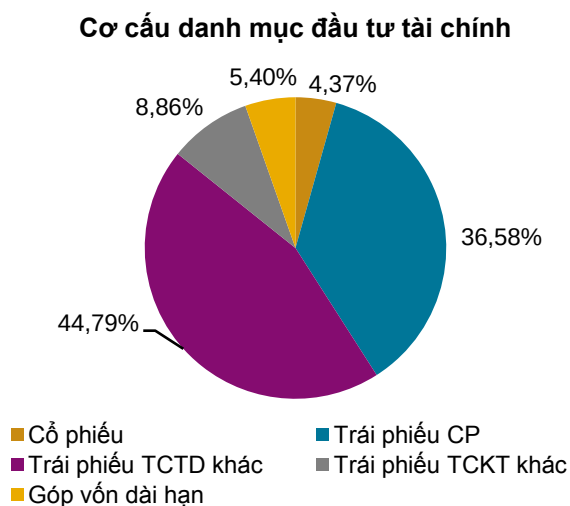
Triển khai công tác tín dụng trên nguyên tắc tăng trưởng hợp lý, có chọn lọc, an toàn, hiệu quả và chất lượng tín dụng được đặt lên hàng đầu. Ngân hàng chủ động xây dựng các chương trình bán hàng phù hợp với chính sách của NHNN, phù hợp với nhu cầu của khách hàng. Tăng cường sự gắn bó, chia sẻ giữa Ngân hàng và khách hàng.



Cùng với việc tăng trưởng về dư nợ cho vay, chất lượng tín dụng cũng luôn được chú trọng để giảm thiểu rủi ro, đảm bảo sự bền vững và ổn định trong hoạt động tín dụng, góp phần phát triển vững chắc cho hoạt động của Ngân hàng TMCP Bắc Á. Trong năm 2013, BAC A BANK đã rất thành công trong việc giảm thiểu tỷ lệ nợ quá hạn và nợ xấu. Dư nợ quá hạn giảm từ 1.320 tỷ đồng cuối năm 2012 (chiếm 5,91% tổng dư nợ), xuống còn 732 tỷ đồng tại thời điểm cuối năm 2013 (chiếm 2,48% tổng dư nợ). Dư nợ xấu từ 1.264 tỷ đồng xuống còn 684 tỷ đồng, đưa tỷ lệ nợ xấu về mức khuyến khích của NHNN (<3%) và đạt kế hoạch đề ra.

Hoạt động đầu tư được tăng cường

Nhằm tối ưu hóa nguồn vốn khả dụng, trong năm 2013, ngân hàng đã đẩy mạnh hoạt động đầu tư và góp vốn một cách linh hoạt và hiệu quả. Tính đến ngày 31/12/2013, tổng giá trị đầu tư và góp vốn đạt 14.155 tỷ đồng, tăng 403,11% so với năm 2012. Cơ cấu danh mục đầu tư của Ngân hàng tập trung vào trái phiếu Chính phủ, trái phiếu của TCTD khác và của TCKT. Những khoản đầu tư này có tính an toàn và thanh khoản cao, thêm vào đó cũng đem lại lợi tức lớn hơn so với các khoản tiền gửi tại NHNN và TCTD khác.



Khoản mục đầu tư bao gồm: trái phiếu, cổ phiếu và đầu tư góp vốn. Giá trị đầu tư và góp vốn tăng mạnh về tỷ trọng trong cơ cấu Tổng tài sản: từ 8,34% tại thời điểm cuối năm 2012 lên 28,14% tại thời điểm cuối năm 2013, giảm bớt sự phụ thuộc vào tín dụng và nguồn thu từ tín dụng theo đúng định hướng hoạt động của Ngân hàng. Trong năm 2013, Ngân hàng đã đầu tư mạnh vào trái phiếu từ 1.979 tỷ đồng lên 12.773 tỷ đồng, chủ yếu là trái phiếu chính phủ (5.178 tỷ đồng) và trái phiếu TCTD khác (6.340 tỷ đồng). Với cơ cấu tài sản này, Ngân hàng vừa nâng cao thanh khoản, vừa đem lại hiệu quả kinh doanh cho nguồn vốn khả dụng dư thừa.

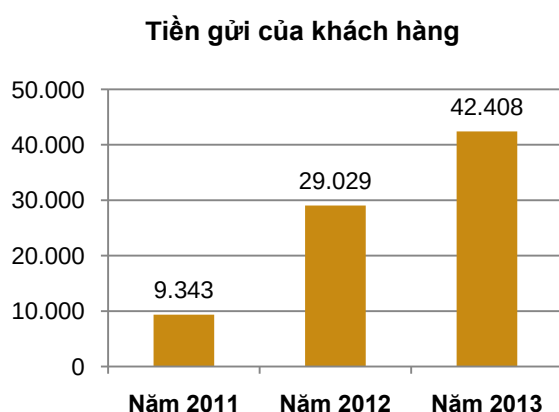
Đảm bảo quỹ dự phòng rủi ro tín dụng

Ngân hàng TMCP Bắc Á luôn luôn thực hiện trích lập đầy đủ quỹ dự phòng rủi ro tín dụng như quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước.

3.2.2. Tình hình nợ phải trả

Huy động vốn từng bước tăng trưởng bền vững

Ngay từ đầu năm 2013, Ngân hàng đã tập trung thực hiện các giải pháp đồng bộ về huy động vốn. Ngân hàng đã thành lập Ban chỉ đạo huy động vốn, ban hành chính sách huy động phù hợp với từng đối tượng vùng, miền, phân khúc khách hàng. Trong năm, Ngân hàng đã xây dựng và triển khai tích cực nhiều chương trình khuyến mãi cho sản phẩm tiền gửi như: “Năm mới đến nhà, quà Xuân gõ cửa”, “Gửi tiền tiết kiệm, trải nghiệm quà hay” và nhận được sự quan tâm, ủng hộ của rất nhiều khách hàng.



Tiếp nối thành công sau khi ra mắt thương hiệu BAC A BANK vào đầu năm 2012 đến nay, BAC A BANK đã và đang được biết đến rộng rãi hơn với quần chúng, hệ thống nhận diện thương hiệu tiếp tục được hoàn thiện trên phạm vi toàn quốc. Việc nâng cao hình ảnh góp phần không nhỏ trong việc thu hút khách hàng, tạo niềm tin về một ngân hàng hiện đại, tiên phong và chuyên nghiệp. Bên cạnh đó, công tác đào tạo cán bộ có tâm huyết và có trình độ luôn được chú trọng; các dịch vụ không ngừng đa dạng hóa và nâng cao để đảm bảo khách hàng luôn được chăm sóc một cách tốt nhất; từ đó phát triển hoạt động huy động vốn một cách bền vững dựa trên niềm tin của khách hàng dành cho BAC A BANK.

Chính vì những lý do trên, hoạt động huy động vốn của Ngân hàng không ngừng tăng qua 3 năm trở lại đây, mang lại nguồn vốn khả dụng dồi dào, giúp Ngân hàng chủ động về nguồn vốn, không bị phụ thuộc vào Thị trường II. Năm 2012, tổng huy động vốn từ dân cư và tổ chức kinh tế đạt 29.029 tỷ đồng, tăng 210,70% so với năm 2011. Năm 2013, tổng huy động vốn từ dân cư và tổ chức kinh tế đạt 42.408 tỷ đồng, tăng 46,09% so với năm 2012 và vượt 14% so với kế hoạch đề ra.

Với đặc thù ngành ngân hàng, nợ phải trả luôn chiếm tỷ trọng chủ yếu trong Tổng nợ và vốn chủ sở hữu, do vậy hệ số đòn bẩy tài chính luôn cao. Trong 3 năm vừa qua, hoạt động huy động vốn hiệu quả, chỉ số Tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu liên tục tăng trên 40% trong 3 năm gần đây, chỉ số này năm 2011 là 6,93, năm 2012 tăng lên đạt 9,72 và năm 2013 con số này đã tăng mạnh lên mức 14,19. Qua đó, Ngân hàng chủ động được về nguồn vốn và đảm bảo được khả năng thanh khoản.

3.3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Phát triển nguồn nhân lực - tài sản cốt yếu để phát triển bền vững

Nguồn nhân lực là yếu tố cốt lõi để BAC A BANK tạo ra các giá trị và phát triển bền vững, quan điểm này luôn được Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành nhất quán trong các chính sách phát triển Ngân hàng trong thời gian qua.

Trong giai đoạn vừa qua cũng như giai đoạn tới, đội ngũ cán bộ nhân viên không ngừng được củng cố về cả số lượng và chất lượng để đáp ứng nhu cầu phát triển ngày càng cao của xã hội cũng như nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Nhân sự luôn đảm bảo đúng người, đúng việc, phẩm chất và nghiệp vụ tốt đồng thời đảm bảo các chế độ đãi ngộ phù hợp. Để nâng cao chuyên môn của cán bộ, Trung tâm Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực BAC A BANK đã được thành lập từ quý 3 năm 2012 nhằm thực hiện các khóa đào tạo nghiệp vụ.

Năm 2013, công tác đào tạo tiếp tục được chú trọng nhằm nâng cao chất lượng của cán bộ, nhân viên để đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh của BAC A BANK. Trung tâm Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực BAC A BANK đã tổ chức các lớp nghiệp vụ cho các cán bộ tham dự trên cả ba địa bàn miền Bắc, Trung và Nam, từ đó ngày càng nâng cao được kiến thức, kỹ năng chuyên môn cho cán bộ nhân viên.

Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, củng cố các Khối, phòng, ban chức năng

Năm 2013, về cơ cấu tổ chức, Ngân hàng tập trung hoàn thiện và củng cố hoạt động của các khối, phòng ban chức năng mới thành lập như: Khối Marketing - Truyền thông, Trung tâm Dịch vụ khách hàng, Trung tâm Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực BAC A BANK... nhằm thúc đẩy hoạt động truyền thông, hỗ trợ tích cực hơn hoạt động nghiên cứu thị trường và xúc tiến bán hàng, nâng cao chất lượng phục vụ và chú trọng đào tạo nâng cao nghiệp vụ đối với cán bộ trong Ngân hàng.

Hoạt động tác nghiệp cũng được quan tâm chuẩn hóa với việc đồng bộ ban hành các quy trình nghiệp vụ, đảm bảo chất lượng tác nghiệp và hiệu quả quản trị. Cũng trong năm 2013, Khối Tác nghiệp đã thực hiện tốt công tác hỗ trợ, hướng dẫn nghiệp vụ trên toàn hệ thống cũng như hoàn thiện hóa các công cụ, sản phẩm nghiệp vụ cần thiết cho hoạt động của Ngân hàng.

3.4. Kế hoạch phát triển

Giai đoạn 2012 - 2015, Ngân hàng TMCP Bắc Á phát triển theo hướng hiện đại, lành mạnh và an toàn, tập trung cho vay và cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính cho nhóm các doanh nghiệp vừa và nhỏ áp dụng công nghệ cao trong sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp và các ngành sản xuất - chế biến và công nghiệp phụ trợ, y tế và giáo dục. Mục tiêu đến 2015, BAC A BANK phát triển theo hướng hiện đại, hoạt động an toàn, hiệu quả vững chắc có khả năng cạnh tranh lớn dựa trên nền tảng công nghệ, quản trị ngân hàng tiên tiến phù hợp với thông lệ, chuẩn mực Việt Nam và quốc tế về hoạt động ngân hàng nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu về dịch vụ tài chính, ngân hàng của nền kinh tế. Trong năm 2014, Ngân hàng tiếp tục đẩy mạnh công tác huy động vốn, đẩy mạnh hoạt động thương hiệu, nâng cao chất lượng và đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ; thực hiện cơ cấu lại danh mục và nâng cao chất lượng tài sản, đảm bảo cân đối các kỳ hạn giữa tài sản, công nợ; kiểm soát và duy trì nợ xấu luôn ở mức dưới 3%. Bên cạnh đó, cần tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư và phát triển dư nợ cho vay theo định hướng là tập trung cho vay các lĩnh vực ưu tiên cho nhóm doanh nghiệp áp dụng công nghệ cao, tiên tiến trong lĩnh vực phát triển nông nghiệp, nông thôn, y tế, giáo dục và các ngành nghề phụ trợ. Ngân hàng không ngừng hiện đại hóa hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin thông qua việc tiếp tục đẩy mạnh việc đầu tư, nâng cấp và đồng bộ hóa hệ thống công nghệ thông tin và nâng cao tính minh bạch trong hoạt động ngân hàng thông qua việc công khai, minh bạch hóa trong hoạt động, thực hiện nghiêm túc các quy định về công bố thông tin.

Với định hướng giai đoạn 2013 - 2015 và giai đoạn tiếp theo là tiếp tục tập trung ưu tiên tư vấn đầu tư và cho vay đối với các ngành nghề áp dụng công nghệ cao trong sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp, các ngành sản xuất - chế biến công nghiệp phụ trợ, y tế và giáo dục. Mục tiêu đến 2015 phát triển theo hướng hiện đại, hoạt động an toàn, hiệu quả vững chắc có khả năng cạnh tranh lớn dựa trên nền tảng công nghệ, quản trị ngân hàng tiên tiến phù hợp với thông lệ, chuẩn mực Việt Nam và quốc tế về hoạt động ngân hàng nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu về dịch vụ tài chính, ngân hàng của nền kinh tế.

Để đạt tới định hướng, mục tiêu trên, các nhiệm vụ trọng tâm cần tiếp tục thực hiện trong năm 2014 là:

Thứ nhất, tiếp tục đẩy mạnh công tác huy động vốn từ khách hàng là dân cư và tổ chức kinh tế, tăng dần tỷ trọng tiền gửi của tổ chức kinh tế đảm bảo nguồn vốn an toàn và hiệu quả hơn.

Thứ hai, về hoạt động tín dụng và đầu tư, Ngân hàng chú trọng cơ cấu lại nợ, duy trì tỷ lệ nợ xấu dưới 3%. Tiếp tục hoàn thiện chính sách, quy trình tín dụng, thiết lập các hạn mức, tỷ lệ cấp tín dụng phù hợp với mức độ rủi ro và quy mô tín dụng của đơn vị. Quan trọng nhất là tiếp tục phát triển dư nợ cho vay theo định hướng là tập trung cho vay các lĩnh vực ưu tiên cho nhóm doanh nghiệp áp dụng công nghệ cao, tiên tiến trong lĩnh vực phát triển nông nghiệp, nông thôn, y tế, giáo dục và các ngành nghề phụ trợ. Đẩy mạnh công tác phát triển tín dụng tại các chi nhánh nhưng vẫn phải đảm bảo cho vay an toàn, hiệu quả. Duy trì giảm tỷ lệ dư nợ

tín dụng so với huy động vốn dưới mức 80%. Nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư thông qua việc phân nhóm chất lượng các khoản đầu tư, tập trung thoái vốn, xử lý các khoản đầu tư kém hiệu quả.

Thứ ba, chú trọng phát triển dịch vụ thanh toán, dịch vụ ngân hàng, tập trung hoàn thiện hệ thống sản phẩm, cơ sở hạ tầng, tăng cường công tác phát triển thị trường, khách hàng để tăng tỷ trọng thu nhập từ hoạt động dịch vụ trên tổng thu nhập của Ngân hàng.

Thứ tư, công tác truyền thông - marketing cần tiếp tục duy trì để quảng bá hình ảnh, thương hiệu BAC A BANK, hỗ trợ cho công tác phát triển mở rộng thị trường, hỗ trợ đẩy mạnh bán sản phẩm, nâng cao chất lượng dịch vụ... Bên cạnh đó, chú trọng phát triển hệ thống mạng lưới thông qua việc đánh giá, rà soát để phân nhóm về mạng lưới tổ chức hiện tại, cơ cấu lại nhóm đơn vị kém hiệu quả. Triển khai các biện pháp nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động kinh doanh của các chi nhánh và phòng giao dịch hiện có, đồng thời đẩy mạnh công tác mở rộng và phát triển mạng lưới trên toàn quốc tại các địa bàn trọng yếu, phù hợp với mục tiêu ưu tiên kinh doanh của BAC A BANK.

Thứ năm, tăng cường công tác quản trị rủi ro về tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, rủi ro hoạt động, đẩy mạnh công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ nhằm hạn chế và phát hiện kịp thời các sai phạm trong hoạt động kinh doanh. Nâng cao tính minh bạch trong hoạt động ngân hàng thông qua việc công khai, minh bạch hóa trong mọi hoạt động, thực hiện nghiêm túc các quy định về công bố thông tin.

Thứ sáu, hiện đại hóa hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin thông qua việc tiếp tục đẩy mạnh việc đầu tư, nâng cấp và đồng bộ hóa hệ thống công nghệ thông tin.

4. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

4.1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của BAC A BANK

Trước những thách thức và nhiều diễn biến bất thường của nền kinh tế nói chung và thị trường tài chính tiền tệ nói riêng, Ban lãnh đạo cùng tập thể cán bộ nhân viên BAC A BANK đã giành được những kết quả rất đáng khích lệ.

Về kết quả kinh doanh

Tổng tài sản - nguồn vốn tăng mạnh đạt trên 50.000 tỷ đồng, với tốc độ tăng 49,11% so với cuối năm 2012. Hoạt động tín dụng tăng trưởng một cách ổn định và trong giới hạn cho phép của Ngân hàng Nhà nước với mức tăng dư nợ tín dụng là 32,21%. BAC A BANK được NHNN đánh giá có những bước phát triển tốt và đưa vào Nhóm 1 - Nhóm các ngân hàng được giao tăng trưởng tín dụng cao nhất ngay từ đầu năm.

Huy động vốn năm 2013 tiếp tục tăng mạnh, tạo nguồn vốn dồi dào cho Ngân hàng cũng như nâng khả năng thanh khoản lên mức cao. Tổng huy động vốn từ dân cư và tổ chức kinh tế năm 2013 đạt mức tăng 46,09%.

Năm 2013 lợi nhuận trước thuế tăng 454,82% so với năm trước đó, và đạt mức cao nhất trong 3 năm trở lại đây, đánh dấu bước tiến quan trọng trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều khó khăn.

Bên cạnh đó, trong suốt quá trình hoạt động, Ngân hàng luôn tuân thủ nghiêm túc các quy định về thanh khoản, an toàn trong hoạt động, hạn mức tăng trưởng tín dụng và hướng tới mô hình một ngân hàng hiện đại, hoạt động ổn định, an toàn và phát triển bền vững.

Về phát triển sản phẩm

Các sản phẩm dịch vụ có tích hợp hàm lượng công nghệ cao ngày càng được chú trọng; đem lại những trải nghiệm mới, tốt nhất cho khách hàng. Ngân hàng triển khai một số sản phẩm dịch vụ mới, khởi đầu cho sự phát triển đa dạng các sản phẩm tiện ích cho khách hàng của BAC A BANK như: True Internet Banking, True SMS Banking, True Ecommerce thẻ đồng thương hiệu với TH true MILK, mở rộng mạng lưới ATM, POS... Tăng cường công tác bán chéo sản phẩm giữa các sản phẩm hiện có và giữa BAC A BANK với các doanh nghiệp mà Ngân hàng tư vấn đầu tư. Dự án chuyển tiền liên ngân hàng bằng số thẻ thông qua hệ thống Smartlink đã được triển khai và đã thực hiện thành công và chuẩn bị đưa vào hoạt động chính thức.

Về công tác thương hiệu

Hình ảnh BAC A BANK với tôn chỉ “Giữ tâm sáng để vươn xa rộng khắp” đã và đang ngày càng tạo ra dấu ấn tốt đẹp và tạo lòng tin cho khách hàng. Mức độ nhận biết Thương hiệu tăng cao, tỉ lệ khách hàng vẫn lại lựa chọn sử dụng dịch vụ BAC A BANK do nhận diện hình ảnh thương hiệu được ghi nhận đáng kể. Song song với sự kiện ra mắt bộ nhận diện Thương hiệu mới, BAC A BANK rất chú trọng đồng nhất hệ thống điểm giao dịch với giao diện hoàn toàn mới mẻ, ấn tượng, đẹp mắt. Tuân thủ ý tưởng thiết kế ban đầu: Cung cấp dịch vụ tài chính đa dạng và định hướng trực tiếp khách hàng; bố cục thiết kế của các điểm giao dịch BAC A BANK rất độc đáo tạo cảm nhận khác biệt cho khách hàng.

Về hoạt động xã hội

Với mục tiêu ươm mầm tài năng và hỗ trợ thể hệ trẻ lập nghiệp, BAC A BANK chính thức là đơn vị đồng hành cùng chương trình Khởi nghiệp Quốc gia do VCCI phát động. Cùng với tinh thần đó, BAC A BANK kết hợp TH true MILK phối hợp triển khai Dự án Vì tầm vóc Việt trên phạm vi toàn quốc. Ngoài ra, Ngân hàng tiếp tục tài trợ cho CLB bóng đá Sông Lam Nghệ An với mong muốn vun đắp và xây dựng một nền thể thao trong sạch - vững mạnh.

Công tác từ thiện được chú trọng đặc biệt, trong năm 2013 BAC A BANK đã thực hiện cam kết Tài trợ an sinh xã hội tại Hội nghị xúc tiến đầu tư Vùng Tây Bắc, chương trình tài trợ Mổ tim và mổ thận, tặng học bổng cho sinh viên nghèo vượt khó, trao học bổng cho con em bộ đội Trường Sa, tặng sữa trẻ em vùng cao và làng trẻ SOS, ủng hộ đồng bào bị thiên tai, bão lụt, người có công với cách mạng... Hoạt động Đoàn - Đảng phát triển sôi nổi đã làm cho đời sống chính trị của cán bộ nhân viên phong phú hơn, hoạt động đoàn thể với nhiều phong trào văn hóa, thể thao... góp phần nâng cao tinh thần đoàn kết.

Về công tác đào tạo

Hoạt động đào tạo được đẩy mạnh nhằm bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và phát triển các kỹ năng mềm, đáp ứng tốt nhu cầu nhân sự cho hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

Trung tâm đào tạo của Ngân hàng được thành lập và đưa vào vận hành từ Quý 3/2012 và tiếp tục được kiện toàn, hoàn thiện cơ chế tổ chức nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo của Ngân hàng. Trong năm 2013, BAC A BANK đã tổ chức nhiều đợt đào tạo và đào tạo lại cho cán bộ nhân viên trên toàn hệ thống và bồi dưỡng và nâng cao kiến thức nghiệp vụ, ý thức, kỷ luật làm việc trong hoạt động kinh doanh.

Về công tác quản trị rủi ro

Cơ chế kiểm tra, giám sát chặt chẽ được tiếp tục hoàn thiện. BAC A BANK đã tiến hành rà soát lại toàn bộ công tác quản trị rủi ro, tập trung chủ yếu vào các mảng rủi ro trong hoạt động tín dụng, rủi ro tác nghiệp, thanh khoản và hệ thống công nghệ thông tin. Tập trung hoàn thiện các quy trình tác nghiệp để giảm thiểu những vấn đề phát sinh liên quan đến rủi ro hệ thống.

Trong năm 2013, công tác quản trị rủi ro tập trung kiểm soát chất lượng tín dụng của tất cả các chi nhánh trên toàn hàng. Tăng cường công tác theo dõi giám sát thực hiện các hạn mức phê duyệt tín dụng của các chi nhánh để phát hiện kịp thời các trường hợp vi phạm và có biện pháp xử lý.

Cũng trong năm 2013, Ngân hàng quyết liệt trong công tác kiểm soát nợ xấu trên toàn hệ thống, tập trung theo dõi, đôn đốc xử lý nợ xấu tại Công ty AMC, tại các chi nhánh. Nhằm tăng cường công tác quản lý rủi ro hoạt động tín dụng, trong năm 2013 công tác xây dựng chính sách được đẩy mạnh. Ngân hàng đã ban hành nhiều văn bản, quy định liên quan nhằm hướng dẫn cũng như quán triệt, hạn chế rủi ro trong hoạt động tín dụng như Quy định và hướng dẫn đơn vị cho vay thực hiện cho vay bằng ngoại tệ, văn bản hướng dẫn Quy chế bảo lãnh của Ngân hàng, Quyết định quy định về mẫu phôi thư phát hành bảo lãnh, Ban hành Quy trình cho vay mới, Ban hành quy định cho vay ngoại tệ

Về công tác kiểm toán nội bộ

Công tác kiểm tra kiểm soát nội bộ trong năm 2013 được chú trọng và đẩy mạnh hoạt động sâu rộng trên toàn Ngân hàng. Hoạt động được triển khai thường xuyên và liên tục, chặt chẽ, khoa học đến từng đơn vị nhằm phát hiện ra những sai sót để kịp thời khắc phục và ngăn chặn.

Năm 2013, hoạt động kiểm toán nội bộ đã tiến hành tại 11/18 chi nhánh trực thuộc Ngân hàng trên ba miền Bắc, Trung, Nam. Các nội dung kiểm toán bao gồm: Kiểm tra hoạt động kho quỹ; Kiểm tra hoạt động cấp tín dụng; Kiểm toán các khoản tiền gửi, tài khoản thanh toán của khách hàng, của cán bộ nhân viên, các tài khoản trung gian, các tài khoản tạm ứng; Kiểm toán công tác huy động vốn; Kiểm toán các chi phí phát sinh tại Chi nhánh; Kiểm toán công tác hậu kiểm; Kiểm tra một số hoạt động khác như công tác điều chuyển vốn, các công tác liên quan đến Tài chính, Nhân sự ...

Kết quả kiểm toán tại các chi nhánh đã phát hiện, ghi nhận và yêu cầu các đơn vị chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, sai phạm ngay sau khi có kết quả kiểm toán. Ngoài ra cũng đã kịp thời ghi nhận và báo cáo Ban lãnh đạo ngân hàng một số vấn đề lớn ngoài phần phân quyết để có biện pháp xử lý kịp thời.

Hoạt động của Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản - BAC A AMC

Trong năm 2013 hoạt động chủ yếu của BAC A AMC là tập trung hoạt động xử lý thu hồi nợ, thẩm định tài sản đảm bảo các hồ sơ vay vốn của Ngân hàng TMCP Bắc Á và kinh doanh khai thác tài sản.

Về hoạt động xử lý thu hồi nợ: Tổng số tiền thu hồi nợ trong năm tăng 3,96% so với năm 2012. Công tác thẩm định tài sản đảm bảo hoàn thành 100% số vụ thẩm định, tăng 28% số vụ thẩm định và doanh thu từ hoạt động này tăng 7,68% so với năm 2012. Hiện tại BAC A AMC đang tiến hành lập phương án kinh doanh, xây dựng phương án đầu tư trên tài sản đã xử lý nợ tại Vĩnh Phúc, Hà Nội, Đồng Nai, TP Hồ Chí Minh, Quảng Bình, Thừa Thiên Huế...

4.2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Điều hành

Thực hiện nghiêm túc các chỉ đạo chiến lược từ Hội đồng Quản trị BAC A BANK

Trong năm 2013, Ban Điều hành đã tích cực nghiên cứu, triển khai các giải pháp cụ thể nhằm hiện thực hóa Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2011 - 2015. Từng lĩnh vực hoạt động của BAC A BANK liên tục được đánh giá, cải tiến, điều chỉnh theo định hướng phát triển chung và phù hợp, đồng bộ với nguồn lực hiện có. Thực hiện theo đường lối đã đề ra của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, Ban Điều hành đã triển khai rất tốt bằng các chính sách, quyết định hợp lý, giữ vai trò đầu tàu cho toàn hệ thống ngân hàng hướng đến sự phát triển bền vững theo đúng định hướng đã đề ra. Năm 2013, hoạt động kinh doanh có nhiều bước tăng trưởng tốt, đi kèm với đó là tăng cường công tác quản lý rủi ro.

Hệ thống nhận diện thương hiệu mới BAC A BANK được triển khai từ đầu năm 2012 đến nay đã được biết đến rộng rãi, góp phần nâng cao uy tín và vị thế trong ngành nói riêng và trong nền kinh tế quốc gia nói chung. Cùng với đội ngũ nhân viên tận tụy, giàu năng lực và các dịch vụ chăm sóc khách hàng được nâng cao không ngừng, sẽ là yếu tố quan trọng tạo niềm tin cho khách hàng, là tiền đề cho sự phát triển bền vững của Ngân hàng.

Nắm bắt những biến động thường xuyên của thị trường tài chính tiền tệ, Ban Điều hành có sự điều chỉnh định hướng phù hợp nhằm tận dụng tối đa cơ hội thị trường; chỉ đạo kịp thời công tác nghiên cứu, phát triển sản phẩm, dịch vụ mới hướng tới đối tượng khách hàng mục tiêu, ban hành các chương trình, chính sách phù hợp nhằm tối đa hóa hiệu quả kinh doanh.

Ban Điều hành luôn thể hiện trách nhiệm giám sát nhằm chấp hành nghiêm túc các quy định của Nhà nước, bảo đảm hoạt động kinh doanh của BAC A BANK luôn được kiểm soát trong hành lang pháp lý cho phép.

Công tác quản trị ngân hàng được quan tâm thường xuyên, giúp BAC A BANK phát triển lành mạnh, an toàn, hiệu quả

Ban Điều hành đã có những nỗ lực nhất định nhằm kiện toàn bộ máy tổ chức, mở rộng và phát triển mạng lưới hoạt động. Cụ thể, trong năm 2013 BAC A BANK đã ban hành tương đối đầy đủ và đồng bộ hệ thống văn bản về tổ chức bộ máy, quy chế hoạt động và các mặt nghiệp vụ, đảm bảo cho hoạt động của Ngân hàng tuân thủ theo quy định của pháp luật, có cơ chế khen thưởng kỷ luật kịp thời nhằm tăng cường động viên, khuyến khích tinh thần làm việc của cán bộ nhân viên đồng thời xử lý các sai phạm cụ thể gây ảnh hưởng đến lợi ích và uy tín của Ngân hàng.

4.3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị

Trong điều kiện môi trường kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn phức tạp nhưng được dự báo là sẽ có sự phục hồi tăng trưởng trong năm tới. Phát huy những thế mạnh, thành tích đã đạt được, khắc phục những tồn tại hạn chế, Hội đồng Quản trị BAC A BANK đã thống nhất cao định hướng phát triển là tập trung ưu tiên tư vấn, cho vay đối với các ngành nghề áp dụng công nghệ cao trong sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp và các ngành sản xuất - chế biến và công nghiệp phụ trợ, dược liệu, y tế và giáo dục. Đây là định hướng căn bản và xuyên suốt cả giai đoạn, quyết định đến các chính sách hoạt động của Ngân hàng.

Hội đồng Quản trị tiếp tục chỉ đạo thực hiện đúng lộ trình các mục tiêu giải pháp theo Phương án phát triển giai đoạn 2013 - 2015 đã được Ngân hàng Nhà nước phê duyệt, gồm các nội dung cơ bản sau:

Đối với Vốn tự có: Tăng quy mô vốn và chất lượng vốn tự có đảm bảo mức vốn theo pháp định và các tỷ lệ an toàn vốn trong giới hạn an toàn, đảm bảo cho việc thực hiện kế hoạch tăng trưởng tài sản. Thực hiện tăng vốn điều lệ lên 4.400 tỷ đồng trong năm 2014 ngay sau khi được sự cho phép của các cơ quan chức năng.

Đối với Tài sản có: Tăng trưởng tổng tài sản phù hợp, không chạy theo tăng trưởng mà chú trọng chất lượng, hiệu quả của tài sản. Trong đó, quan trọng nhất là chuyển dịch cơ cấu tín dụng bao gồm: Tăng trưởng đúng định hướng và chỉ tiêu giao của NHNN; Tăng tỷ trọng cho vay ngành, lĩnh vực ưu tiên; Chuyển dịch kỳ hạn theo hướng không tăng tỷ trọng trung dài hạn và phù hợp với kỳ hạn nguồn vốn; Quản lý lãi suất cho vay theo diễn biến thị trường, phù hợp với lãi suất huy động, đảm bảo có lợi ích cho cả người gửi tiền, người vay tiền và Ngân hàng.

Đối với Tài sản nợ: Duy trì tăng trưởng Nguồn vốn khá và tập trung vào chuyển dịch cơ cấu nguồn vốn bền vững theo hướng tăng tỷ trọng kỳ hạn trung - dài hạn, đa dạng hóa sản phẩm huy động vốn, tăng tỷ trọng nguồn vốn giá rẻ từ tiền gửi tổ chức kinh tế, tiền gửi không kỳ hạn và nguồn vốn các dự án phát triển lãi suất thấp.

Nâng cao chất lượng tín dụng: Duy trì tỷ lệ nợ xấu dưới 3% với các giải pháp nâng cao chất lượng tín dụng.

Nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư: Rà soát, đánh giá lại toàn bộ danh mục các khoản đầu tư góp vốn, mua cổ phần và thực hiện giảm dần các khoản đầu tư kém hiệu quả hoặc không ưu tiên, cơ cấu lại danh mục đầu tư vào các ngành ưu tiên và có hiệu quả.

Cơ cấu lại và phát triển mạng lưới: Rà soát, phân nhóm về chất lượng và hiệu quả đối với mạng lưới hoạt động hiện tại, đề ra phương án xử lý đối với nhóm kém hiệu quả, thúc đẩy nhóm có tiềm năng và đang phát triển tốt. Lập kế hoạch và triển khai phát triển mạng lưới trên toàn quốc phù hợp với quy mô vốn và kế hoạch phát triển kinh doanh.

Nâng cao năng lực quản trị điều hành, củng cố tổ chức, nhân sự: Nâng cao điều kiện, tiêu chuẩn về năng lực quản trị, kinh nghiệm công tác và trình độ chuyên môn đối với đội ngũ lãnh đạo, chủ chốt. Vận hành và nâng cao chất lượng hoạt động các ủy ban như Ủy ban ALCO, Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban nhân sự, Hội đồng tín dụng... Tách bạch và hoàn thiện bộ máy tổ chức các Khối, phòng ban Hội sở, các chi nhánh, công ty con. Chú trọng, quan tâm công tác tuyển dụng, đào tạo, chế độ đãi ngộ, luân chuyển, bổ nhiệm.

Quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ: Tăng cường công tác quản trị rủi ro về tín dụng, rủi ro thị trường, thanh khoản, rủi ro hoạt động, đẩy mạnh công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ nhằm hạn chế và phát hiện kịp thời các sai phạm trong hoạt động kinh doanh. Kịp thời ban hành và triển khai các quy trình quy chế còn thiếu trong các mặt hoạt động nghiệp vụ.

Công nghệ thông tin và hạ tầng kỹ thuật: Chú trọng đầu tư vào các dự án công nghệ thông tin và hạ tầng kỹ thuật cho các hoạt động nghiệp vụ, các sản phẩm dịch vụ nhằm tiến một bước về hiện đại hóa công nghệ thông tin và hạ tầng kỹ thuật.

Thương hiệu và văn hóa công ty: Quản trị thương hiệu tốt nhằm nâng cao mức độ nhận biết thương hiệu. Xây dựng quy tắc ứng xử nội bộ theo tiêu chuẩn văn hóa BAC A BANK.

Nâng cao tính công khai, minh bạch trong mọi hoạt động: Công khai, minh bạch hóa trong mọi hoạt động từ hoạt động quản trị điều hành, tổ chức, nhân sự, thu chi tài chính, mua sắm tài sản, đầu tư dự án đến các hoạt động như đầu tư, tư vấn cho vay, huy động vốn, tài chính kế toán, báo cáo thống kê... Thực hiện nghiêm túc, đúng quy định chế độ công bố thông tin.

5. QUẢN TRỊ CÔNG TY

5.1. Hội đồng Quản trị

5.1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị

STT	Họ và tên	Quốc tịch	Chức danh	Thành viên độc lập	Tham gia điều hành	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)
1	Trần Thị Thoảng	Việt Nam	Chủ tịch			5,188
2	Thái Hương	Việt Nam	Phó Chủ tịch		X	6,998
3	Võ Văn Quang	Việt Nam	Ủy viên		X	0,06
4	Lê Thanh Nghị	Việt Nam	Ủy viên	X		
5	Đặng Thái Nguyên	Việt Nam	Ủy viên			

5.1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị

Ngân hàng TMCP Bắc Á có các tiểu ban Hội đồng Quản trị gồm: Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban Nhân sự, Ủy ban ALCO. Trong năm 2013, các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị đã hoạt động theo quy chế của Ngân hàng và hoạt động theo đúng thẩm quyền của từng tiểu ban theo quy chế đã đề ra.

- **Ủy ban Quản lý rủi ro**

Ủy ban Quản lý rủi ro trực thuộc Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Bắc Á, nhằm giúp HĐQT thực hiện chiến lược kinh doanh an toàn và hiệu quả. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban Quản lý rủi ro:

- Tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành mới/sửa đổi bổ sung các quy trình, chính sách thuộc thẩm quyền của HĐQT liên quan đến công tác quản trị rủi ro trong hoạt động của BAC A BANK theo quy định.
- Phân tích, đưa ra những cảnh báo về mức an toàn của BAC A BANK trước những nguy cơ, rủi ro tiềm ẩn có thể ảnh hưởng đến tổ chức, hoạt động của Ngân hàng và đề xuất các biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này.
- Xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy trình, chính sách quản trị rủi ro hiện hành của BAC A BANK để đưa ra các khuyến nghị, đề xuất đối với HĐQT về những yêu cầu thay đổi quy trình, chính sách hiện hành, chiến lược hoạt động.
- Tham mưu cho HĐQT trong việc quyết định, phê duyệt các khoản đầu tư, các giao dịch có liên quan, chính sách quản trị và phương án xử lý rủi ro trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.
- Ủy ban Quản lý rủi ro được tham gia các cuộc họp của Ban Điều hành, Ban kiểm toán nội bộ và các cá nhân, đơn vị liên quan của BAC A BANK; phối hợp, cung cấp các thông tin, tài liệu, số liệu và thực hiện các công việc khác có liên quan để phục vụ cho việc thực hiện các nhiệm vụ của Ủy ban Quản lý rủi ro.
- Được quyền quyết định các danh mục và hạn mức rủi ro của BAC A BANK trong từng thời kỳ.

- **Ủy ban Nhân sự**

Ủy ban Nhân sự là cơ quan trực thuộc Hội đồng Quản trị, thực hiện chức năng/nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho HĐQT trong công tác quản trị nhân sự và thay mặt cho nhân sự quyết định các vấn đề về nhân sự theo quy định. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban Nhân sự:

- Tham mưu cho HĐQT về quy mô và cơ cấu nhân sự HĐQT, Người điều hành phù hợp với quy mô hoạt động và chiến lược phát triển của BAC A BANK.
- Tham mưu cho HĐQT xử lý các vấn đề về nhân sự phát sinh trong quá trình tiến hành các thủ tục bầu, bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm các chức danh thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát và Người điều hành ngân hàng theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ BAC A BANK.
- Nghiên cứu, tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy định nội bộ của ngân hàng thuộc thẩm quyền của HĐQT về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, quy chế tuyển chọn nhân sự, đào tạo và các chính sách đãi ngộ khác đối với Người điều hành, cán bộ, nhân viên BAC A BANK.
- Xem xét, đề xuất kế hoạch ngân sách năm cho nhân viên; tỷ lệ phần trăm trong ngân sách dành cho các hạng mục chi phí như lương, thưởng, đào tạo, hoạt động ngoại khóa trình HĐQT phê duyệt.
- Quyết định lựa chọn các đối tác tham gia và nội dung dự án hợp tác, tư vấn liên quan đến lĩnh vực nhân sự.
- Xem xét quyết định việc ban hành các quy định nội bộ của BAC A BANK thuộc thẩm quyền của HĐQT về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, quy chế tuyển chọn, đào tạo nhân sự, quy trình đánh giá và các chính sách đãi ngộ khác đối với Người điều hành, các cán bộ cao cấp, nhân viên của BAC A BANK, đảm bảo chính sách nhân sự của BAC A BANK có thể cạnh tranh với các ngân hàng khác có cùng quy mô và phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế.
- Thẩm định năng lực nhân sự và tham mưu cho HĐQT trong việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, bồi thường, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý cao cấp, các chức danh khác thuộc thẩm quyền phán quyết của HĐQT.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác về nhân sự theo phân công, chỉ đạo của HĐQT.

• **Ủy ban Quản lý Tài sản Có - Tài sản Nợ (ALCO)**

Hoạt động theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban Quản lý Tài sản Có - Tài sản Nợ Ngân hàng TMCP Bắc Á do HĐQT ban hành ngày 26 tháng 02 năm 2009. Ủy ban Quản lý Tài sản Có - Tài sản Nợ có chức năng, nhiệm vụ sau:

- Đảm bảo toàn bộ Tài sản Có - Tài sản Nợ trên Bảng cân đối kế toán của BAC A BANK về quy mô, cơ cấu luôn được kiểm soát, phù hợp với mục tiêu, hạn mức và chính sách quản lý.
- Đánh giá thực hiện, phát hiện, đo lường những rủi ro thị trường đã và sẽ gặp phải rủi ro lãi suất (rủi ro lãi suất nguồn vốn, lãi suất sử dụng vốn, lãi suất điều chuyển vốn nội bộ), rủi ro thanh khoản, mức độ an toàn vốn và các loại rủi ro khác ảnh hưởng tới hiệu quả kinh doanh.
- Quyết định các chính sách, các hạn mức về quản trị Tài sản Có - Tài sản Nợ, đảm bảo tăng trưởng hiệu quả và bền vững.
- Đánh giá định kỳ việc thực hiện các chính sách mục tiêu, hạn mức đã được quyết định bởi cuộc họp ALCO lần trước về quản lý rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất, rủi ro tỷ giá, về định giá điều chuyển vốn nội bộ.
- Đánh giá sự phù hợp của Bảng cân đối kế toán về quy mô tăng trưởng, về cơ cấu Tài sản Có - Tài sản Nợ so với chiến lược và chính sách kinh doanh của BAC A BANK, cũng như với quy định của NHNN.
- Xem xét mức độ phù hợp của chính sách, chỉ tiêu, hạn mức đang thực hiện trước diễn biến về thị trường hiện tại và tương lai.
- Dự báo diễn biến thị trường và rủi ro thị trường.
- Xác lập và quyết định những chính sách, những mục tiêu, những hạn mức, cơ cấu Tài sản Có - Tài sản Nợ trong thời gian tới nhằm đạt hiệu quả kinh doanh tối ưu và an toàn.
- Xử lý các tình huống đặc biệt trong trường hợp nhận được báo cáo đột biến từ các thành viên ALCO hoặc từ các đơn vị trong Ngân hàng.
- Giám sát thường xuyên việc chấp hành các chính sách, các chỉ tiêu, các hạn mức do ALCO quy định về quản lý Tài sản Có - Tài sản Nợ đối với các đơn vị trong Ngân hàng.

5.1.3. Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Hoạt động và định hướng của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị nghiêm túc triển khai, thực hiện những nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông đã giao phó, từng bước đưa Ngân hàng TMCP Bắc Á trở thành ngân hàng hiện đại, hoạt động an toàn, hiệu quả vững chắc có khả năng cạnh tranh lớn dựa trên nền tảng công nghệ, quản trị ngân hàng tiên tiến phù hợp với thông lệ, chuẩn mực Việt Nam và quốc tế về hoạt động ngân hàng nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu về dịch vụ tài chính, ngân hàng của nền kinh tế.

Hội đồng Quản trị thực hiện sát sao trong việc giám sát hoạt động của Ban Điều hành và Tổng Giám đốc theo đúng quy định của Pháp luật, điều lệ Ngân hàng và quy chế Quản trị, điều hành Ngân hàng. Các thành viên HĐQT và Ban Điều hành đã đoàn kết, thống nhất, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; phát huy tốt vai trò trong công tác chỉ đạo điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, góp phần quan trọng thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2013.

Trong năm 2013, HĐQT tiến hành 13 cuộc họp, với 100% các thành viên tham gia đầy đủ, có 18 nghị quyết, quyết định được thông qua, giải quyết nhiều vấn đề quan trọng trong hoạt động của Ngân hàng.

Trong điều kiện nền kinh tế còn nhiều khó khăn, dấu hiệu thoát đáy vẫn chưa thực sự rõ ràng, vai trò định hướng sáng suốt của HĐQT và sự điều hành đúng đắn của Ban lãnh đạo là yếu tố then chốt để hoạt động kinh doanh năm 2014 của Ngân hàng tiếp tục phát triển. Năm 2014, HĐQT cùng với Ban Điều hành và toàn thể cán bộ nhân viên sẽ cùng nỗ lực, đoàn kết, nhất trí trong mọi hoạt động, tiếp nối những thành quả đã đạt được của năm 2013 và khắc phục những tồn tại, cũng như tìm kiếm cơ hội, ứng phó linh hoạt với khó khăn thách thức để hoạt động kinh doanh năm 2014 của Ngân hàng an toàn, hiệu quả và bền vững.

Quan hệ nhà đầu tư và cổ đông

Ngân hàng TMCP Bắc Á luôn chú trọng công tác công bố thông tin đối với các cơ quan quản lý và nhà đầu tư. Ngân hàng đã thực hiện một loạt các biện pháp đồng bộ nhằm tăng tính minh bạch hóa hoạt động của Ngân hàng thông qua việc áp dụng cơ chế mới về công bố thông tin của các Tổ chức tín dụng theo các quy định hiện hành của pháp luật. Bên cạnh đó, đẩy mạnh công tác truyền thông các thông tin cần công bố đúng thời điểm, đúng quy định bằng các phương tiện kỹ thuật khác nhau nhằm tạo sự công bằng trong việc tiếp nhận và xử lý thông tin của các bên liên quan.

Căn cứ tình hình thực tế hiện nay, việc cung cấp thông tin một cách chính xác kịp thời là vô cùng quan trọng vì không những đảm bảo tính tuân thủ các quy định pháp luật mà bên cạnh đó còn giúp Ban lãnh đạo và các cổ đông đưa ra các quyết định điều hành hay đầu tư một cách kịp thời, hợp lý. Do đó, Ngân hàng luôn nghiêm túc trong công tác công bố thông tin. Các thông tin công bố và các loại báo cáo được lập và trình bày một cách khoa học, ngắn gọn, chính xác, dễ hiểu, dễ tiếp cận; đảm bảo tính trung thực, phản ánh chính xác hoạt động của Ngân hàng và được cung cấp tới từng cá nhân có liên quan một cách kịp thời.

5.2. Ban Kiểm soát

5.2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phạm Hồng Công	Trưởng Ban	Bổ nhiệm vào ngày 14 tháng 04 năm 2008 Tái bổ nhiệm vào ngày 23 tháng 04 năm 2013
Ông Thái Đình Long	Thành viên	Bổ nhiệm vào ngày 14 tháng 04 năm 2008 Tái bổ nhiệm vào ngày 23 tháng 04 năm 2013
Bà Trương Thị Kim Thư	Thành viên	Bổ nhiệm vào ngày 18 tháng 05 năm 2011 Tái bổ nhiệm vào ngày 23 tháng 04 năm 2013
Bà Phạm Thị Thúy Hường	Thành viên	Bổ nhiệm vào ngày 18 tháng 05 năm 2011 Tái bổ nhiệm vào ngày 23 tháng 04 năm 2013

5.2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Các cuộc họp trong năm**

Phiên họp	Ngày	Nội dung
Lần 1	25/04/2013	Bầu các chức danh, phân công nhiệm vụ các thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới 2013 - 2018 và triển khai kế hoạch công tác 2013
Lần 2	10/07/2013	Thẩm tra BCTC của Ngân hàng Bắc Á đến 30/6/2013 Triển khai kế hoạch kiểm toán các đơn vị trong toàn hệ thống 6 tháng cuối năm 2013
Lần 3	20/09/2013	Chỉ đạo thực hiện kế hoạch kiểm toán nội bộ quý 4/2013
Lần 4	22/12/2013	Đánh giá công việc của Ban Kiểm soát trong năm 2013 Triển khai kế hoạch thẩm tra BCTC của Ngân hàng đến 31/12/2013 Thông qua kế hoạch kiểm tra, kiểm toán nội bộ năm 2014

- Tình hình triển khai công việc trong năm**

Về giám sát hoạt động hệ thống

Ban Kiểm soát sử dụng bộ máy Kiểm toán nội bộ thực hiện công tác kiểm toán nội bộ thường xuyên và liên tục. Đối tượng kiểm toán là các chi nhánh, phòng giao dịch, các khối, phòng ban tại Hội sở và các đơn vị trực thuộc. Việc kiểm toán được thực hiện theo kế hoạch hàng năm và theo yêu cầu cần thiết cấp bách của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.

Trong năm, Ban Kiểm soát đã tổ chức kiểm toán tình hình hoạt động của 11/18 chi nhánh trực thuộc Ngân hàng trên ba miền Bắc, Trung, Nam. Các nội dung kiểm toán bao gồm: Kiểm tra hoạt động kho quỹ; Kiểm tra hoạt động cấp tín dụng; Kiểm toán các khoản tiền gửi, tài khoản thanh toán của khách hàng, của cán bộ nhân viên, các tài khoản trung gian, các tài khoản tạm ứng; Kiểm toán công tác huy động vốn; Kiểm toán các chi phí phát sinh tại Chi nhánh; Kiểm toán công tác hậu kiểm; Kiểm tra một số hoạt động khác như công tác điều chuyển vốn, các công tác liên quan đến Tài chính, Nhân sự ...

Chất lượng công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ được nâng cao nội dung kiểm toán và các kiến nghị đề xuất tập trung vào quy trình nghiệp vụ và hệ thống kiểm soát nhằm ngăn ngừa, hạn chế rủi ro vận hành, tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước và của Ngân hàng TMCP Bắc Á.

Sự phối hợp của Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành

Trong năm vừa qua, Ban Kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành để thực hiện nhiệm vụ và kế hoạch kinh doanh của Ngân hàng; Ban Kiểm soát tham gia, thảo luận, đóng góp ý kiến trong các phiên họp của Hội đồng quản trị, các cuộc họp của Thường trực Hội đồng Quản trị với Ban Điều hành.

Đánh giá các mặt hoạt động

Qua kiểm tra, kiểm soát cho thấy nhìn chung việc chấp hành các quy định của pháp luật, Ngân hàng Nhà nước và nội bộ về chế độ kế toán tài chính, tín dụng, tiền tệ kho quỹ... trong toàn hệ thống Ngân hàng được thực hiện tương đối đầy đủ, nghiêm túc. Các sai sót, tồn tại được phát hiện qua công tác kiểm soát nội bộ gần như đã được các đơn vị chấn chỉnh hoàn toàn trong năm.

Về hoạt động tài chính kế toán, công tác hạch toán kế toán chấp hành theo đúng quy định, các chứng từ kèm theo đảm bảo tính hợp lệ, hợp pháp. Tài liệu chứng từ và sổ sách kế toán được đóng và lưu trữ đầy đủ, khoa học. Các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động luôn đảm bảo đúng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Về hoạt động tiền tệ, kho quỹ, toàn hệ thống, các đơn vị đều chấp hành nghiêm túc công tác quản lý kho quỹ, vận chuyển, giao nhận tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá, mở đầy đủ các loại sổ sách về nghiệp vụ ngân quỹ như sổ nhật ký, sổ ra vào kho, sổ theo dõi giấy tờ có giá... Hệ thống két bạc, kho tiền được trang bị, xây dựng theo đúng tiêu chuẩn, mỗi đơn vị đều được trang bị xe chuyên dụng để vận chuyển tiền.

Về hoạt động tín dụng, Ngân hàng đã thực hiện kiểm soát chặt chẽ nghiệp vụ tín dụng bằng nhiều hình thức như: sử dụng linh hoạt công cụ hạn mức phán quyết tín dụng cấp cho các đơn vị trong hệ thống, tái thẩm định chặt chẽ các khoản cho vay vượt hạn mức, rà soát khách hàng để phân loại nợ, lập kế hoạch thu hồi nợ đối với những khoản nợ đến hạn trả cũng như các khoản nợ quá hạn, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát từ xa... do vậy đã hạn chế được nhiều rủi ro, hạn chế phát sinh nợ quá hạn mới.

Hoạt động huy động vốn của Ngân hàng TMCP Bắc Á vẫn tiếp tục tăng trưởng trong năm qua và chấp hành nghiêm túc trần lãi suất của Ngân hàng Nhà nước.

Về hoạt động quản trị và điều hành, trong năm qua cơ bản đảm bảo mục tiêu an toàn hiệu quả và tuân thủ các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước, không có sự việc nào xảy ra ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động Ngân hàng. Trong năm qua Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành Ngân hàng thường xuyên quan tâm quản trị ngân hàng về tổ chức bộ máy, quy chế hoạt động và các mặt nghiệp vụ, đảm bảo cho hoạt động của Ngân hàng tuân thủ theo quy định của pháp luật.

5.3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

- **Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích**

Để tạo điều kiện thuận lợi cho công tác hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông đã chấp thuận mức thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2013 là: 0,25% lợi nhuận sau thuế của năm 2013.

- **Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty**

Trong năm 2013 vừa qua, Hội đồng Quản trị đã tích cực chỉ đạo việc chấp hành nghiêm túc các quy định Ngân hàng Nhà nước cũng như nội bộ về quản trị trong nội bộ Ngân hàng và chỉnh sửa, bổ sung kịp thời các quy định phù hợp với tình hình thực tế và pháp luật hiện hành.

6. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẮC Á

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Đã được kiểm toán

MỤC LỤC BÁO CÁO KIỂM TOÁN

----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	40 - 42
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	43
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	44 - 47
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	48
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	49 - 51
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	52 - 83

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á trình bày báo cáo này, kèm theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2013.

1. Thông tin chung về Ngân hàng

Thành lập:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á được thành lập theo Giấy phép số 0052/NH-GP ngày 01/9/1994 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2900325526 ngày 10/10/1995 và thay đổi lần thứ 23 cấp ngày 20/12/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Thời gian hoạt động của Ngân hàng là 99 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tiên.

Tính đến ngày 31/12/2013, vốn điều lệ của Ngân hàng là: **3.000.000.000.000 Đồng**.

Hoạt động chính của Ngân Hàng bao gồm:

- Thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế; chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước cho phép.

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, chi tiết: Kinh doanh khách sạn;

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu, chi tiết: Cho thuê văn phòng;

- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm, chi tiết: Đại lý bảo hiểm;

- Hoạt động tư vấn quản lý, chi tiết: Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn thuế, kiểm toán, kế toán và tư vấn pháp luật);

- Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán, chi tiết: Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.

Trụ sở chính của Ngân hàng: Số 117, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

Cho đến thời điểm lập báo cáo này, Ngân hàng có một (01) Hội sở chính và mười tám (18) chi nhánh cấp một tại các tỉnh và thành phố trên cả nước. Ngân hàng có một (01) Công ty con do Ngân hàng sở hữu 100% vốn là Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản, hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản bảo đảm nợ vay theo Quyết định thành lập số 939/QĐ-HĐQT của Hội đồng quản trị Bắc Á ngày 12/12/2009 và Quyết định số 330/QĐ-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ngày 11/02/2010.

2. Tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm của Ngân hàng được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

3. Thành phần Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Thành phần Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính 2013 và tới ngày lập báo cáo này gồm có:

3. Thành phần Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng (tiếp theo)

Hội đồng quản trị

Bà Trần Thị Thoảng	Chủ tịch
Bà Thái Hương	Phó Chủ tịch
Ông Võ Văn Quang	Ủy viên
Ông Lê Thanh Nghị	Ủy viên
Ông Đặng Thái Nguyên	Ủy viên

Ban Kiểm soát

Ông Phạm Hồng Công	Trưởng ban
Ông Thái Đình Long	Thành viên
Bà Trương Thị Kim Thư	Thành viên
Bà Phạm Thị Thúy Hường	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bà Thái Hương	Tổng Giám đốc	Người đại diện theo pháp luật
Ông Chu Nguyên Bình	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trương Vĩnh Lợi	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Võ Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Trọng Trung	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Hồng Yến	Kế toán trưởng	

4. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Tp. HCM (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31/12/2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Ngân hàng và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực, hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Tp. Vinh, ngày 29 tháng 3 năm 2014

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Thái Hương

Tổng Giám đốc



Số: 131154HN/BCKT-AISHN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
 NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẮC Á**

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013, được lập ngày 03/3/2014 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á ("Ngân hàng") từ trang 05 đến trang 44 kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc về trách nhiệm Tổng Giám đốc Ngân hàng. Trách nhiệm của Chúng tôi là căn cứ vào việc kiểm toán để hình thành một ý kiến độc lập về các Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong các Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành (hoặc được chấp nhận), các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc Ngân hàng cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của Chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo quan điểm của chúng tôi các Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực, hợp lý xét trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán của Ngân hàng nhà nước Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2014

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
 & DỊCH VỤ TIN HỌC TP. HỒ CHÍ MINH**

Kiểm toán viên

Vũ Khắc Chuyên
 Số CNDKHNKT: 0160-2013-05-1
 Bộ Tài chính Việt Nam cấp



Đào Tiến Đạt
 Số CNDKHNKT: 0078-2013-05-1
 Bộ Tài chính Việt Nam cấp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN			
I. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	V.01	444.280.566.025	682.336.002.397
II. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	V.02	286.981.172.011	1.579.126.035.741
III. Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác	V.03	1.863.550.690.502	1.967.724.758.884
1. Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác		533.884.290.502	252.215.958.884
2. Cho vay các TCTD khác		1.329.666.400.000	1.715.508.800.000
3. Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác		0	0
IV. Chứng khoán kinh doanh	V.04	596.204.609.240	87.236.904.540
1. Chứng khoán kinh doanh		618.051.908.056	111.931.118.056
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(21.847.298.816)	(24.694.213.516)
V. Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		0	0
VI. Cho vay khách hàng		29.244.712.961.067	22.056.145.023.926
1. Cho vay khách hàng	V.06	29.513.081.050.180	22.323.079.870.652
2. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	V.07	(268.368.089.113)	(266.934.846.726)
VII. Chứng khoán đầu tư	V.08	12.772.611.677.738	1.978.788.789.144
1. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		12.666.022.176.690	1.978.788.789.144
2. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		106.589.501.048	0
3. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		0	0
VIII. Góp vốn, đầu tư dài hạn	V.09	734.417.228.796	722.867.284.841
2. Vốn góp liên doanh		0	0
3. Đầu tư vào công ty liên kết		0	0
4. Đầu tư dài hạn khác		764.699.228.796	722.867.284.841
5. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(30.282.000.000)	0

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
IX. Tài sản cố định		259.695.067.718	188.292.341.425
1. Tài sản cố định hữu hình	V.10	133.048.710.214	124.405.089.702
a. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình		233.799.234.812	199.502.879.964
b. Hao mòn tài sản cố định hữu hình		(100.750.524.598)	(75.097.790.262)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		0	0
a. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính		0	0
b. Hao mòn tài sản cố định thuê tài chính		0	0
3. Tài sản cố định vô hình	V.12	126.646.357.504	63.887.251.723
a. Nguyên giá tài sản cố định vô hình		149.425.595.632	74.529.259.301
b. Hao mòn tài sản cố định vô hình		(22.779.238.128)	(10.642.007.578)
X. Bất động sản đầu tư		30.207.164.825	7.000.000.000
a. Nguyên giá bất động sản đầu tư		30.207.164.825	7.000.000.000
b. Hao mòn bất động sản đầu tư		0	0
XI. Tài sản có khác		4.075.073.679.014	4.468.765.842.511
1. Các khoản phải thu	V.14	248.592.181.537	512.424.708.112
2. Các khoản lãi, phí phải thu		3.793.349.461.200	3.743.426.095.274
3. Tài sản thuế TNDN hoãn lại		0	0
4. Tài sản Có khác	V.14	33.132.036.277	212.915.039.125
- Trong đó: Lợi thế thương mại		0	0
5. Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		0	0
TỔNG TÀI SẢN CÓ		50.307.734.816.936	33.738.282.983.409

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
B. NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
I. Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	V.15	305.286.101.929	354.903.481.369
II. Tiền gửi và vay các TCTD khác	V.16	3.497.249.994.616	918.973.519.670
1. Tiền gửi của các TCTD khác		4.526.403.301	6.212.451.670
2. Vay các TCTD khác		3.492.723.591.315	912.761.068.000
III. Tiền gửi của khách hàng	V.17	42.407.603.315.719	29.028.750.346.933
IV. Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		0	0
V. Vốn tài trợ, Ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	V.18	8.507.000.000	15.821.000.000
VI. Phát hành giấy tờ có giá		157.422.655	194.577.855
VII. Các khoản nợ khác		777.034.536.837	272.652.420.199
1. Các khoản lãi, phí phải trả		635.977.332.340	245.516.158.011
2. Thuế TNDN hoãn lại phải trả		0	0
3. Các khoản phải trả và công nợ khác	V.20	141.057.204.497	27.136.262.188
4. Dự phòng rủi ro khác (DP cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng)		0	0
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		46.995.838.371.756	30.591.295.346.026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
VIII. Vốn và các quỹ	V.22	3.311.896.445.180	3.146.987.637.383
1. Vốn của TCTD		3.007.398.000.000	3.007.398.000.000
a. Vốn điều lệ		3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
b. Vốn đầu tư XD CB		0	0
c. Thặng dư vốn cổ phần		7.398.000.000	7.398.000.000
d. Cổ phiếu quỹ		0	0
e. Cổ phiếu ưu đãi		0	0
g. Vốn khác		0	0
2. Quỹ của Tổ chức tín dụng		140.439.436.780	111.510.663.002
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		0	0
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		0	0
5. Lợi nhuận chưa phân phối		164.059.008.400	28.078.974.381
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		50.307.734.816.936	33.738.282.983.409

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
I. Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn		56.240.780.965	40.166.363.014
1. Bảo lãnh vay vốn		10.025.806.780	19.166.810
2. Cam kết trong nghiệp vụ L/C		0	0
3. Bảo lãnh khác		46.214.974.185	40.147.196.204
II. Các cam kết đưa ra		649.286.057.244	1.241.467.789.345
1. Cam kết tài trợ cho khách hàng		85.291.932.844	46.952.770.865
2. Cam kết khác		563.994.124.400	1.194.515.018.480

Tp. Vinh, ngày 03 tháng 3 năm 2014

Kế toán trưởng

Nguyễn Hồng Yến

Tổng Giám đốc



Thái Hương

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	VI.23	4.994.014.486.547	4.801.656.506.427
2. Chi phí lãi và các chi phí tương tự	VI.24	3.764.374.720.556	4.115.566.389.309
I. Thu nhập lãi thuần		1.229.639.765.991	686.090.117.118
3. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		21.355.404.711	76.204.487.609
4. Chi phí hoạt động dịch vụ		24.756.303.691	35.572.692.414
II. Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	VI.25	(3.400.898.980)	40.631.795.195
III. Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	VI.26	14.322.949.448	(1.851.084.125)
IV. Lãi/ lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	VI.27	2.846.914.700	(2.115.607.594)
V. Lãi/ lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	VI.28	9.016.483.976	15.171.216.383
5. Thu nhập từ hoạt động khác		44.243.427.826	13.123.801.661
6. Chi phí hoạt động khác		3.958.759.737	767.552.523
VI. Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động khác	VI.30	40.284.668.089	12.356.249.138
VII. Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	VI.29	9.961.704.244	11.524.554.300
VIII. Chi phí hoạt động	VI.31	681.485.533.243	595.694.831.205
IX. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		621.186.054.225	166.112.409.210
X. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		367.942.309.236	120.468.495.385
XI. Tổng lợi nhuận trước thuế		253.243.744.989	45.643.913.825
7. Chi phí thuế TNDN hiện hành		60.946.898.924	11.062.798.522
8. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		0	0
XII. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp	VI.32	60.946.898.924	11.062.798.522
XIII. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp		192.296.846.065	34.581.115.303
XIV. Lợi ích của cổ đông thiểu số			
XV. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	V.22.2	640,99	115,27

Tp. Vinh, ngày 03 tháng 3 năm 2014

Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Yến

Tổng Giám đốc



Thái Hương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		4.944.091.120.621	3.618.505.436.240
02. Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự đã trả		(3.373.913.546.227)	(4.123.117.479.039)
03. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		(3.400.898.980)	40.631.795.195
04. Chênh lệch số tiền thực thu/ thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)		23.339.433.424	13.320.132.258
05. Thu nhập khác		40.284.668.089	12.356.249.138
06. Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý hoá, bù đắp bằng nguồn rủi ro		0	0
07. Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(616.295.700.984)	(566.491.398.590)
08. Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ		(23.183.442.497)	(19.951.967.057)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động		990.921.633.446	(1.024.747.231.855)
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
09. (Tăng)/Giảm các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác		1.055.000.000.000	(548.915.558.000)
10. (Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		(11.299.943.678.594)	(282.281.502.299)
11. (Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		0	0
12. (Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng		(7.190.001.179.528)	(5.458.835.583.322)
13. Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản (tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn)		(337.148.690.140)	0
14. (Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động		443.615.529.423	244.409.380.736

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
Những thay đổi về công nợ hoạt động			
15. Tăng/(Giảm) các khoản nợ chính phủ và NHNN		(49.617.379.440)	(2.971.798.703.569)
16. Tăng/(Giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD		2.578.276.474.946	(8.037.922.076.595)
17. Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả Kho bạc Nhà nước)		13.378.852.968.786	19.685.694.921.127
18. Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ GTCG được tính vào hoạt động tài chính)		(37.155.200)	(100.157.815.755)
19. Tăng/(Giảm) vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro		(7.314.000.000)	(876.000.000)
20. Tăng/(Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		0	0
21. Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động		76.058.008.967	(469.369.014.121)
22. Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng		(585.573.007)	(41.641.251.145)
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(361.923.040.341)	993.559.565.202
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01. Mua sắm TSCĐ		(137.813.465.248)	(28.481.012.834)
02. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		0	0
03. Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		(5.568.593.316)	0
04. Mua sắm bất động sản đầu tư		(23.207.164.825)	0
05. Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư		0	0
06. Tiền chi ra do bán, thanh lý bất động sản đầu tư		0	0
07. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		(75.080.000.000)	(6.970.000.000)
08. Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		33.248.056.045	26.136.352.539
09. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		9.961.704.244	11.524.554.300
II. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(198.459.463.100)	2.209.894.005

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
01. Tăng vốn cổ phần từ góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu		0	0
02. Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		0	0
03. Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		0	0
04. Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia	(18.991.865.043)	(90.291.912.123)	
05. Tiền chi ra mua cổ phiếu quỹ		0	0
06. Tiền thu được do bán cổ phiếu quỹ		0	0
III. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(18.991.865.043)	(90.291.912.123)
IV. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(579.374.368.484)	905.477.547.084
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		3.059.686.797.022	2.154.209.249.938
VI. Điều chỉnh của ảnh hưởng thay đổi tỷ giá		0	0
VII. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	VII.34	2.480.312.428.538	3.059.686.797.022

Tp. Vinh, ngày 03 tháng 3 năm 2014

Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Yến

Tổng Giám đốc



Thái Hương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

1- Giấy phép thành lập và hoạt động, thời hạn có giá trị

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á được thành lập theo Giấy phép số 0052/NH-GP ngày 01/9/1994 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2900325526 ngày 10/10/1995 và thay đổi lần thứ 23 cấp ngày 20/12/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Thời gian hoạt động của Ngân hàng là 99 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tiên.

Tính đến ngày 31/12/2013, vốn điều lệ của Ngân hàng là: **3.000.000.000.000 Đồng**.

2- Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

3- Hoạt động của Ngân hàng

- Thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước cho phép.

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, chi tiết: Kinh doanh khách sạn;

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu, chi tiết: Cho thuê văn phòng;

- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm, chi tiết: Đại lý bảo hiểm;

- Hoạt động tư vấn quản lý, chi tiết: Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn thuế, kiểm toán, kế toán và tư vấn pháp luật);

- Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán, chi tiết: Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.

4- Trụ sở chính

Trụ sở chính của Ngân hàng: Số 117, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

Cho đến thời điểm lập báo cáo này, Ngân hàng có một (01) Hội sở chính và mười tám (18) chi nhánh cấp một tại các tỉnh và thành phố trên cả nước.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở cộng hợp số liệu tương ứng trên Báo cáo tài chính của Ngân hàng và Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản (không bao gồm số liệu của Khách sạn Xanh).

5- Công ty con

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản là Công ty con của Ngân hàng TMCP Bắc Á với tỷ lệ sở hữu 100% vốn điều lệ, hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản bảo đảm nợ vay theo Quyết định thành lập số 939/QĐ-HĐQT của Hội đồng quản trị Bắc Á ngày 12/12/2009 và Quyết định số 330/QĐ-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ngày 11/02/2010.

6. Tổng số nhân viên đến ngày 31/12/2013: 1.273 người. (Tổng số nhân viên đến ngày 31/12/2012: 1.323 người).

II- NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1- Niên độ kế toán

Niên độ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (Đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

III- CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI NGÂN HÀNG**Báo cáo về tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) hoặc các quy định hiện hành:**

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng kèm theo được lập theo quy ước giá gốc và phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho các ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác hoạt động tại Việt Nam. Do đó các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận chung ở các nước ngoài phạm vi Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại Việt Nam có thể khác với thông lệ tại các nước khác.

Chế độ và hình thức kế toán áp dụng:

Ngân hàng áp dụng hệ thống chế độ kế toán Ngân hàng Việt Nam ban hành theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29/4/2004, Quyết định 807/2005/QĐ-NHNN ngày 01/6/2005, Quyết định 29/2006/QĐ-NHNN ngày 10/7/2006, và chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng theo quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN, ngày 18/4/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các chuẩn mực kế toán có liên quan.

IV- CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ÁP DỤNG TẠI NGÂN HÀNG**1- Chuyển đổi tiền tệ**

Nghiệp vụ phát sinh trong kỳ bằng tiền tệ khác với Đồng Việt Nam được quy đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Chênh lệch tỷ giá của các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ và đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

Tỷ giá quy đổi tại ngày 31/12/2013:

21.036 VND/USD	28.935 VND/EUR	199,5 VND/JPY	18.450 VND/AUD
34.370 VND/GBP	23.591 VND/CHF	16.515 VND/SGD	

2- Nguyên tắc thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính

2.1. Công ty con là những công ty mà Ngân hàng có quyền quyết định các chính sách tài chính và chính sách hoạt động. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất vào báo cáo Ngân hàng kể từ ngày Ngân hàng nắm quyền kiểm soát các công ty con và sẽ không được hợp nhất từ ngày Ngân hàng không còn kiểm soát các công ty con này.

Ngân hàng hạch toán việc hợp nhất kinh doanh theo phương pháp mua. Giá phí mua bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản, các công cụ vốn do bên mua phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua công ty con.

Các số dư nội bộ, giao dịch và lợi nhuận chưa thực hiện trên giao dịch nội bộ giữa các công ty con và Ngân hàng được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ, ngoại trừ trường hợp giao dịch thể hiện cụ thể sự giảm giá của tài sản được chuyển giao. Các chính sách kế toán của các công ty con cũng được thay đổi khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với các chính sách kế toán được Ngân hàng áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013**

2- Nguyên tắc thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

2.2. Lợi ích cổ đông thiểu số là một phần lợi nhuận hoặc lỗ và giá trị tài sản thuần của một công ty con được xác định tương ứng cho các phần lợi ích không phải do công ty mẹ sở hữu một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các công ty con.

2.3. Công ty liên kết là các công ty mà Ngân hàng có ảnh hưởng đáng kể nhưng không nắm quyền kiểm soát, thông thường Ngân hàng nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết.

Công ty liên doanh là hợp đồng liên doanh trong đó Ngân hàng và các đối tác khác thực hiện các hoạt động kinh tế trên cơ sở thiết lập quyền kiểm soát chung.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết và liên doanh trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, các khoản vốn ban đầu được ghi nhận theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của bên góp vốn trong tài sản thuần của công ty liên kết và liên doanh.

3- Công cụ tài chính phái sinh và kế toán phòng ngừa rủi ro

Các công cụ tài chính phái sinh được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá trị hợp đồng vào ngày giao dịch, và sau đó được đánh giá lại theo tỷ giá vào ngày cuối tháng. Lợi nhuận hoặc lỗ khi các công cụ tài chính phái sinh đã thực hiện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi nhuận hoặc lỗ chưa thực hiện được ghi nhận vào khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái trên bảng cân đối kế toán hợp nhất vào cuối mỗi tháng và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vào thời điểm cuối năm.

4- Kế toán thu nhập lãi, chi phí lãi và ngừng dự thu lãi

Ngân hàng ghi nhận thu nhập lãi và chi phí lãi theo phương pháp trích trước. Lãi của các khoản cho vay quá hạn không được ghi dự thu mà được ghi nhận trên cơ sở thực thu. Khi một khoản cho vay trở thành quá hạn thì số lãi trích trước được xuất toán và được ghi nhận ngoại bảng. Thu nhập lãi của các khoản cho vay quá hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất khi thu được.

5- Kế toán các khoản thu từ phí và hoa hồng

Thu nhập từ phí và hoa hồng bao gồm phí nhận được từ dịch vụ thanh toán, dịch vụ ngân quỹ, phí từ các khoản bảo lãnh, phí từ cung cấp dịch vụ môi giới chứng khoán và các dịch vụ khác. Thu nhập phí từ các khoản bảo lãnh và cung cấp dịch vụ môi giới chứng khoán được ghi nhận theo phương pháp trích trước. Thu nhập phí hoa hồng nhận được từ dịch vụ thanh toán, dịch vụ ngân quỹ và các dịch vụ khác được ghi nhận khi thực nhận.

6- Kế toán đối với cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng được trình bày theo số dư nợ gốc trừ đi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng.

Các khoản vay ngắn hạn có kỳ hạn đến 01 năm. Các khoản vay trung hạn có kỳ hạn từ trên 01 năm đến 05 năm và các khoản vay dài hạn có kỳ hạn trên 05 năm.

Các nguyên tắc phân loại nợ và đánh giá rủi ro tín dụng được Ngân hàng thực hiện theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/4/2005 và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25/4/2007, Quyết định 780/QĐ-NHNN ngày 23/4/2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013****6- Kế toán đối với cho vay khách hàng (tiếp theo)**

Đối với các khoản nợ quá hạn, Ngân hàng phân loại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn khi Ngân hàng đánh giá là có đủ khả năng thu hồi đầy đủ cả gốc và lãi; và khách hàng có tài liệu, hồ sơ chứng minh các nguyên nhân làm khoản nợ quá hạn này được xử lý, khắc phục. Việc phân loại các nhóm nợ cho vay, trích dự phòng rủi ro tín dụng và ghi nhận lãi dự thu đang được thực hiện trên cơ sở các đánh giá của Ngân hàng về rủi ro tín dụng và khả năng thu hồi đầy đủ các khoản nợ gốc và lãi trong tương lai. Ngân hàng phải chủ động phân loại lại các khoản nợ vào nhóm nợ rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- Khi có những diễn biến bất lợi từ tác động tiêu cực đến môi trường kinh doanh và lĩnh vực kinh doanh;
- Các chỉ tiêu tài chính của khách hàng hoặc khả năng trả nợ của khách hàng bị suy giảm;
- Khách hàng không cung cấp cho Ngân hàng các thông tin tài chính kịp thời, đầy đủ và chính xác để Ngân hàng đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng.

Theo Quyết định 780/QĐ-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 23/4/2012, các khoản nợ được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ do Ngân hàng đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng có chiều hướng tích cực và có khả năng trả nợ tốt sau khi điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ được giữ nguyên nhóm nợ như đã được phân loại theo quy định trước khi điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ.

Dự phòng cụ thể được tính theo các số dư các khoản cho vay từng khách hàng và các cam kết ngoại bảng tại thời điểm cuối quý dựa trên việc phân loại nhóm nợ cho vay theo thời hạn nợ. Dự phòng cụ thể các khoản cho vay và các cam kết ngoại bảng tại ngày kết thúc niên độ kế toán được xác định dựa trên việc sử dụng các tỷ lệ dự phòng sau đây đối với các số dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 11 hàng năm sau khi trừ đi giá trị của tài sản đảm bảo đã được khấu trừ theo các tỷ lệ quy định trong Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN.

<i>Nhóm</i>	<i>Phân loại nợ</i>	<i>Tỷ lệ dự phòng cụ thể</i>
Nhóm 1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
Nhóm 2	Nợ cần chú ý	5%
Nhóm 3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
Nhóm 4	Nợ nghi ngờ	50%
Nhóm 5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Dự phòng chung được tính bằng 0,75% tổng số dư của các khoản cho vay khách hàng từ nhóm 1 đến nhóm 4 và các cam kết ngoại bảng.

Việc xóa sổ các khoản nợ vay không có khả năng thu hồi căn cứ vào Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/4/2005 và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25/4/2007.

7- Kế toán các nghiệp vụ kinh doanh và đầu tư chứng khoán**7.1- Nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán:**

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán ban đầu được mua và nắm giữ cho mục đích kinh doanh trong ngắn hạn hoặc nếu Ban Tổng Giám đốc quyết định như vậy.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

7- Kế toán các nghiệp vụ kinh doanh và đầu tư chứng khoán (tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận giá trị chứng khoán kinh doanh: Chứng khoán kinh doanh ban đầu được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc), bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có). Sau đó, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) của chứng khoán kinh doanh giảm xuống thấp hơn giá gốc.

Lãi hoặc lỗ từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo số thuần.

7.2- Nghiệp vụ đầu tư chứng khoán

Chứng khoán đầu tư gồm các chứng khoán sẵn sàng để bán và các chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn.

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn: là các chứng khoán có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được và Ban Tổng Giám đốc có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Chứng khoán sẵn sàng để bán: là các chứng khoán nợ hoặc chứng khoán vốn được giữ trong thời gian không ấn định trước, có thể được bán bất cứ lúc nào.

Nguyên tắc ghi nhận chứng khoán đầu tư: được ghi nhận theo giá thực tế mua. Sau đó các chứng khoán này được hạch toán theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá chứng khoán trong các kỳ kế toán tiếp theo.

Thu nhập lãi từ chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Ngân hàng nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá vốn tại thời điểm mua.

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) của chứng khoán đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc.

7.3. Nghiệp vụ đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư với tỷ lệ thấp hơn hoặc bằng 11% phần vốn của các tổ chức kinh tế mà Ngân hàng là cổ đông sáng lập, hoặc là đối tác chiến lược, hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình thành lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia vào Hội đồng Quản trị hoặc Ban Điều hành. Các khoản đầu tư dài hạn ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác được lập khi Ngân hàng xác định được các tổ chức kinh tế mà Ngân hàng đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp bị lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

8- Cam kết mua và bán

Những chứng khoán được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại ("Repo") không phải ghi giảm tài sản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Khoản tiền nhận được khi bán chứng khoán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản công nợ trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua lại được ghi nhận như chi phí lãi chờ phân bổ và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng theo phương pháp đường thẳng.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại ("Reverse repo") được ghi nhận như một khoản cho vay và ứng trước cho các tổ chức tín dụng hoặc khách hàng. Phần chênh lệch giữa giá mua và giá bán lại được ghi nhận như thu nhập lãi chờ phân bổ và được phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng theo phương pháp đường thẳng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

9- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

Tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế là giá thành thực tế của tài sản cố định tự xây dựng hoặc tự chế, cộng (+) chi phí lắp đặt, chạy thử. Trường hợp Ngân hàng dùng sản phẩm do mình sản xuất ra để chuyển thành tài sản cố định thì nguyên giá là chi phí sản xuất sản phẩm đó cộng (+) các chi phí trực tiếp liên quan đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trong các trường hợp trên, mọi khoản lãi nội bộ không được tính vào nguyên giá của tài sản đó.

Tài sản cố định hữu hình mua dưới hình thức trao đổi

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định hữu hình không tương tự hoặc tài sản khác được xác định theo giá trị hợp lý của tài sản cố định hữu hình nhận về, hoặc giá trị hợp lý của tài sản đem trao đổi, sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu về.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định hữu hình tương tự, hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự. Trong cả hai trường hợp không có bất kỳ khoản lãi hay lỗ nào được ghi nhận trong quá trình trao đổi.

Tài sản cố định hữu hình tăng từ các nguồn khác

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được tài trợ, biếu tặng được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý ban đầu. Trường hợp không ghi nhận theo giá trị hợp lý ban đầu thì Công ty ghi nhận theo giá trị danh nghĩa cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013**

10- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Mua tài sản cố định vô hình riêng biệt

Nguyên giá TSCĐ vô hình mua riêng biệt bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Khi quyền sử dụng đất được mua cùng với nhà cửa, vật kiến trúc trên đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là TSCĐ vô hình.

Tài sản cố định vô hình hình thành từ việc trao đổi thanh toán bằng chứng từ liên quan đến quyền sở hữu vốn của đơn vị, nguyên giá tài sản cố định vô hình là giá trị hợp lý của các chứng từ được phát hành liên quan đến quyền sở hữu vốn.

Mua tài sản cố định vô hình từ việc sáp nhập doanh nghiệp

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hình thành trong quá trình sáp nhập doanh nghiệp có tính chất mua lại là giá trị hợp lý của tài sản đó vào ngày mua.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất là số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác hoặc giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn liên doanh.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Tài sản cố định vô hình tặng từ các nguồn khác

Nguyên giá tài sản cố định vô hình được tài trợ, biếu tặng được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý ban đầu. Trường hợp không ghi nhận theo giá trị hợp lý ban đầu thì Ngân hàng ghi nhận theo giá trị danh nghĩa cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình mua dưới hình thức trao đổi

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định vô hình không tương tự hoặc tài sản khác được xác định theo giá trị hợp lý của tài sản cố định vô hình nhận về, hoặc giá trị hợp lý của tài sản đem trao đổi, sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu về.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định vô hình tương tự, hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự. Trong cả hai trường hợp không có bất kỳ khoản lãi hay lỗ nào được ghi nhận trong quá trình trao đổi.

Tài sản cố định vô hình được tạo ra từ nội bộ Ngân hàng

Nguyên giá tài sản cố định vô hình được tạo ra từ nội bộ Ngân hàng bao gồm toàn bộ chi phí phát sinh từ thời điểm mà tài sản vô hình đáp ứng được định nghĩa và tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định vô hình đến khi tài sản được đưa vào sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

11- Phương pháp khấu hao TSCĐ:

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian sử dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
Máy móc, thiết bị	03 - 05 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
Phần mềm máy tính	03 - 08 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao phù hợp với thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

12- Kế toán các giao dịch thuê tài sản

Thuê hoạt động: là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

Thuê tài chính: là việc thuê tài sản cố định mà về thực chất Ngân hàng chịu toàn bộ rủi ro cùng với hưởng lợi ích từ quyền sở hữu tài sản. Thuê tài chính được ghi nhận là tài sản tại thời điểm bắt đầu việc thuê với số tiền hạch toán là số thấp hơn khi so sánh giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê với hiện giá của toàn bộ các khoản thanh toán tối thiểu. Khoản thanh toán tiền thuê tài chính được tách ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc để duy trì một tỷ lệ lãi suất cố định trên cơ sở số dư nợ thuê tài chính. Khoản phải trả nợ gốc không bao gồm chi phí tài chính, được hạch toán là các khoản nợ các TCTD. Chi phí tài chính được hạch toán vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian của hợp đồng thuê. TSCĐ thuê tài chính được khấu hao căn cứ vào thời gian ngắn hơn khi so giữa thời hạn hữu dụng của tài sản với thời gian thuê tài chính.

13- Bất động sản đầu tư

Nguyên tắc ghi nhận Bất động sản đầu tư: được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư: Là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như: phí dịch vụ tư vấn về pháp luật liên quan, thuế trước bạ, các chi phí liên quan khác.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư tự xây dựng là giá thành thực tế và các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư tính đến ngày hoàn thành công việc.

Chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

13- Bất động sản đầu tư (tiếp theo)

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Phương pháp khấu hao Bất động sản đầu tư: khấu hao được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư đó.

Thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản đầu tư như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc

5 - 50 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao phù hợp với thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

14- Tiền và các khoản tương đương tiền

Trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền, kim loại quý và đá quý, tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước Việt nam, tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại TCTD khác có thời hạn không quá 90 ngày kể từ ngày gửi, trái phiếu chính phủ và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đủ điều kiện tái chiết khấu với Ngân hàng Nhà nước, chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua.

15- Các khoản dự phòng:

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Ngân hàng có một nghĩa vụ hiện tại phát sinh từ các sự kiện đã qua; Có thể đưa đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ; Giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Khi có nhiều nghĩa vụ nợ tương tự nhau thì khả năng giảm sút lợi ích kinh tế do việc thanh toán nghĩa vụ nợ được xác định thông qua việc xem xét toàn bộ nhóm nghĩa vụ nói chung. Dự phòng cũng được ghi nhận cho dù khả năng giảm sút lợi ích kinh tế do việc thanh toán từng nghĩa vụ nợ là rất nhỏ.

Dự phòng được tính ở giá trị hiện tại của các khoản chi phí dự tính để thanh toán nghĩa vụ nợ với suất chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá theo thị trường hiện tại về thời giá của tiền tệ và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

Dự phòng trợ cấp thôi việc: Theo luật lao động Việt Nam, nhân viên của Ngân hàng được hưởng khoản trợ cấp thôi việc căn cứ vào số năm làm việc tính từ ngày bắt đầu làm việc đến ngày 31 tháng 12 năm 2008. Khoản trợ cấp này được trả một lần khi người lao động thôi làm việc cho Ngân hàng. Ngân hàng đang trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc căn cứ vào Thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính.

16- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định gồm tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ kế toán.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế TNDN hiện hành được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

16- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại (tiếp theo)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản, nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Ngân hàng chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Ngân hàng có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

17- Kế toán các khoản vốn vay, phát hành chứng khoán nợ, công cụ vốn

Chi phí đi vay là lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Ngân hàng. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trả lãi trong kỳ khi phát sinh liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc tài sản dở dang thì chi phí đi vay được tính trực tiếp vào giá trị của tài sản đó theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam.

18- Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Ngân hàng được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất bao gồm: Vốn điều lệ và thặng dư vốn cổ phần.

Nguồn vốn kinh doanh được hình thành từ số tiền mà các cổ đông đã góp vốn mua cổ phần, cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo quy định trong điều lệ hoạt động của Ngân hàng. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

18- Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Thặng dư vốn cổ phần: Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa số tiền thực tế thu được so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu của Ngân hàng đã phát hành và được Ngân hàng mua lại. Khoản tiền đã trả để mua cổ phiếu, bao gồm các chi phí có liên quan trực tiếp, được giảm trừ vào vốn chủ sở hữu đến khi các cổ phiếu quỹ được hủy bỏ hoặc tái phát hành. Số tiền thu do tái phát hành hoặc bán cổ phiếu quỹ trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc tái phát hành hoặc bán cổ phiếu quỹ được tính vào phần vốn chủ sở hữu.

Vốn khác: Phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản.

Lợi nhuận chưa phân phối

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Ngân hàng sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ được căn cứ vào điều lệ của Ngân hàng và tờ trình Hội đồng quản trị được thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

19- Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Ngân hàng hoặc chịu sự kiểm soát của Ngân hàng. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết của Ngân hàng mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Ngân hàng, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1- Tiền mặt, vàng bạc, đá quý

	31/12/2013	31/12/2012
	Đồng	Đồng
Tiền mặt bằng đồng Việt Nam	331.010.724.360	602.502.737.637
Tiền mặt bằng ngoại tệ	113.269.841.665	79.833.264.760
Tổng	444.280.566.025	682.336.002.397

2- Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước

	31/12/2013	31/12/2012
	Đồng	Đồng
Tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước	286.981.172.011	1.579.126.035.741
Tổng	286.981.172.011	1.579.126.035.741

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

3- Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác

	31/12/2013 Đồng	31/12/2012 Đồng
a. Tiền, vàng gửi tại các tổ chức tín dụng khác		
<i>Tiền, vàng gửi không kỳ hạn</i>	425.519.490.502	140.059.958.884
- Bằng đồng Việt Nam	21.259.634.868	34.016.457.713
- Bằng ngoại tệ, vàng	404.259.855.634	106.043.501.171
<i>Tiền, vàng gửi có kỳ hạn</i>	108.364.800.000	112.156.000.000
- Bằng VND	70.500.000.000	70.500.000.000
- Bằng ngoại tệ, vàng	37.864.800.000	41.656.000.000
Tổng	533.884.290.502	252.215.958.884
b. Cho vay các tổ chức tín dụng khác		
- Bằng đồng Việt Nam	1.174.000.000.000	1.099.000.000.000
- Bằng ngoại tệ, vàng	155.666.400.000	616.508.800.000
- Dự phòng rủi ro cho vay các tổ chức tín dụng khác	0	0
Tổng	1.329.666.400.000	1.715.508.800.000
Tổng cộng tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác	1.863.550.690.502	1.967.724.758.884

4- Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2013 Đồng	31/12/2012 Đồng
Chứng khoán Nợ	500.000.000.000	0
- Chứng khoán Nợ do các tổ chức tín dụng khác trong nước phát hành	500.000.000.000	0
Chứng khoán Vốn	118.051.908.056	111.931.118.056
- Chứng khoán Vốn do các tổ chức tín dụng khác trong nước phát hành	96.163.408.056	90.042.618.056
- Chứng khoán Vốn do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	21.888.500.000	21.888.500.000
Chứng khoán kinh doanh khác	0	0
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(21.847.298.816)	(24.694.213.516)
Tổng	596.204.609.240	87.236.904.540

Thuyết minh về tình trạng niêm yết của các chứng khoán kinh doanh

	31/12/2013 Đồng	31/12/2012 Đồng
Chứng khoán Nợ:		
- Đã niêm yết	500.000.000.000	0
- Chưa niêm yết	0	0
Chứng khoán Vốn:		
- Đã niêm yết	86.512.308.056	80.391.518.056
- Chưa niêm yết	31.539.600.000	31.539.600.000
Tổng	618.051.908.056	111.931.118.056

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

6- Cho vay khách hàng

	31/12/2013	31/12/2012
	Đồng	Đồng
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	29.503.802.132.230	22.317.879.608.550
Cho vay chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá	414.231.519	30.678.912
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	500.490.000	955.000.000
Cho vay khác	8.364.196.431	4.214.583.190
Tổng	29.513.081.050.180	22.323.079.870.652

Phân tích chất lượng nợ cho vay:

	31/12/2013	31/12/2012
	Đồng Tỷ lệ	Đồng Tỷ lệ
Nợ đủ tiêu chuẩn	28.780.992.130.777 97,52%	21.003.544.775.994 94,09%
Nợ cần chú ý	48.022.770.000 0,16%	55.767.399.998 0,25%
Nợ dưới tiêu chuẩn	224.534.500.579 0,76%	341.932.287.676 1,53%
Nợ nghi ngờ	46.611.124.496 0,16%	117.744.054.833 0,53%
Nợ có khả năng mất vốn	412.920.524.328 1,40%	804.091.352.151 3,60%
Tổng	29.513.081.050.180 100,00%	22.323.079.870.652 100,00%

Phân tích dư nợ theo thời gian

	31/12/2013	31/12/2012
	Đồng	Đồng
Nợ ngắn hạn	22.427.208.558.516	17.042.939.313.010
Nợ trung hạn	4.748.400.969.225	3.083.672.769.248
Nợ dài hạn	2.337.471.522.439	2.196.467.788.394
Tổng	29.513.081.050.180	22.323.079.870.652

7- Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

	Dự phòng chung	Dự phòng cụ thể
	Đồng	Đồng
<u>Năm 2013</u>		
Số dư đầu năm	177.135.096.514	89.799.750.212
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm/ (Hoàn nhập dự phòng trong năm)	32.658.605.062	305.923.327.465
Dự phòng giảm do xử lý các khoản nợ khó thu hồi bằng nguồn dự phòng	0	(337.148.690.140)
Điều chỉnh tăng/ (giảm) khác	0	0
Số dư cuối năm	209.793.701.576	58.574.387.537
<u>Năm 2012</u>		
Số dư đầu năm	138.071.178.326	8.395.173.015
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm/ (Hoàn nhập dự phòng trong năm)	39.063.918.188	81.404.577.197
Số dư cuối năm	177.135.096.514	89.799.750.212

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

8- Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	31/12/2013	31/12/2012
	Đồng	Đồng
a. Chứng khoán Nợ	12.666.022.176.690	1.978.788.789.144
- Chứng khoán Chính phủ	5.178.369.422.009	1.560.788.789.144
- Chứng khoán Nợ do các tổ chức tín dụng khác trong nước phát hành	6.339.993.157.265	0
- Chứng khoán Nợ do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	1.147.659.597.416	418.000.000.000
c. Dự phòng giảm giá chứng khoán sẵn sàng để bán	0	0
Tổng	12.666.022.176.690	1.978.788.789.144

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2013	31/12/2012
	Đồng	Đồng
- Chứng khoán Nợ do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	106.589.501.048	0
- Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	0	0
Tổng	106.589.501.048	0

9- Góp vốn, đầu tư dài hạn

Phân tích giá trị đầu tư theo loại hình đầu tư

	31/12/2013	31/12/2012
	Đồng	Đồng
Đầu tư vào công ty con	0	0
Các khoản đầu tư dài hạn khác	764.699.228.796	722.867.284.841
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(30.282.000.000)	0
Tổng	734.417.228.796	722.867.284.841

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

9- Góp vốn, đầu tư dài hạn (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác của Ngân hàng

Đơn vị tính: Đồng

Đơn vị đầu tư	31/12/2013		31/12/2012	
	Giá gốc	Tỷ phần năm giữ	Giá gốc	Tỷ phần năm giữ
Công ty Cổ phần Za Hưng	33.976.000.000	10,96%	29.576.000.000	9,54%
Quỹ đầu tư chứng khoán con hổ Việt Nam	25.000.000.000	5,00%	55.000.000.000	11,00%
HTX Đầm sen	4.570.000.000	10,88%	4.570.000.000	10,88%
Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt	4.000.000.000	10,67%	4.000.000.000	10,67%
Công ty Cổ phần Thủy điện Thái An	45.000.000.000	10,00%	45.000.000.000	10,00%
Công ty Cổ phần ĐTXD & TM Hà Nội	80.000.000.000	10,00%	80.000.000.000	10,00%
Công ty Cổ phần Lâm nghiệp tháng 5	30.000.000.000	10,00%	30.000.000.000	10,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư giáo dục TH	5.800.000.000	10,01%	2.000.000.000	3,45%
Công ty Cổ phần Hữu nghị	1.500.000.000	5,73%	1.500.000.000	5,73%
Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính và Vàng Bắc Á	12.600.000.000	7,00%	12.600.000.000	7,00%
Quỹ thành viên Vietcombank1	5.000.000.000	3,33%	5.000.000.000	3,33%
Quỹ đầu tư chứng khoán Hà Nội (Hanoifund)	11.165.000.000	5,58%	11.165.000.000	5,58%
Quỹ đầu tư chứng khoán Sài Gòn A2	14.260.000.000	2,85%	15.400.000.000	3,08%
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	115.500.000.000	5,75%	115.500.000.000	5,75%
Công ty Cổ phần dịch vụ thẻ SmartLink.	1.970.000.000	3,94%	1.970.000.000	3,94%
Quỹ Đầu tư DN Hàng Đầu Việt Nam (VF4)	30.883.190.000	3,83%	30.883.190.000	3,83%
Quỹ đầu tư tăng trưởng Việt Nam (VF2)	21.663.191.416	2,25%	23.771.247.461	2,47%
Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam (VF1)	1.931.847.380	0,19%	1.931.847.380	0,19%
Công ty Cổ phần thực phẩm sữa TH	253.000.000.000	6,66%	253.000.000.000	6,66%
Quỹ đầu tư trái phiếu MB Capital Việt Nam	5.500.000.000	10,13%	0	0,00%
Quỹ MB Land	900.000.000	0,14%	0	0,00%
Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư MB (MB Capital)	19.780.000.000	9,89%	0	0,00%
Công ty TNHH Du lịch Dịch vụ Tam Đảo	40.700.000.000	10,00%	0	0,00%
Tổng	764.699.228.796		722.867.284.841	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

10- Tài sản cố định hữu hình

Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình năm 2012:

Đơn vị tính: Đồng

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	74.019.653.506	43.453.260.963	25.649.590.294	30.656.207.838	173.778.712.601
Số tăng trong năm	7.785.954.292	5.696.732.621	2.851.996.313	12.146.329.608	28.481.012.834
- Mua trong năm	7.785.954.292	5.696.732.621	2.851.996.313	12.146.329.608	28.481.012.834
Số giảm trong năm	196.127.951	466.623.287	543.282.813	1.550.811.420	2.756.845.471
- Giảm khác	196.127.951	466.623.287	543.282.813	1.550.811.420	2.756.845.471
Số dư cuối năm	81.609.479.847	48.683.370.297	27.958.303.794	41.251.726.026	199.502.879.964
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	20.130.280.317	18.776.497.890	15.741.894.061	4.599.785.368	59.248.457.636
Số tăng trong năm	4.722.350.042	5.225.666.913	3.010.150.825	4.262.980.750	17.221.148.530
- Khấu hao trong năm	4.722.350.042	5.225.666.913	3.010.150.825	4.262.980.750	17.221.148.530
Số giảm trong năm	0	0	0	1.371.815.904	1.371.815.904
- Giảm khác	0	0	0	1.371.815.904	1.371.815.904
Số dư cuối năm	24.852.630.359	24.002.164.803	18.752.044.886	7.490.950.214	75.097.790.262
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	53.889.373.189	24.676.763.073	9.907.696.233	26.056.422.470	114.530.254.965
Tại ngày cuối năm	56.756.849.488	24.681.205.494	9.206.258.908	33.760.775.812	124.405.089.702

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

10- Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình năm 2013:

Đơn vị tính: Đồng

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	81.609.479.847	48.683.370.297	27.958.303.794	41.251.726.026	199.502.879.964
Số tăng trong năm	6.531.797.381	39.291.110.388	6.610.554.113	10.463.667.035	62.897.128.917
- Mua trong năm	6.531.797.381	39.291.110.388	6.610.554.113	10.463.667.035	62.897.128.917
Số giảm trong năm	2.720.683.533	11.663.476.982	2.924.137.275	11.292.476.279	28.600.774.069
- Giảm khác	2.720.683.533	11.663.476.982	2.924.137.275	11.292.476.279	28.600.774.069
Số dư cuối năm	85.420.593.695	76.311.003.703	31.644.720.632	40.422.916.782	233.799.234.812
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	24.852.630.359	24.002.164.803	18.752.044.886	7.490.950.214	75.097.790.262
Số tăng trong năm	9.169.530.261	9.404.664.458	4.846.116.573	7.781.016.360	31.201.327.652
- Khấu hao trong năm	9.169.530.261	9.404.664.458	4.846.116.573	7.781.016.360	31.201.327.652
Số giảm trong năm	1.866.093.062	1.941.741.538	706.884.652	1.033.874.064	5.548.593.316
- Giảm khác	1.866.093.062	1.941.741.538	706.884.652	1.033.874.064	5.548.593.316
Số dư cuối năm	32.156.067.558	31.465.087.723	22.891.276.807	14.238.092.510	100.750.524.598
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	56.756.849.488	24.681.205.494	9.206.258.908	33.760.775.812	124.405.089.702
Tại ngày cuối năm	53.264.526.137	44.845.915.980	8.753.443.825	26.184.824.272	133.048.710.214

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

12- Tài sản cố định vô hình

Tăng, giảm tài sản cố định vô hình năm 2012:

Đơn vị tính: Đồng

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	32.837.198.770	41.692.060.531	74.529.259.301
Số tăng trong năm	0	0	0
Số giảm trong năm	0	0	0
Số dư cuối năm	32.837.198.770	41.692.060.531	74.529.259.301
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	0	4.839.578.260	4.839.578.260
Số tăng trong năm	0	5.802.429.318	5.802.429.318
- Khấu hao trong năm	0	5.802.429.318	5.802.429.318
Số giảm trong năm	0	0	0
Số dư cuối năm	0	10.642.007.578	10.642.007.578
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	32.837.198.770	36.852.482.271	69.689.681.041
Tại ngày cuối năm	32.837.198.770	31.050.052.953	63.887.251.723

Tăng, giảm tài sản cố định vô hình năm 2013:

Đơn vị tính: Đồng

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	32.837.198.770	41.692.060.531	74.529.259.301
Số tăng trong năm	57.285.000.000	17.631.336.331	74.916.336.331
- Mua trong năm	57.285.000.000	17.631.336.331	74.916.336.331
Số giảm trong năm	0	20.000.000	20.000.000
- Giảm khác	0	20.000.000	20.000.000
Số dư cuối năm	90.122.198.770	59.303.396.862	149.425.595.632
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	0	10.642.007.578	10.642.007.578
Số tăng trong năm	0	12.157.230.550	12.157.230.550
- Khấu hao trong năm	0	12.157.230.550	12.157.230.550
Số giảm trong năm	0	20.000.000	20.000.000
- Giảm khác	0	20.000.000	20.000.000
Số dư cuối năm	0	22.779.238.128	22.779.238.128
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	32.837.198.770	31.050.052.953	63.887.251.723
Tại ngày cuối năm	90.122.198.770	36.524.158.734	126.646.357.504

14- Tài sản Có khác

	31/12/2013	31/12/2012
	Đồng	Đồng
Các khoản phải thu (*)	248.592.181.537	512.424.708.112
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có khác	0	0
Tài sản Có khác (**)	33.132.036.277	212.915.039.125
Tổng	281.724.217.814	725.339.747.237

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

14- Tài sản Có khác (tiếp theo)

(*) Chi tiết các khoản phải thu

	31/12/2013	31/12/2012
	Đồng	Đồng
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	17.223.255.134	55.216.785.497
Ký quỹ, thế chấp, cầm cố	7.410.666.177	8.225.669.917
Phải thu Ngân sách Nhà nước	7.384.826.705	13.314.119.176
Chi phí xử lý Tài sản đảm bảo Nợ	187.859.800	275.556.800
Tạm ứng hoạt động nghiệp vụ	20.479.638.024	141.001.545.785
Tạm ứng tiền lương, công tác phí cho Cán bộ nhân viên	25.309.929.115	24.965.554.434
Ứng trước vốn triển khai dự án Công ty sữa TH	0	162.236.897.891
Các khoản khác	170.596.006.582	107.188.578.612
	248.592.181.537	512.424.708.112

(**) Chi tiết Tài sản Có khác

	31/12/2013	31/12/2012
	Đồng	Đồng
Chi phí chờ phân bổ	31.535.823.537	211.465.543.380
Các khoản khác	1.596.212.740	1.449.495.745
	33.132.036.277	212.915.039.125

15- Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng nhà nước

	31/12/2013	31/12/2012
	Đồng	Đồng
1. Vay Ngân hàng Nhà nước bằng đồng Việt Nam	305.286.101.929	354.903.481.369
- Vay theo hồ sơ tín dụng	5.096.611.000	5.565.674.000
- Vay cầm cố các giấy tờ có giá	300.189.490.929	349.337.807.369
2. Vay Ngân hàng Nhà nước bằng ngoại tệ	0	0
3. Tiền gửi của Kho Bạc Nhà nước	0	0
Tổng	305.286.101.929	354.903.481.369

16- Tiền, vàng gửi và vay các TCTD khác

	31/12/2013	31/12/2012
	Đồng	Đồng
a. Tiền, vàng gửi của các tổ chức tín dụng khác		
<i>Tiền, vàng gửi không kỳ hạn</i>	55.010	61.463.470
- Bằng đồng Việt Nam	55.010	42.315.040
- Bằng vàng và ngoại tệ	0	19.148.430
<i>Tiền, vàng gửi có kỳ hạn</i>	4.526.348.291	6.150.988.200
- Bằng đồng Việt Nam	4.526.348.291	6.150.988.200
- Bằng vàng và ngoại tệ	0	0
Tổng	4.526.403.301	6.212.451.670
b. Vay các tổ chức tín dụng khác		
- Bằng đồng Việt Nam	3.491.802.200.000	912.761.068.000
- Bằng vàng và ngoại tệ	921.391.315	0
Tổng	3.492.723.591.315	912.761.068.000
Tổng cộng	3.497.249.994.616	918.973.519.670

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

17- Tiền gửi của khách hàng

Thuyết minh theo loại tiền gửi

	31/12/2013	31/12/2012
	Đồng	Đồng
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn	805.143.684.237	322.878.516.489
- Tiền gửi không kỳ hạn bằng đồng Việt Nam	798.704.679.121	311.366.053.019
- Tiền gửi không kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	6.439.005.116	11.512.463.470
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn	41.584.523.204.011	28.677.526.321.728
- Tiền gửi có kỳ hạn bằng đồng Việt Nam	40.502.287.703.507	27.306.897.742.062
- Tiền gửi có kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	1.082.235.500.504	1.370.628.579.666
Tiền gửi vốn chuyên dùng	51.449	0
Tiền gửi ký quỹ	17.936.376.022	28.345.508.716
Tổng	42.407.603.315.719	29.028.750.346.933

18- Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro

	31/12/2013	31/12/2012
	Đồng	Đồng
Vốn nhận tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay bằng đồng Việt Nam	8.507.000.000	15.821.000.000
Tổng	8.507.000.000	15.821.000.000

20- Các khoản nợ khác

	31/12/2013	31/12/2012
	Đồng	Đồng
Các khoản phải trả nội bộ	79.481.173.473	14.970.005.789
Các khoản phải trả bên ngoài (*)	61.576.031.024	12.166.256.399
Dự phòng rủi ro khác	0	0
Tổng	141.057.204.497	27.136.262.188

(*) Chi tiết các khoản phải trả bên ngoài

	31/12/2013	31/12/2012
	Đồng	Đồng
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	40.900.547.190	3.701.958.804
- Các khoản chờ thanh toán	20.632.333.693	8.428.384.154
- Các khoản phải trả khác	43.150.141	35.913.441
Tổng	61.576.031.024	12.166.256.399

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

22- Vốn quỹ của tổ chức tín dụng

22.1- Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: Đồng

	Vốn góp/ Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ Đầu tư phát triển	Quỹ Dự phòng tài chính	Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế/ Lũy kế	Cộng
Số dư đầu năm	3.000.000.000.000	7.398.000.000	564.288.197	77.396.890.379	33.512.762.155	36.722.271	28.078.974.381	3.146.987.637.383
Tăng trong năm	0	0	0	19.280.240.102	9.640.120.051	593.986.632	202.987.403.714	232.501.750.499
Lợi nhuận tăng trong năm	0	0	0	0	0	0	192.296.846.065	192.296.846.065
Trích bổ sung quỹ từ LN năm trước	0	0	0	0	0	593.986.632	0	593.986.632
Tạm trích lập các quỹ năm nay	0	0	0	19.280.240.102	9.640.120.051	0	0	28.920.360.153
Tăng khác	0	0	0	0	0	0	10.690.557.649	10.690.557.649
Giảm trong năm	0	0	0	0	0	(585.573.007)	(67.007.369.695)	(67.592.942.702)
Sử dụng trong năm	0	0	0	0	0	(585.573.007)	0	(585.573.007)
Trích bổ sung quỹ từ LN năm trước (i)	0	0	0	0	0	0	(18.991.865.044)	(18.991.865.044)
Tạm trích lập các quỹ năm nay (ii)	0	0	0	0	0	0	(28.920.360.153)	(28.920.360.153)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước (i)	0	0	0	0	0	0	(18.991.865.043)	(18.991.865.043)
Giảm khác	0	0	0	0	0	0	(103.279.455)	(103.279.455)
Số dư cuối năm	3.000.000.000.000	7.398.000.000	564.288.197	96.677.130.481	43.152.882.206	45.135.896	164.059.008.400	3.311.896.445.180

(i): Lợi nhuận sau thuế năm 2012 được phân phối vào các quỹ và chia cổ tức cho cổ đông căn cứ theo Nghị định số 57/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ; Nghị quyết số 02/2013/NQ/ĐHĐCĐ-BacABank ngày 24/4/2013 của Đại Hội đồng cổ đông thông qua Phương án Phân phối lợi nhuận năm 2012 theo Tờ trình số 131/TT-BacABank ngày 10/4/2013 của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

(ii): Tạm trích 5% Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và và 10% Quỹ dự phòng tài chính theo Nghị định số 57/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ.

22- Vốn quỹ của tổ chức tín dụng (tiếp theo)

22.2- Thu nhập trên một cổ phiếu

	Năm 2013 Đồng	Năm 2012 Đồng
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	192.296.846.065	34.581.115.303
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	0	0
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	192.296.846.065	34.581.115.303
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	300.000.000	300.000.000
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	640,99	115,27

22.4- Chi tiết vốn đầu tư của TCTD

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chi tiêu	Năm 2013			Năm 2012		
	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Vốn cổ phần ưu đãi	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Vốn cổ phần ưu đãi
Vốn góp của các đối tượng khác	3.000.000	3.000.000	0	3.000.000	3.000.000	0
Thặng dư vốn cổ phần	7.398	7.398	0	7.398	7.398	0
Tổng	3.007.398	3.007.398	0	3.007.398	3.007.398	0

22.5- Cổ tức

	Năm 2013 Đồng	Năm 2012 Đồng
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán	0	18.991.865.043
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	Chưa công bố	18.991.865.043
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi		
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận		

22.6- Cổ phiếu

	31/12/2013 Cổ phiếu	31/12/2012 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	300.000.000	300.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	300.000.000	300.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	300.000.000	300.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	0	0
Số lượng cổ phiếu được mua lại	0	0
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	300.000.000	300.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	300.000.000	300.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	0	0

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 Đồng / Cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

23- Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự

	Năm 2013 Đồng	Năm 2012 Đồng
Thu nhập lãi tiền gửi	4.992.290.586.530	3.940.321.999.150
Thu nhập lãi tiền gửi và cho vay khách hàng	4.229.232.175.995	3.832.056.700.653
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán Nợ	763.058.410.535	108.265.298.497
Thu khác từ hoạt động tín dụng	1.723.900.017	861.334.507.277
Tổng	4.994.014.486.547	4.801.656.506.427

24- Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự

	Năm 2013 Đồng	Năm 2012 Đồng
Trả lãi tiền gửi	3.601.284.339.501	3.065.550.388.283
Trả lãi tiền vay	1.025.090.784	145.327.852.832
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	0	6.693.750.000
Chi phí hoạt động tín dụng khác	162.065.290.271	897.994.398.194
Tổng	3.764.374.720.556	4.115.566.389.309

25- Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ

	Năm 2013 Đồng	Năm 2012 Đồng
Thu phí dịch vụ	21.355.404.711	76.204.487.609
- Hoạt động thanh toán	6.492.473.213	5.033.720.296
- Hoạt động bảo lãnh	6.971.328.439	4.605.637.079
- Hoạt động ngân quỹ	116.195.235	110.442.101
- Dịch vụ đại lý	3.611.590.790	10.521.724.452
- Thu phí dịch vụ khác	4.163.817.034	55.932.963.681
Chi phí dịch vụ liên quan	24.756.303.691	35.572.692.414
- Hoạt động thanh toán	6.937.198.789	5.670.932.947
- Hoạt động ngân quỹ	1.139.780.367	2.081.828.405
- Chi phí dịch vụ khác	16.679.324.535	27.819.931.062
Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	(3.400.898.980)	40.631.795.195

26- Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối

	Năm 2013 Đồng	Năm 2012 Đồng
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	49.061.266.574	70.416.742.032
- Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	49.061.266.574	69.328.042.032
- Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	0	1.088.700.000
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	34.738.317.126	72.267.826.157
- Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	34.738.317.126	72.267.826.157
- Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	0	0
Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	14.322.949.448	(1.851.084.125)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

27- Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (mua bán) chứng khoán kinh doanh

	Năm 2013 Đồng	Năm 2012 Đồng
Chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	0	(2.115.607.594)
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	2.846.914.700	0
Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh	2.846.914.700	(2.115.607.594)

28- Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (mua bán) chứng khoán đầu tư

	Năm 2013 Đồng	Năm 2012 Đồng
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	54.707.072.085	15.171.216.383
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	(45.690.588.109)	0
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	0	0
Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư	9.016.483.976	15.171.216.383

29- Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần

	Năm 2013 Đồng	Năm 2012 Đồng
Cổ tức nhận được trong kỳ từ góp vốn, mua cổ phần	9.961.704.244	11.524.554.300
- Từ chứng khoán Vốn kinh doanh	6.560.936.573	9.185.400.000
- Từ góp vốn, đầu tư dài hạn	3.400.767.671	2.339.154.300
Tổng	9.961.704.244	11.524.554.300

30- Lãi/lỗ thuần từ các hoạt động kinh doanh khác

	Năm 2013 Đồng	Năm 2012 Đồng
Thu nhập từ hoạt động khác	44.243.427.826	13.123.801.661
- Thu từ hoạt động kinh doanh khác	44.243.427.826	13.123.801.661
Chi phí liên quan đến hoạt động khác	3.958.759.737	767.552.523
- Chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh khác	3.958.759.737	767.552.523
Lãi/ lỗ thuần từ các hoạt động kinh doanh khác	40.284.668.089	12.356.249.138

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

31- Chi phí hoạt động

	Năm 2013 Đồng	Năm 2012 Đồng
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	4.784.854.717	13.376.244.028
Chi phí cho nhân viên	230.917.289.382	201.785.744.658
Trong đó:		
- Chi lương và phụ cấp	179.003.385.651	174.999.303.261
- Các khoản chi đóng góp theo lương	23.070.906.263	13.479.224.289
- Chi trợ cấp	991.683.188	2.010.668.478
- Chi công tác xã hội	14.501.724.500	15.000.000
Chi về tài sản	150.385.442.230	100.088.710.536
Trong đó: Khấu hao tài sản cố định	43.468.057.601	23.023.577.848
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	221.513.153.795	260.238.954.183
Trong đó:		
- Công tác phí	4.227.963.606	4.558.084.642
- Chi về các hoạt động đoàn thể của ngân hàng	4.056.481.434	7.389.117.352
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo đảm tiền gửi của khách hàng	43.602.793.119	20.205.177.800
Chi phí dự phòng (không tính chi phí dự phòng rủi ro tín dụng nội và ngoại bảng; dự phòng giảm giá chứng khoán)	30.282.000.000	0
Chi phí hoạt động khác	0	0
Tổng	681.485.533.243	595.694.831.205

32- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm 2013 Đồng	Năm 2012 Đồng
1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	253.243.744.989	45.643.913.825
Các khoản mục điều chỉnh:		
<u>Trừ:</u>		
- Thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	9.961.704.244	11.524.554.300
<u>Cộng:</u>		
- Lỗ phát sinh từ hợp nhất theo PP vốn chủ sở hữu	505.554.950	10.131.834.560
2. Thu nhập chịu thuế	243.787.595.695	44.251.194.085
3. Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành (= Thu nhập chịu thuế x Thuế suất thuế TNDN)	60.946.898.924	11.062.798.522
4. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	60.946.898.924	11.062.798.522
- Thuế TNDN còn phải nộp đầu kỳ	(8.869.082.807)	603.079.530
- Thuế TNDN đã được hoàn lại trong kỳ	8.877.819.002	0
- Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	23.183.442.497	19.951.967.057
- Điều chỉnh chênh lệch thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước (theo kết quả thanh tra thuế)	99.476.915	(582.993.802)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp cuối kỳ	37.871.669.537	(8.869.082.807)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

VII- THÔNG TIN BỔ SUNG MỘT SỐ KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

34- Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013 Đồng	31/12/2012 Đồng
Tiền mặt và các khoản tương đương tiền tại quỹ	444.280.566.025	682.336.002.397
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	286.981.172.011	1.579.126.035.741
Tiền, vàng gửi tại các tổ chức tín dụng khác (gồm không kỳ hạn và có kỳ hạn không quá 03 tháng)	463.384.290.502	181.715.958.884
Tiền cho vay các tổ chức tín dụng khác	1.285.666.400.000	616.508.800.000
Tổng	2.480.312.428.538	3.059.686.797.022

VIII- CÁC THÔNG TIN KHÁC

35- Tình hình thu nhập của cán bộ, công nhân viên

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2012
I. Tổng số cán bộ, công nhân viên (Người)	1.273	1.323
II. Thu nhập của cán bộ (Đồng)		
1. Tổng quỹ lương	179.003.385.651	174.999.303.261
2. Tiền thưởng	0	0
3. Thu nhập khác	9.402.852.500	7.783.185.000
4. Tổng thu nhập (1+2+3)	188.406.238.151	182.782.488.261
5. Tiền lương bình quân hàng tháng	11.717.949	11.022.884
6. Thu nhập bình quân hàng tháng	12.333.480	11.513.132

36- Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm	Phát sinh trong năm		Số dư cuối năm
		Số phải nộp	Số đã nộp	
1. Thuế giá trị gia tăng	588.808.422	3.428.044.626	3.268.873.254	747.979.794
2. Thuế thu nhập doanh nghiệp	(8.869.082.807)	69.924.194.841	23.183.442.497	37.871.669.537
3. Các loại thuế khác	3.048.095.875	21.723.960.483	22.547.476.811	2.224.579.547
4. Các khoản phí, khoản phải nộp khác	56.318.312	4.049.406.728	4.049.406.728	56.318.312
Tổng	(5.175.860.198)	99.125.606.678	53.049.199.290	40.900.547.190

44- Quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro tài chính mà Ngân hàng phải chịu bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường và rủi ro hoạt động.

44.1- Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi các khách hàng và các bên đối tác của Ngân hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Rủi ro tín dụng phát sinh từ hoạt động cho vay và bảo lãnh dưới nhiều hình thức.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

44.1- Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Ngân hàng cũng chịu các rủi ro tín dụng khác phát sinh từ các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ và các rủi ro khác trong hoạt động giao dịch của Ngân hàng ('rủi ro giao dịch'), bao gồm các tài sản trên danh mục giao dịch không thuộc vốn chủ sở hữu, các công cụ phái sinh và số dư thanh toán với các đối tác.

Rủi ro tín dụng là rủi ro lớn nhất cho hoạt động kinh doanh của Ngân hàng; do đó Ban lãnh đạo quản lý rủi ro tín dụng cho Ngân hàng một cách rất cẩn trọng. Việc quản lý và kiểm soát rủi ro tín dụng được tập trung vào một bộ phận quản lý rủi ro tín dụng chịu trách nhiệm báo cáo thường xuyên cho Ban Tổng giám đốc và người đứng đầu mỗi đơn vị kinh doanh.

44.1.1 Đo lường rủi ro tín dụng xác định tổn thất và lập dự phòng**(a) Cho vay và bảo lãnh**

Việc đo lường rủi ro tín dụng được thực hiện trước và trong thời gian cho vay.

Ngân hàng đã xây dựng các mô hình hỗ trợ việc định lượng rủi ro tín dụng. Các mô hình xếp hạng và chấm điểm này được sử dụng cho mọi danh mục tín dụng trọng yếu và hình thành cơ sở cho việc đo lường các rủi ro vi phạm thanh toán trước và trong khi cho vay.

Dựa trên việc đo lường trên, Ngân hàng phân loại các khoản vay và trích lập dự phòng theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/4/2005 và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25/4/2007 của Ngân hàng Nhà nước để đo lường và phân loại các khoản cho vay và bảo lãnh.

(b) Chứng khoán nợ

Các khoản đầu tư của Ngân hàng vào chứng khoán nợ là các công cụ nợ do Chính phủ và các tổ chức tín dụng và kinh tế có uy tín phát hành. Rủi ro tín dụng được ước tính theo từng khoản nợ cụ thể khi Ngân hàng đánh giá có sự thay đổi về rủi ro tín dụng của bên đối tác. Các khoản đầu tư vào các chứng khoán này được xem là cách để đảm bảo hoạch định chất lượng tín dụng tốt hơn và đồng thời duy trì nguồn tín dụng sẵn sàng để đáp ứng yêu cầu cấp vốn.

44.1.2 Các chính sách kiểm soát và giảm thiểu rủi ro tín dụng

Ngân hàng kiểm soát rủi ro tín dụng bằng việc áp dụng các hạn mức đối với các rủi ro (cho cả rủi ro nội bảng và rủi ro ngoại bảng) liên quan đến từng khách hàng vay vốn, hoặc nhóm khách hàng vay vốn theo đúng các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Thêm vào đó, rủi ro tín dụng cũng được kiểm soát thông qua việc rà soát định kỳ các nhóm tài sản thế chấp và phân tích khả năng trả nợ lãi và vốn của các khách hàng vay vốn và các khách hàng tiềm năng.

Ngân hàng có một số các chính sách và cách thức thực hành để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Cách thức truyền thống nhất là nắm giữ các tài sản đảm bảo cho các khoản tạm ứng vốn, một cách thức phổ biến. Các loại tài sản đảm bảo cho các khoản cho vay và ứng trước gồm có:

- Thế chấp đối với các bất động sản là nhà ở;
- Quyền đối với các tài sản hoạt động như trụ sở, máy móc thiết bị, hàng tồn kho, các khoản phải thu;
- Quyền đối với các công cụ tài chính như chứng khoán nợ và chứng khoán vốn.

Đối với các khoản cho vay có đảm bảo, tài sản thế chấp được định giá một cách độc lập bởi Ngân hàng với việc áp dụng các tỷ lệ chiết khấu cụ thể để xác định giá trị có thể cho vay tối đa. Tỷ lệ chiết khấu cho mỗi loại tài sản thế chấp được hướng dẫn trong Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/4/2005 và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25/4/2007 của Ngân hàng Nhà nước và được Ngân hàng điều chỉnh cho từng trường

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

44.1.2 Các chính sách kiểm soát và giảm thiểu rủi ro tín dụng (tiếp theo)

hợp cụ thể. Khi giá trị hợp lý của các tài sản thế chấp bị giảm, Ngân hàng sẽ yêu cầu khách hàng vay vốn phải thế chấp thêm tài sản để duy trì mức độ an toàn đối với rủi ro của khoản cho vay.

Rủi ro tín dụng đối với các cam kết chủ yếu bao gồm thư tín dụng và các hợp đồng bảo lãnh tài chính có tính chất tương tự như rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay. Thư tín dụng kèm chứng từ và thư tín dụng thương mại - là các cam kết bằng văn bản của Ngân hàng thay mặt cho khách hàng thanh toán cho bên thứ ba lên đến số tiền quy định theo các điều khoản và điều kiện cụ thể - được đảm bảo bằng chính hàng hóa liên quan và do đó rủi ro thấp hơn so với các khoản cho vay trực tiếp. Việc phát hành thư tín dụng và các hợp đồng bảo lãnh tài chính được thực hiện theo các quy trình đánh giá và phê duyệt tín dụng như đối với các khoản cho vay và tạm ứng cho khách hàng trừ khi khách hàng ký quỹ 100% cho các cam kết có liên quan.

44.2- Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường phát sinh từ trạng thái mở của lãi suất, các sản phẩm tiền tệ và công cụ vốn, tất cả các sản phẩm này đều chịu tác động từ biến động trên thị trường nói chung và từng loại thị trường nói riêng và sự thay đổi của mức độ biến động của giá thị trường như: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác.

44.2.1- Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính bị biến động do tác động của các thay đổi về lãi suất của thị trường. Ngân hàng quản lý rủi ro lãi suất thông qua việc kiểm soát mức chênh lệch lãi suất theo kỳ hạn hàng tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

44.2.1- Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

Bảng dưới đây tóm tắt rủi ro lãi suất của Ngân hàng tại ngày 31/12/2013:

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Quá hạn	Không kỳ hạn	Đến 01 tháng	Từ 01 - 03 tháng	Từ 03 - 06 tháng	Từ 06 - 12 tháng	Từ 01 - 05 năm	Trên 05 năm	Tổng
TÀI SẢN									
01. Tiền mặt vàng bạc, đá quý	0	444.281	0	0	0	0	0	0	444.281
02. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	0	286.981	0	0	0	0	0	0	286.981
03. Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác (*)	0	0	1.118.131	745.420	0	0	0	0	1.863.551
04. Chứng khoán kinh doanh (*)	0	0	0	0	0	618.052	0	0	618.052
06. Cho vay khách hàng (*)	732.089	0	3.588.353	4.485.442	7.625.251	5.996.074	4.748.401	2.337.471	29.513.081
07. Chứng khoán đầu tư (*)	0	0	0	0	0	5.109.045	7.663.567	0	12.772.612
08. Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	0	0	0	0	0	0	764.699	0	764.699
09. Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	0	289.902	0	0	0	0	0	0	289.902
10. Tài sản Có khác (*)	0	407.508	1.222.522	1.181.771	1.263.273	0	0	0	4.075.074
Tổng tài sản	732.089	1.428.672	5.929.006	6.412.633	8.888.524	11.723.171	13.176.667	2.337.471	50.628.233
NỢ PHẢI TRẢ									
01. Tiền gửi của và vay từ Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng khác	0	0	380.254	760.507	1.140.761	1.521.014	0	0	3.802.536
02. Tiền gửi của khách hàng	0	0	5.428.173	4.664.836	7.294.108	9.753.749	12.722.281	2.544.456	42.407.603
04. Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro	0	0	0	0	0	0	8.507	0	8.507
05. Phát hành giấy tờ có giá	0	0	0	0	0	157	0	0	157
06. Các khoản nợ khác	0	0	77.704	699.331	0	0	0	0	777.035
Tổng nợ phải trả	0	0	5.886.131	6.124.674	8.434.869	11.274.920	12.730.788	2.544.456	46.995.838
Mức chênh lệch cam với lãi suất nội bảng	732.089	1.428.672	42.875	287.959	453.655	448.251	445.879	(206.985)	3.632.395
Mức chênh lệch cam với lãi suất nội, ngoại bảng	732.089	1.428.672	42.875	287.959	453.655	448.251	445.879	(206.985)	3.632.395

(*) Không bao gồm dự phòng rủi ro.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

44.2.2- Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị biến động xuất phát từ biến động tỷ giá. Ngân hàng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền sử dụng là Đồng Việt Nam. Đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng cũng là Đồng Việt Nam. Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng của Ngân hàng chủ yếu bằng Đồng Việt Nam và Đô la Mỹ. Tuy nhiên, một số tài sản khác của Ngân hàng bằng ngoại tệ khác Đồng Việt Nam và Đô la Mỹ. Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng đã thiết lập hạn mức trạng thái cho từng loại tiền tệ. Trạng thái đồng tiền được giám sát hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng sử dụng để đảm bảo trạng thái đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Bảng dưới đây trình bày các tài sản và công nợ của Ngân hàng theo loại tiền tệ được quy đổi sang Đồng Việt Nam tại ngày 31/12/2013:

Đơn vị tính: Triệu đồng				
Chi tiêu	EUR được quy đổi	USD được quy đổi	Các ngoại tệ khác được quy đổi	Tổng
Tài sản				
01. Tiền mặt vàng bạc, đá quý	2.099	111.171	0	113.270
02. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	0	30.053	0	30.053
03. Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác (*)	3.822	584.057	9.917	597.796
06. Cho vay khách hàng (*)	0	237.857	0	237.857
10. Tài sản Có khác (*)	0	424.084	0	424.084
Tổng tài sản	5.921	1.387.222	9.917	1.403.060
Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu				
01. Tiền gửi của và vay từ Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng khác	0	921	0	921
02. Tiền gửi của khách hàng	6.150	1.083.628	5	1.089.783
04. Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro	0	395.543	0	395.543
05. Phát hành giấy tờ có giá	0	149	0	149
06. Các khoản nợ khác	40	60.661	0	60.701
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	6.190	1.540.902	5	1.547.097
Trạng thái tiền tệ nội bảng	(269)	(153.680)	9.912	(144.037)
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng				
Trạng thái tiền tệ nội ngoại bảng	(269)	(153.680)	9.912	(144.037)

(*) Khoản mục này không bao gồm số dư dự phòng rủi ro.

44.2.3- Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Ngân hàng không thể thực hiện được nghĩa vụ chi trả liên quan đến công nợ tài chính khi đến hạn và không có nguồn vốn thay thế khi khách hàng rút vốn. Hậu quả có thể dẫn đến việc Ngân hàng không còn khả năng thanh toán đối với người gửi tiền và không thực hiện được các cam kết cho vay. Ngân hàng quản lý rủi ro thông qua:

- Kiểm soát hoạt động huy động vốn và cho vay hàng ngày
- Duy trì danh mục đầu tư bao gồm các chứng khoán dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt
- Kiểm soát các chỉ số thanh khoản dựa trên báo cáo tình hình tài chính đảm bảo tuân thủ theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

44.2.3- Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tóm tắt các khoản tài sản và nợ của Ngân hàng theo nhóm kỳ hạn tính từ ngày kết thúc kỳ kế toán 31/12/2013 đến ngày đáo hạn:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Quá hạn		Trong hạn					Tổng
	Trên 03 tháng	Đến 03 tháng	Đến 01 tháng	Từ 01 - 03 tháng	Từ 03 - 12 tháng	Từ 01 - 05 năm	Trên 05 năm	
TÀI SẢN								
01. Tiền mặt vàng bạc, đá quý	0	0	444.281	0	0	0	0	444.281
02. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	0	0	43.047	100.443	114.793	28.698	0	286.981
03. Tiền gửi và cho vay các TCTD khác (*)	0	0	372.710	559.065	745.421	186.355	0	1.863.551
04. Chứng khoán kinh doanh (*)	0	0	618.052	0	0	0	0	618.052
06. Cho vay khách hàng (*)	73.209	941.149	5.606.802	7.849.523	7.956.525	4.748.401	2.337.472	29.513.081
07. Chứng khoán đầu tư (*)	0	0	0	0	0	12.772.612	0	12.772.612
08. Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	0	0	0	0	0	764.699	0	764.699
09. Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0	289.902	0	289.902
10. Tài sản Có khác (*)	0	0	407.508	3.667.566	0	0	0	4.075.074
Tổng tài sản	73.209	941.149	7.492.400	12.176.597	8.816.739	18.790.667	2.337.472	50.628.233
NỢ PHẢI TRẢ								
01. Tiền gửi của và vay từ Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng khác	0	0	836.558	1.444.964	1.521.014	0	0	3.802.536
02. Tiền gửi của khách hàng	0	0	6.361.140	9.753.749	6.615.586	17.132.672	2.544.456	42.407.603
04. Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro	0	0	0	0	0	8.507	0	8.507
05. Phát hành giấy tờ có giá	0	0	0	0	157	0	0	157
06. Các khoản nợ khác	0	0	77.704	699.331	0	0	0	777.035
Tổng nợ phải trả	0	0	7.275.402	11.898.044	8.136.757	17.141.179	2.544.456	46.995.838
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	73.209	941.149	216.998	278.553	679.982	1.649.488	(206.984)	3.632.395

(*) Không bao gồm dự phòng rủi ro

44.3- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính

Các tài sản tài chính và công nợ tài chính của Ngân hàng đang được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá tài sản. Do vậy, giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính và công nợ tài chính của Ngân hàng có thể có các khác biệt đối với giá trị hợp lý của chúng.

Hiện tại, Ngân hàng chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý của tất cả các tài sản tài chính và công nợ tài chính của mình. Ngân hàng sẽ thực hiện việc trình bày giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính khi có các hướng dẫn chi tiết của các cơ quan quản lý.

45- Báo cáo bộ phận

Lĩnh vực kinh doanh của Ngân hàng chủ yếu là các hoạt động dịch vụ về tài chính, tiền tệ và ngân hàng nên Ngân hàng không lập báo cáo bộ phận về lĩnh vực kinh doanh.

Hoạt động kinh doanh chính của Ngân hàng chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

46- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

47- Giao dịch với các bên có liên quan

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2013 Đồng	Năm 2012 Đồng
Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị	320.000.000	336.000.000
Thù lao của thành viên Ban kiểm soát	192.000.000	192.000.000

48- Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn tài chính kế toán và Kiểm toán (AASC).

Tp. Vinh, ngày 03 tháng 03 năm 2014

Kế toán trưởng

Nguyễn Hồng Yến

Tổng Giám đốc



Thái Hương

Trên đây là toàn văn Báo cáo Thường niên năm 2013 của Ngân hàng TMCP Bắc Á.



TP.Vinh, ngày 22 tháng 03 năm 2014
NGÂN HÀNG TMCP BẮC Á
TỔNG GIÁM ĐỐC



Thái Hương